

## **Giới thiệu**

Từ ngày dân tộc ta thu hồi chủ quyền và lãnh thổ đến nay, riêng tôi, tôi vẫn ước mong có một tập sách ghi lại những thi văn bị cấm trong thời thuộc Pháp qua, vì đó là những di sản tinh thần vô cùng quý giá của tiền nhân để lại. Những thi văn ấy phải nói là những bài có tác dụng huyền đúc rất mạnh ý chí quật khởi của dân tộc, và đó cũng chính là những sử liệu xương máu mà những người dân Việt-Nam sống thác vì Tổ quốc Việt-Nam không thể bỏ qua được.

Giữa lúc tôi đang băn khoăn vì câu chuyện trên đây thì quyển « THI VĂN QUỐC CẤM — THỜI PHÁP THUỘC » của bạn Thái-Bạch đưa lại cho tôi được cái hân hạnh để xem trước, và xin thêm ý kiến. Như trút được gánh nặng trong lòng, tôi lật từng trang xem, xem đến đâu như thấy thêm bốc dậy tinh thần dân tộc đến đó, và rất lấy làm mừng cho quốc dân trong lúc « chống văn-hóa nô dịch » này có một sử liệu quý ra đời. Tập này tuy chưa đầy đủ, nhưng phải nhận đây là một bước đi trước và là cả một công trình của một người biên soạn và sưu tầm.

Vì thế, tôi viết mấy hàng này để tán thưởng công việc làm của một văn hữu, và xin trân trọng giới thiệu soạn phẩm « THI VĂN QUỐC CẤM — THỜI PHÁP THUỘC » này với quý vị độc giả.

Sài-thành Xuân Canh-Tý — 1960  
NGUYỄN-VĨNH-ĐĂNG

## **Lời nói đầu**

Lịch-sử dân tộc Việt-Nam ta trong 80 năm qua là lịch sử 80 năm chiến đấu không ngừng để giải phóng dân-tộc.

Công cuộc chiến đấu này, khi công khai, khi bí mật và phải dùng đủ mọi mặt, mọi hình thức, mọi phương tiện mới đem lại kết quả ngày nay. Trong đó, chúng ta phải nói quân sự và văn nghệ đã đóng những vai trò có tính chất quyết định hơn hết. Vì quân sự là hình thức chiến đấu cao nhất mà trước khi dùng đến phải nhờ văn nghệ để nung tinh thần quật khởi, để sôi men chiến đấu trong khắp các từng lớp nhân dân.

Một nhà cách mạng nói :

— Có tư tưởng cách mạng rồi mới có phong trào cách mạng. Muốn có tư tưởng này, không thể không cần tới văn nghệ, vì chỉ có hình thức này, mới truyền cảm được tinh thần ấy vào tâm não con người, và mới có thể phát động, lôi cuốn được phong trào.

Thực tế của các cuộc cách mạng Đông, Tây nói chung và Việt-Nam nói riêng đã chứng minh lời nói ấy là đúng.

Tuy nhiên nhắc đến công cuộc chiến đấu giành độc lập của dân tộc mình, kiềm điềm lại, chúng ta thấy còn một sơ sót, trong việc ghi chép những trang sử oai hùng vừa qua đã gần như xem nhẹ những thành tích chiến đấu trên địa hạt văn nghệ mà không đề cập đến. Chính đó là những hồi kèn rung trống giục lòng yêu nước của nhân dân đứng dậy ; là những tài liệu giáo dục lịch sử vô cùng quý giá để cho đời đời truyền tụng, học tập và rút tia kinh nghiệm...

Thế nên, trong thời Pháp thuộc những tài liệu ấy đã bị những kẻ đàn áp nhân dân ta xem là những thứ quốc cấm. Trong số các tác giả có người đã bị tù đày, bị giết, bị thủ tiêu, hoặc phải bôn ba nơi hải ngoại. Cả đến gia đình và những người tích trữ cũng phải liên can. Như vậy chúng ta đều biết tác dụng của những tài liệu văn nghệ ấy thế nào. Có khác chi đâu những phát thắn công đại bác bắn vào thành trì tư tưởng của những kẻ chỉ biết có tiền bạc, địa vị... chuyên sống bằng nghề cướp nước và bán nước!

Ngày nay nước ta đã độc lập. Những tài liệu ấy không còn ở trong giam cầm nữa.

Chúng tôi thiết nghĩ hơn lúc nào hết, lúc này tự mình có nhiệm vụ phải sưu tầm lại để thưa với quốc dân và trình cho lịch sử. Không thì, những tài liệu ấy đã bị thất lạc đi rất nhiều trong thời gian qua, rồi đây sẽ bị thất lạc thêm nữa.

Vì vậy, chỉ mới có được một số rất ít thôi, chúng tôi cũng xin gom lại trong tập này, lấy tên là « THI VĂN QUỐC CẤM THỜI THUỘC PHÁP » cho đúng với tính chất và giá trị của nó là những bài thơ, bài văn đã bị người Pháp nghiêm cấm không cho lưu hành trong khi họ có mặt trên đất chính trị ở xứ này.

Chúng tôi cố gắng sưu tầm nữa, và mong các bạn gần xa giúp thêm cho những tài liệu để bồi túc.

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,*

*Ăn cơm nhớ kẻ cấy cày ruộng sâu.*

Trước linh hồn các anh hùng liệt sĩ đã hết mình vì dân vì nước, đã lấy cả lời văn ngọn bút làm gươm làm súng chống kẻ thù chung của dân tộc, hôm nay, chép lại tập tài liệu này, chúng tôi nguyện nuôi tinh thần ấy, chí ấy mãi mãi trong lòng để xứng đáng làm người Việt-Nam ở trước thế hệ mới.

Sài-thành mùa mưa năm Kỷ-Hợi — 1959

THÁI-BẠCH

## TÓM TẮT MỘT GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

Cuộc sống của con người từ đầu thế kỷ 17 đã bước sang một giai đoạn với những phát minh về khoa học làm cho bộ mặt thế giới mỗi ngày một thêm đổi mới.

Trong khi ấy, các nước Tây-phương, về kỹ nghệ đã dùng các thứ máy móc chạy bằng hơi nước và điện lực. Về chính trị, các nước ấy đã đi từ chế độ quân chủ chuyên chế bất bình đẳng bước sang chế độ dân chủ cộng hòa dựa trên nguyên tắc tự do và bình đẳng. Ảnh hưởng cuộc cách mạng Pháp năm 1789 đã lan tràn đi khắp các quốc gia Âu Mỹ, đánh thức mọi dân tộc vùng lân đê giành lấy quyền sống văn minh, cường thịnh.

Ảnh hưởng ấy tràn sang Á Đông. Song chỉ có nước Nhật là sớm biết duy tân đê làm cho dân tộc khỏi sa vào cạm bẫy thuộc địa của các nước tư bản phương Tây. Còn Việt-Nam mình với Trung-Hoa thì vẫn khư khư ôm giữ cái chế độ quân chủ mục nát với những học thuật cò hủ từ nghìn xưa đê lại. Do đó, nước Trung-Hoa từ năm 1840 trở đi đã thành một bán thuộc địa của các đế quốc Âu, Mỹ, Nhật, 450 triệu dân số con cháu của Phục-Hy, Thần-Nông, Hoàng-Đế phải sống một cảnh sống tha hồ cho tư bản ngoại quốc và tham quan ô lại bóc lột đến tận xương tật túy, cơ hồ không thể cất đầu lên được nữa. Còn Việt-Nam ta thì trở thành một thuộc địa của Pháp, rồi năm 1940, người Pháp lại đem dâng cho Nhật làm căn cứ quân sự xâm lăng Thái-Bình-Dương. Nhân dân ta từ Bắc chí Nam phải sống vô cùng nhục nhã và đau khổ, trên 80 năm trời không có ngày nào không có đẫm máu và nước mắt.

Ngược giòng lịch sử, ta thấy Việt-Nam đã tiếp súc với văn minh Tây-phương từ hậu bán thế kỷ 17 là khoảng năm 1789 năm mà Chúa Nguyễn-Ánh nhận cuộc viện trợ bằng người và súng đạn của giám-mục Bá-đa-Lộc. Nhưng sau khi đánh thắng được Tây-sơn, thống nhất được lãnh thổ, ông vua này vẫn đặt guồng máy nhà nước trong khuôn khổ phong kiến quá mùa, đời sống của nhân dân vẫn nằm trong trạng thái thủ công và lạc hậu. Học thuật thì trước sau vẫn chủ trương cái gì không phải gốc của Thánh, Hiền Trung-Quốc thì đều là man di.

Đã thế, từ đời Minh-Mệnh (1829-1840) trở đi, những sự nghiệt ngã của nhà vua đối với các công thần, và những sự nhũng nhiễu làm càn của đám vương giả, quan liêu đã khiến lòng dân bất phục lại bắt phục hơn nữa. Thêm vào đó, một số sĩ-phu Bắc-Hà còn nuôi ý khôi phục nhà Lê, nên giặc giã ngày càng nồi lên khắp cả mọi nơi. Từ các cuộc nổi loạn Lê-văn-Khôi ở Gia-Định, đến các cuộc loạn Phan-bá-Vành, Nông-văn-Vân ở Bắc, luôn luôn làm nhân dân phải liên tiếp sống những năm lầm than khổ sở, quan quân phải đi đánh dẹp hết chỗ nọ đến chỗ kia.

Than ôi ! Trước tình cảnh ấy, quan niệm hưởng lạc ở triều nội lại càng nảy nở. Nhà vua thì lo cung cố ngai vàng bằng cách đặt bộ máy chánh quyền thu hẹp trong các bầy tôi thân tín, thủ túc, hơn là người nghĩ đến việc sống của nhân-dân. Bầy quan lại thủ cựu thì a dua xu phụ đề lo lắng vinh thân phi gia hơn là nghĩ đến các công việc nhà nước.

Tai hại thay cho cái tư tưởng bảo thủ và vị kỷ, nhất là cái tư tưởng ấy lại đã ăn sâu vào đầu óc những con người nắm vận mệnh dân tộc. Chính đó là những động cơ làm cho đất nước ngày càng đi vào hố suy vong thảm bại.

Các bản điều trần xin tự lực khai hóa và canh tân nông nghiệp của các ông Nguyễn-Trường-Tộ, Nguyễn-Điền chính cũng do đó mà không được chấp thuận.

Ngoài ra, việc chủ trương cầm đoán khủng bố Gia-tô-giáo với chính sách bế môn tòa cảng không giao thiệp với các nước Tây-phương của Triều-định, càng làm cho việc đối ngoại cũng như việc đối nội, mỗi ngày một thêm phần rối nát.

Riêng việc khủng bố Giáo-dân đến đời Thiệu-Trị (1841-1847) có giảm đi phần nào. Nhưng việc khủng bố và bắt giam các giáo-sĩ ngoại quốc vẫn tiếp diễn, và lại có lúc tăng hơn nữa.

Vì đó, tình thế nước nhà đưa dần đến chiến tranh, mặc dầu chỉ là một cái cớ để thực dân lợi dụng mà phần thua thiệt nghiêng về phía mình vì trình độ tổ chức quân sự của ta còn kém, binh sĩ thiếu giáo luyện, vũ khí lạc hậu, phần nhiều là cung tên giáo mác.

Thế là từ năm 1859, quân đội thực dân Pháp sau khi đánh lấy được Gia-Định, thế lực xâm lăng của chúng lan tràn đi khắp mọi nơi trên lãnh thổ nước ta.

Năm 1862, chúng bắt triều đình nhà Nguyễn phải ký hòa ước hiến ba tỉnh miền Đông Nam-Việt. Năm 1867, chúng cướp luôn ba tỉnh miền Tây.

Năm 1873, chúng đem quân ra Bắc. Năm 1883, chúng vào cửa Thuận-An, bắt triều đình phải ký hòa ước nhin nhận sự bảo hộ của chúng. Sau đó là hòa ước năm 1884, nói rõ Nam-Kỳ là thuộc địa của Pháp, còn Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ vẫn do triều đình Huế cai trị. Nhưng từ sau ngày 23 tháng 4 năm 1885 là ngày Tôn-Thất-Thuyết đại bại trong việc tấn công tòa Khâm-sứ Pháp ở Huế, phải đem vua Hàm-Nghi chạy trốn thi dần dần bản hòa ước chỉ còn là một mảnh giấy lộn, triều đình Huế biến thành một cái bù nhìn để cho người Pháp sai khiến và lợi dụng.

Đất nước Việt-Nam hoàn toàn thuộc về tay người Pháp.

Trong những ngày nắm quyền cai trị, thực dân Pháp lên tiếng là đem văn minh sang khai hóa nước ta. Nhưng :

— Về chính trị, chúng vẫn duy trì cái chế độ vua quan mục nát để thẳng tay đàn áp dân ta. Chúng cầm nhân dân ta không được nói đến các quyền tự do, dân chủ. Chúng chia nước ta làm 3 miền Trung, Nam, Bắc khác nhau, mỗi miền đặt ra một chính thể riêng biệt, và cầm nhân dân ta không được phép tự do đi lại, để gây chia rẽ và nghi kỵ.

— Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta một cách vô cùng tàn nhẫn bằng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý làm cho dân ta mỗi ngày một xơ xác điêu tàn. Chúng chiếm đoạt ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu, giữ độc quyền in giấy bạc và xuất cảng nhập cảng. Thập chí từ năm 1943, chúng lại bắt dân ta phải bán thóc cho chúng với một giá lỗ vốn để gây ta tình trạng bi thảm : trên hai triệu người chết đói vào đầu năm 1945.

— Về quân sự, chúng bắt dân ta phải đi lính để canh gác cho chúng, hăr hạ chúng, làm phương tiện cho chúng đàn áp đồng bào, và di chết thay cho chúng trong các trận giao tranh với Đức, với Nhật, với Thái-Lan v. v...

— Về văn hóa, và xã hội, chúng dùng rượu cồn, thuốc phiện để làm suy nhược dân ta. Chúng cầm dân ta không được đọc sách cách mạng Pháp, duy-tân Nhật, Trung-Quốc, và những tác phẩm có tư tưởng đấu tranh cho tự do dân chủ. Chúng lập ra các trường Pháp-Việt nhưng chỉ với tính chất nhồi sọ, nhằm đào tạo những tay sai trung thành, nên bắt phải học rất nhiều về môn sử địa Pháp, gọi người Gô-Loa là thủy tổ nước mình, và hạn chế tuổi học khiến cho dân ta có tiếng là chậm học mà trong thời chúng cai trị tinh ra đến 90 phần trăm người mù chữ. Chúng cho nhập cảng những thứ văn chương lăng mạn và các đồ xa xỉ để đầy thanh niêm nước ta vào vòng truy lục, vong bẩn. Chúng bắt dân ta phải đi phu, đi thợ ở các Tủ kho sách xưa của Quán Ven Đường

nha máy, các đồn điền, các hầm mỏ với mức giá lương rất hạ mà ốm đau không thuốc, gặp tai nạn không được đòi phụ cấp. Và trước sau với nhiệm vụ đi truyền bá văn minh, thực dân Pháp đã giết hại cả hàng triệu người Việt yêu nước, bằng gươm súng, bom đạn, bằng các nhà tù và các trại tập trung...

Nói tóm lại, những ngày thực dân Pháp cầm quyền bảo hộ Việt-Nam ta là những chuỗi ngày dài :

*Rắn phun rết độc, đầy trời mưa máu gió tanh ;*

*Cop lũ beo đòn, chặt đất gò xương núi xác.*

*Nhai lớn nuốt nhai bé, cường quyền chi luận lý công ;*

*Bò trắng húc bò vàng, bác ái còn đâu nhân đạo. (1)*

Mà những văn minh của thực dân Pháp đem sang khai hóa là những thứ ương hèn, trụy lạc, phản trắc, đối khờ, lầm than, tham bạo, cờ bạc, trộm cắp, và các thứ vi trùng bệnh hoạn... Thật là một sự vô cùng xỉ nhục cho nước Pháp dân chủ, cho tinh thần cách mạng Pháp 1787, một cuộc cách mệnh cho dân quốc Pháp vẫn thường tự phụ mình có công lớn trong cuộc giải phóng lớp bình dân nô lệ ra ngoài vòng áp chế của bọn vua quan và quý tộc.

Tuy nhiên, đối với nhân dân ta, thực dân Pháp chỉ có thể làm khiếp dám, và lừa dối được một thiểu số thôi. Còn cả toàn thể thì trái lại. Do đó, các cuộc tranh đấu đã liên tiếp diễn ra bằng đủ mọi hình thức khi công khai, lúc bí mật để giành lại chủ quyền.

Từ các cuộc khởi nghĩa Trương-Công-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Thiên-hộ-Dương, Thủ-khoa Huân, Phan Liêm, Phan Tôn, Quản Hớn ở Nam, Nguyễn-thiện-Thuật, Tống-duy-Tân, Phan-đinh-Phùng, Hoàng-hoa-Thám ở Trung ở Bắc, đến Đông-Kinh Nghĩa Thục, đến Duy-

(1) Của cụ Nguyễn-phan-Lãng.

Tân, đến Thái-Nguyên, Yên-Bái, đến Nam-Ngãi, Bình-Phú, đến các  
tỉnh Nam-Việt... Kiềm lại, trong những ngày người Pháp còn ngự  
trị, nhân dân ta không có ngày nào không có cuộc đấu tranh. Quả  
thật dân tộc ta là một dân tộc sáng suốt, đã tranh đấu với bạo  
lực, với cường quyền một cách anh dũng và bền bỉ để đến thắng  
lợi cuối cùng.

Như vậy, tình hình nước ta trong những ngày thuộc Pháp là  
tình hình của một giai đoạn lịch sử đầy trời ngột đất những mây  
đen tối mịt, mà trong đó đã nảy ra vô số những tia sáng, những  
làn chớp, những luồng gió, những tiếng sét nối nhau để đánh tan đi  
những đám mây mù ấy cho trời trong sáng lại.

Những bài của các bậc tiền bối đáng yêu đáng kính của dân ta  
trong tập « Thi Văn Quốc Cẩm » này là những bài xuất phát từ trong  
hoàn cảnh lịch sử ấy.

Nói chung, đối với thực dân cùng bè lũ, những bài này là những  
bản cáo trạng vạch trần những âm mưu sâu độc, những thủ đoạn  
dã man của chúng. Còn đối với đồng bào là những hồi chuông báo  
thức, những nhịp kèn gọi dậy, những tiếng trống thúc lên đề tự giải  
phóng ra khỏi chỗ địa ngục trần gian, cho sống một cuộc đời đáng sống  
ở giữa lúc văn minh khoa học đang trào dâng sóng vỗ khắp nơi mà  
nhân loại ai ai cũng có quyền hưởng thụ.

T. B.

## PHẦN THI CA

## **Trước họa giặc Pháp**

Mùa xuân năm Kỷ-Mùi, niên hiệu Tự-Đức thứ 12 (Dương-lịch 1859) bọn thực dân Pháp lợi dụng danh nghĩa bảo vệ các giáo sĩ đem binh thuyền vào cửa biển Vũng-tàu, mở màn cuộc xâm chiếm nước ta.

Với vũ khí tối tân, bọn chúng lần lượt đánh chiếm được các tỉnh Gia Định, Biên-hòa, Định-tường, tức 3 tỉnh miền Đông Nam-Việt.

Nhưng nhân dân ta với tinh thần bất khuất và ý chí tự vệ đã đứng lên chống lại quyết liệt dù chỉ bằng vũ khí thô sơ.

Bài thơ Lục bát này là bài nói lên nội dung ý nghĩa ấy trong khoảng thời gian đó và kè là một bài thơ kháng chiến đầu tiên. Nhưng rất tiếc không rõ tác giả là ai và đầu đề là gì, mà chỉ biết rõ là làm sau lúc 3 tỉnh đã bị giặc chiếm đóng, vì vậy chúng tôi tạm thay bằng mấy chữ tựa trên và chép y nguyên văn dưới đây do cụ Hồ-tôn-Tẫn ở Ba-sao đã thuộc lòng và đọc cho chép lại.

T  
rời Nam dương hội mở mang,  
Bỗng nhiên mắc lũ giặc loàn Tây dương.  
Chó săn có lũ thằng Tường,  
Thằng Lộc, thằng Tân, thằng Phương một đoàn (1).

(1) *Túc Tên-thợ-Tường, Trần-bá-Lộc, Huỳnh-công-Tấn, Đỗ-hữu-Phương*, những tên đại Việt gian lúc đó.

## THI VĂN QUỐC CẨM

Xóm làng đình miếu tan hoang,  
 Thành siêu vách đồ muôn vàn đắng cay.  
 Máu thây oan nghiệt rẫy đầy.  
 Chém cha cái lũ thằng Tây bạo tàn.  
 Cửa nhà đang lúc hiền vang,  
 Chốc nén ngôi lở tro tàn thảm thương.  
 Kia quân tả đạo bất lương.  
 Vô quân vô phụ một phường dã man.  
 Nợ Lang-sa thứ giặc loạn,  
 Cờ tam sắc nó rắc nàn gieo tai.  
 Hồi trang dẹp loạn giờ ai ?  
 Sao chưa địch khái (2) trồ tài một phen ?  
 Đồng-nai bốn phía mây đen,  
 Biền-hòà, Gia-định nỗi niềm siết bao.  
 Kia kia những đắng anh hào,  
 Gò-công, Cần-giuộc trăng sao tỏ ngời.  
 Lòng son rạng vẻ đất trời,  
 Thệ cùng nghịch lỗ (3) ở đời chẳng chung.  
 Răn ai giữ chí cho cùng,  
 Thói tà của hoạnh (4) nhớ đừng có ham.  
 Nam nhi kiến nghĩa (5) phải làm,

(2) Tức đánh giặc.

(3) Tức giặc dữ.

(4) Thói tà là thói gian nịnh hại nhà hại nước. Của hoạnh là thứ của phi nghĩa.

(5) Nam nhi kiến nghĩa là người trai thấy việc nghĩa.

## TRƯỚC HỌA GIẶC PHÁP

Vì dầu da ngựa cũng cam mới là,  
 Mấy câu thố lộ gần xa,  
 Giang san ba tỉnh (6) vua ta hãy còn.  
 Phận thần tử gắng lo toan,  
 Phát gai góc đặng tìm đàng cả đi.  
 Bằng không tuyết xỉ (7) mai kia,  
 Suối vàng tồ phụ theo về được chặng (8) !  
 Đàng nào cũng thác chi bằng  
 Thác vinh [đề đặng khói nhang ngàn] đời (9).



(6) Tức 3 tỉnh miền Tây Nam-việt.

(7) Tuyết xỉ là rửa nhục, rửa sự xỉ nhục cho nước nhà.

(8) Ý nói nếu không rửa nhục cho nước nhà thì chết xuống suối vàng hỏi còn mặt nào mà nhìn ông cha nữa.

(9) Ý nói con người ta ai cũng phải chết, thì thà phải chết cho vinh dự đề nghìn đời kính bái.

## ***Khóc Trương-công-Định***

Ông Trương-công-Định người tỉnh Quảng-Nam sinh năm 1820. Sự nghiệp của ông bắt đầu là một viên quản chỉ huy lính giữ một đồn điền.

Năm 1860, sau ngày quân Pháp tiến sâu vào nội địa Đồng-nai, ông được thăng quản cơ và được đi vào nhậm chức ở đại đồn Kỳ-Hòe.

Khi đại đồn thất thủ, và khi hiệp-ước Việt-Pháp 1862 được ký xong, ông là người đầu tiên đứng ra chống Pháp.

Vì muốn giữ đúng lời cam kết với Pháp, Vua Tự-Đức xuống dụ đình chỉ các cuộc chiến đấu ở miền Nam. Ông Trương được nhà vua gọi về cai trị tỉnh Phúc-Yên. Nhưng ông nhất định không tuân lệnh vì dân chúng vẫn đứng sau lưng ông quyết chiến với kẻ thù và tôn ông làm chức Bình-Tây đại-nguyên-súy.

Tuy vậy, triều đình vẫn ngầm giúp đỡ ông và bí mật đưa sắc vào phong ông với chức mà dân chúng đã tôn lên, mặc dù mặt ngoài thì công khai cách hết mọi chức tước.

Ông kéo cờ khởi nghĩa với khẩu hiệu « Dân chúng tự vệ » và đánh đuổi được quân Pháp ra khỏi thị xã Gò-công năm 1862, đồng thời giữ được từ giữa năm này đến giữa năm 1863 mới thất thủ. Kế đó, ông lập khu kháng chiến ở Kiến-Phước, Bình-Xuân, Bình-Thạnh, tiếp tục cuộc chiến tranh du kích.

Ngày 19 tháng 8 năm 1864, ông cùng 30 người chiến sĩ tâm phúc về làng Gia-Thuận ở bên sông Vàm Láng để quan sát địa hình địa vật thì bị tên phản tặc Huỳnh-công-Tấn (tức Lãnh-binh Tấn) nứa đêm đem quân Pháp về mai phục dưới bãi cỏ đê đợi trời hừng sáng nồ súng. Khi hai bên gặp nhau, một cuộc xáp chiến diễn ra rất mãnh liệt. Ông bị một viên đạn trúng giữa xương sống và thác liền tại trận. Năm ấy mới 44 tuổi.

Thi hài ông bị quân Pháp đem về Gò-công cho công chúng xem mặt, rồi sau đó mới cho người nhà ông mai táng. Mộ ông và đền thờ hiện nay ở đường Lý-thường-Kiệt trong thị xã Gò-công, nơi gần nhà ông đốc-phủ Hàm.

Cụ Nguyễn-đình-Chiều lúc ấy ở Ba-Tri, và là người tuy bị mục tật nhưng vẫn thường liên lạc giúp ông, nên sau khi được tin ông mới cảm xúc viết mười hai bài thơ liên hoàn này để nêu cao sự nghiệp và tinh thần của một vị anh hùng đã hy sinh cho nước đến giọt máu cuối cùng.

Trong Nam tên họ nỗi như cồn

Mấy trận Gò-công nức tiếng đồn.

Dẫu đạn hối râm tàu xích-diện (1)

Hơi gươm thêm rạng vẻ Hoàng-môn (2)

Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bể ;

Quả ẩn Bình-tây đất vội chôn. (3)

(1) *Tàu xích-diện* là *Tàu* của *giặc* *Pháp*, (có bản viết là *Bạch quy*).

(2) *Hoàng-môn* đây là chỉ vào chỗ nhà vua ở.

(3) Ông Trương được chiếu và ẩn của triều đình bí mật phong cho làm chức Bình-tây đại-nguyên-súy.

Nỡ khiến anh hùng rơi giọt luy ;  
Lâm râm ba chữ điếu linh hồn.

Linh hồn nay thác đã theo thần.  
Sáu tinh còn roi dấu Tướng-quân.  
Mực sở lãnh binh mờ mắt giặc,  
Son băng ứng nghĩa thấm lòng dân.  
Giúp đời dốc trọn ơn nam tử,  
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần. (4)  
Óc ngõ tướng tinh rầy tỏ mặt,  
Giúp xong nhà nước buỗi gian truân.

Gian truân kẽ xiết mấy mươi lần,  
Vì nước đành trao một tấm thân.  
Nghe chốn Lý-nhân\* người sảng sốt,  
Nhìn cồn Đa-phước cảnh hùng khuêng.  
Bát cơm kẽ lữ chi sòn buỗi,  
Mảnh áo mông nhung chẳng nê phàn.  
Chí giốc ra tay nâng vạc ngã (5),  
Trước sau cho trọn chữ quân thần.

Quân thần còn gánh nặng hai vai,  
Lở dở công trình hệ bởi ai ?

(4) *Nghịch thần là người bày tôi chống lại vua. Ý chỉ vào việc ông Trương không theo chiếu nhà vua đi nhận chức lãnh binh mà dâng sớ xin kháng chiến đến cùng.*

(5) *Vạc ngã là ý nói vận nước đến lúc nghiêng ngửa, cũng như chân vạc đến lúc ngã.*

Trăm đám mộ binh vầy lớn nhỏ ;  
Một gò cỏ lũy chống hôm mai.  
Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước ;  
Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài.  
May rủi phải chặng trời đất biết,  
Một tay chống chỏi mấy năm dài.

Năm dài những mảng ngóng tin vua,  
Nhìn nhẫn thầm toan lẽ đặng thua,  
U, Kế năm hằng còn chồ đoái,  
Ngô, Tôn trăm chước đợi ngày đua.  
Bày lòng thần tử vài lời sờ ;  
Giữ một giang sơn mấy đạo bùa.  
Phải đặng tuổi trời cho mượn số,  
Cuộc nay ngày vây có phân bùa.

Phân bùa trời đất biết cho lòng,  
Công việc đâu đâu cũng muốn xong.  
Cám nỗi nhà riêng mong chống cột,  
Nài bao bóng xế luống day đồng.  
Đồng-nai, Chợ-mỹ lo nhiều phía ;  
Bến nghè, Sài-gòn trải mấy đồng.  
Đâu biết dùng binh nhờ đất hiểm ;  
Chẳng dành xa bỏ cõi Gò-công.

Gò-công binh giáp ngó ràng ràng,  
Nhìn Bắc trông Nam luống thở than.

Trên trại Đồn-đòn hoa khóc chủ ;  
 Dưới vòm Bao-ngược sóng kêu quan.  
 Mây giăng truồng Cốc đường quân vắng.  
 Trăng xế đầu Rùa tiếng đầu tan.  
 Mây đậm non sông đều xứng vắng ;  
 Nàn dân ách nước dẽ ai toan.

Ai toan cho thấu mây trời sâu,  
 Sự thế ôi thôi đã lắc đầu,  
 Giặc cỏ om sòm mưa lại nhóm ;  
 Bình sương lác đác nắng liền khâu.  
 Cờ lau đã xếp trên giòng Cát ;  
 Trống sấm còn gầm dưới cửa Khâu.  
 Cảnh ấy những mơ người ấy lại ;  
 Hội này nào thấy Tướng-quân đâu !

Tướng quân người hối có hay chặng ?  
 Sáu ải cơ đồ (6) nửa đã ngăn.  
 Cám nỗi kiến ong ra súc dẹp ;  
 Quản bao sâu một chịu lời nhặng.  
 Đá kêu rêu mọc bia Dương-Nghiệp,  
 Cỏ úa hoa tàn mả Lý-Lăng, (7)  
 Thôi vậy thì vầy thôi cũng vậy,  
 Anh hùng đến thế dẽ ai giăng.

(6) Sáu ải đây là chỉ và tỉnh Nam-việt.

(7) Dương-Nghiệp một danh tướng đời Tống. Lý-Lăng là tướng đời Vũ-Đế nhà Hán đi đánh Hung-nô, kiệt sức phải đầu hàng.

Dẽ ai giăng thúc lối sau này,  
 Trời hối chưa cho voi đánh Tây.  
 Thà buồi Trường-sa da ngựa bọc ;  
 Khỏi nơi Đạo-chích tiếng muông rầy.  
 Lục lâm (8) mấy chặng hoa sầu bạn,  
 Thủy hử (9) vì đâu nhạn lẻ bầy ?  
 Hay vậy cõi Biển dừng vỏ ký,  
 Nau nương chờ vận có đâu vầy.

Đâu vầy sấm chớp nỗi thịnh linh,  
 Phong hạc (10) thêm buồn mấy đạo binh.  
 Ngựa trạm xăng vắng miền Bắc khuyết ; (11)  
 Xe nhung ngơ ngẩn cõi Tây-ninh.  
 Bài văn phá lỗ cờ chura tế,  
 Tấm bảng phong thần gió đã kinh.  
 Trong cuộc còn nhiều trang tướng tá ;  
 Lời nguyễn trung nghĩa há làm thịnh.

Làm thịnh hồ đứng giữa hai ngòi,  
 Ném mặt từ đây khó nổi ngòi.

(8) Lục lâm là rừng tía, rừng xanh.

(9) Thủy hử là bến nước.

(10) Phong hạc là gió và chim hạc. Xưa quân Tân Bô-Kiên bị quân của Tạ-Yên đuổi đánh, chạy đến đâu nghe tiếng gió thổi chim hạc kêu cảng tường binh Tạ-Yên tới nơi : ý nói sự lo sợ hồi hộp.

(11) Bắc khuyết là cửa phía Bắc, tức chỗ nhà vua ở.

Mũi giáo Thi-Toàn đứng đê sét, (12)  
 Lưỡi gươm Dự-Nhượng phải toan dời. (13)  
 Đánh Kim chi sá thăng Lưu-Dự ; (14)  
 Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi. (15)  
 Ủng hộ nước Nam về một cõi ;  
 Nghìn năm miếu tặng rạng công tôi.



- (12) Thi-Toàn, một viên tướng đời Tống kết nghĩa anh em với Nhạc Phi. Khi Phi bị gian thần Tân-Cối giết. Thi-Toàn đón đường để giết Cối, không may việc bị lộ, Toàn lại bị Cối giết.
- (13) Dự-Nhượng là bày tôi của Trí-Bá đời Chiến-quốc. Trí-Bá bị Triệu-Giản-Tử giết, Dự-Nhượng nuốt than cho khan tiếng và son mình cho lở đê cải trang, báo thù cho Trí-Bá. Triệu-Giản-Tử bắt được mấy lần, nhưng khen có nghĩa, tha không giết. Sau Dự-Nhượng lại mưu ám sát nữa. Giản-Tử lại bắt được. Nhưng trước khi chết Dự-Nhượng xin Giản-Tử cho mượn cái áo mặc để đánh vào áo ấy cho đặng cũng như đã giết được Trí-Bá.
- (14) Lưu-Dự, một tên phản thần đời nhà Tống.
- (15) Nhạc-Lôi là con của Nhạc-Phi.

## ***Khóc Nguyễn-trung-Trực***

Ông Nguyễn-trung-Trực xuất thân thợ chài, là một anh hùng lừng lẫy của miền Nam kháng chiến với những chiến công hiển hách; đốt tàu Espérance của Pháp tại vịnh Nhật-tảo năm 1861 và trận hạ đồn Kiên-giang năm 1866, ông rút ra Phú-quốc, giặc Pháp tấn công nhiều lần đều thất bại. Sau đó, giặc bắt mẹ ông và một số đồng bào làm con tin, rồi cho ông biết nếu không ra hàng sẽ chặt đầu tất cả.

Lúc giờ, ông xét thấy vì thế cùng lực kiệt, không muốn đê sinh linh bị khöh và mẹ chịu tử hình, nên ra lệnh giải tán Nghĩa-quân rồi tự nạp mình cho Pháp.

Giặc Pháp đưa ông về Saigon. Nhưng khuyên dụ mãi, nhất định ông chịu tử hình chứ không chịu đầu hàng.

Kết cuộc, chúng hành quyết ông tại chợ Rạch-giá ngày 27 tháng 10 năm 1868.

Bài thơ khóc dưới đây là của cụ cử nhân Huỳnh-mẫn-Đạt (1807-1883) nguyên tuần phủ Hà-tiên, một nhân sĩ đứng về hàng ngũ chống xâm lăng lúc đó.

**T**hắng phụ nhung trường bất túc luân,  
 Đồi ba chỉ trú ức ngư dân.  
 Hỏa hồng Nhật-tảo oanh thiêng địa,

Kiếm bạt Kiên-giang khấp quỷ thần (1)  
 Nhất đán phi thường tiêu tiết nghĩa ;  
 Lưỡng toàn vô úy báo quân thân,  
 Anh hùng cường cảnh phương danh thọ,  
 Tu sát đê đầu vị tử nhân.

*Bản dịch của Thái-Bạch*

Thắng bại chi bàn việc tướng quân,  
 Người chài trú đá khúc gian truân.  
 Lửa bừng Nhật-tảo rêm trời đất ;  
 Kiếm tuốt Kiên-giang rợn quỷ thần.  
 Một sờm nhẹ minh nêu tiết nghĩa.  
 Đôi đường trọn chữ báo quân thân.  
 Anh hùng cứng cỏi danh thơm mãi.  
 Lũ sống khom lưng chết hẹn dần.



(1) Hai câu 3 và 4 này có khắc làm câu đối tại đèn thờ ông Nguyễn-trung-Trực ở thị xã Rạch-giá.

## ***Khóc Phan-thanh-Tòng***

Phan-thanh-Tòng tức Phan-Liêm con trai của kinh lược sứ Phan-thanh-Giản. Ông khởi nghĩa chống giặc Pháp ở Ba-Tri năm 1869 tự xưng đốc binh nên người đương thời thường gọi là quan Đốc binh Tòng. Thanh-thế khá lùng lẫy, dân chúng hưởng ứng rất đông. Thực dân Pháp sai Tôn-tho-Tường, Đỗ hữu-Phương lần lượt đi dụ, nhưng ông đều không tiếp và viết thư mắng lại, cho là những loạn thần tặc tử đáng đem bêu đầu giữa chợ để làm răn trăm họ.

Giặc pháp cũng khốn đốn về các cuộc đánh phá của ông. Song đến năm 1870 thì không may ông bị tử trận trong trận giao chiến ở Giồng-Gạch (thuộc địa phận Bến-tre).

Mười bài thơ liên hoàn sau đây cũng là của cụ tú tài Nguyễn-dinh-Chiều làm đề truy điệu cái chết vinh dự vì nước ấy của ông.

**T**han ôi người ngọc ở Bình-dông,  
 Lớn bé trong làng thầy mến trông.  
 Biết đạo khác phe con mắt tục,  
 Dạy dân giữ vẹn tấm lòng công.  
 Đăng danh vừa rạng hè nhà cửa ;  
 Vì nước riêng đến nợ núi sông.  
 Một trận trải gan trời đất biết ;  
 So xưa nào thận tiếng anh hùng.

Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây,  
Một giấc sa trường phận rủi may.  
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt ;  
Lưỡi gươm địch khai nắm trong tay.  
Đầu tang ba tháng trời riêng đợi ; (1)  
Lòng giận nghìn thu đất nỗi đầy.  
Tiết mới một sòng ra đất trùm ;  
Cái sen con rã nghĩ thương thay !

Bản  
Thương thay tạo vật khuấy người ta,  
Nam đồi làm Tây, chính lại tà.  
Trống nghĩa Bảo-an theo sấm rạp ;  
Cờ thù công tử guộn mây qua.  
Én vào nhà khác toan nào kịp ;  
Muông thác tay ai vội hối xa.  
Trong số nên hư, từng trước mắt,  
Trời ơi, người vạy tính sao ra.

Sao ra nhầy vọt giữa vòng danh.  
Son đóng chưa tròn ấn đốc-binh.  
Đuốc gió nhẹ theo đường thủy trạch ;  
Cỏ hoa ngùi động cửa trâm anh.  
Trên giòng lửa cháy cờ Tam sắc,  
Dưới gánh đèn mờ bản Thất tinh (2)

(1) Tức còn 3 tháng nữa mới hết tang thân phụ.

(2) Bản Thất tinh là tẩm vải đục 7 vì sao, tức sao Bắc-dầu đẽ lót xuống đáy quan tài (hòm).

Dẫu khiến nghe can vùng đất hiềm ;  
Chờ thời nào đến tủi vong linh.  
Vong linh, sớm gặp buồn đời suy,  
Trăm nết cắn đo ít lỗi nghi.  
Bóng bợt hình hài vừa ló thấy ;  
Ngút mây phủ quý đã tan đi.  
Sanh năm mươi tuổi ăn chơi mẩy,  
Quan bảy tám ngày sướng ích chi.  
E nỗi dạ dài quan lớn (3) hỏi,  
Cớ sao sếu mếu cõi Ba-tri ?...

Ba-tri từ vắng tiếng hơi chàng,  
Gió thảm mưa sầu khá siết than.  
Vườn luống trông xuân hoa ủ dột,  
Ruộng riêng buồn chủ lúa khô khan.  
Bày ma bất hạnh duồng làm nghiệt ;  
Lũ chó vô cõi (4) cũng mắc nàn.  
Người ấy vì ai ra cớ ấy ?  
Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan.

Quan Phan thác trọn chữ trung thần,  
Ôm tiếc như người cũng nghĩa dân.  
Làng Đẽ dành theo ông hữu đạo ; (5)

(3) Tức kinh lược sứ Phan-thanh Giản.

(4) Vô cõi là không tội tình gì.

(5) Làng Đẽ là nơi Thương-đẽ ở, tức thiên đường, Hữu đạo là người có luân thường đạo lý.

Cối phàm hò ngó lũ vô quân. (6)  
 Lòng son xin có hai vùng tạc ; (7)  
 Giòng Gạch thà không một tấm thân.  
 Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến ?  
 Người qua An-lái luống bàng khuâng.

Bàng khuâng ngày xế cả than đời,  
 Ai đồ cho người gánh nạn trời.  
 Ném mặt Cối-Kê (8) đâu chẳng giận ;  
 Cắp dùi Bác-lãng (9) há rẳng chơi.  
 Một sòng cung kiếm rồi vay trả ;  
 Sáu ải tang thương mặc đồi dời.  
 Ôi mất cũng cam, còn cũng khô ;  
 Nay Kim mai Tống hẹn làm người (10)

Làm người trung nghĩa để bia son ;  
 Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.  
 Cơm áo đền bời ơn đất nước ;  
 Râu mày giữ vẹn đạo tôi con.

(6) Vô quân là không vua, chỉ vào những kẻ không luôn thường đạo lý.

(7) Hai vùng nhật nguyệt, tức mặt trời mặt trăng.

(8) Nơi Việt vương Câu-Tiễn năm |gai ném mặt xưa đè lo việc trả thù nước Ngô.

(9) Trương-Lương xưa thù Tần-thủy-Hoàng giết vua mình nên thuê lực sĩ cầm dùi đồng nấp đánh Thủy-Hoàng ở Bác-lãng.

(10) Nay theo giặc Kim, mai theo nhà Tống.

Tinh thần hai chữ phau sương tuyết ;

Khí phách ngàn thu rõ núi non.

Nghĩ nỗi ngựa Hò chim Việt cũ ;

Lòng đây tưởng đó mất như còn.

Như còn chẳng gọi thế rắng cô,  
 Cái chuyện hoa vi trước vẽ đồ.

Sở hối trót ghi cùu họ Ngũ : (11)

Hán đâu khỏi trả hận thắng Nô. (12)

Vàng tò sứ Mã giòi đường sứ ; (13)

Búa vớt Kinh Lân lấp dấu hò,

Ngày khác xa thư về một mối ; (14)

Danh thơm người tới cõi Hoàng-đô. (15)

1874 F.  
Hà-nội.  
an văn  
tành thi  
ính sur  
-gòn ra

háp thi  
Còn vේ  
n đoạn  
c theo  
và tự

đã đến,  
c nước  
sai các

re đem  
n Tàu

o' quá  
quan

i, nên  
ng cho  
sin vào

y, thấy

(11) Ngũ-tử-Tư xưa thù Sở-Bình-Vương giết cha là Ngũ-Xa, trốn sang Ngô, sau đem binh về đánh Sở, đào mả Bình-Vương lên.

(12) Nô tức Hung-nô, kẻ thù của nhà Hán.

(13) Tư-mã Thiên, người chép sử nói tiếng ở Trung-hoa về đời nhà Tây-Hán.

(14) Kinh Lân là sách Xuân-thu của Khồng-Tử. Khi Khồng-Tử làm xong sách này thì có muông lân ra, nên gọi là Lân kinh.

(15) Tức kinh đô nhà vua.

## Hà thành thất thủ ca

Tình hình nước ta, từ năm 1873 đến năm 1882, thành Hà-nội trong vòng 10 năm trời, mà bị thất thủ đến 2 lần. Lần thứ nhất vào ngày mồng 1 tháng 10 năm Quý Dậu tức 19-11-1873. Sau khi nuốt xong các tỉnh Nam-Kỳ, quân Pháp do Francis Garnier (tức Ngạc-nhi-Yên-Nghiệp) chỉ huy, từ Saigon được phái ra Hà-nội, mượn cớ can thiệp về vụ J. Dupuis không được nhà cầm quyền ta ở Hà-nội cho phép chở hàng lên Vân-Nam băng đường sông Hồng-hà, để xâm chiếm Bắc-Kỳ.

Quan trấn thủ thành Hà-nội lúc đó là Khâm-sai đại-thần Nguyễn-tri-Phương không chịu cho điều đình trực tiếp mà bắt phải qua triều đình Huế. Francis Garnier không chịu, mới tức giận và gửi tối hậu thư đòi quân ta phải giải giới quân đội và bắt buộc các quan văn võ phải tuân lệnh của y.

Với đề nghị ăn cướp này, lẽ tất nhiên các quan ta không thể nào nhận được. Thế là cuộc chiến tranh bùng bô. Tướng F. Garnier hạ lệnh đánh thành. Quân ta chống cự lại. Cụ Nguyễn-tri-Phương và con là Phò-mã Lâm chống giữ cửa Đông-Nam. Phò-mã Lâm tử trận, còn cụ thì bị thương ở đùi. Quân sĩ thấy thế liền tan, cụ lèn ngựa toan chạy, nhưng có tên Thông-ngôn tố giác nên cụ bị quân Pháp bắt được. Cụ không chịu cho băng bó chỗ bị thương, rồi nhịn ăn hơn một tháng mà chết.

Sau đó, các đạo quân của triều-định do bọn Hoàng-kế-Viêm, Tôn-thất-Thuyết cùng họp với đạo quân Cờ-Đen của Lưu-vịnh-Phúc

từ miền Sơn-Tây kéo về gần Hà-nội, và tháng Giêng năm 1874 F. Garnier bị quân Cờ-Đen phục kích giết chết ở ngoại ô Hà-nội. Phần thắng lúc đó, đang lúc mới thuộc về phía ta, các quan văn vũ đang bàn định một cuộc thửa thắng để đánh chiếm lại thành thì có tin triều đình đã cử ông Nguyễn-văn-Tường làm chánh sứ cùng đi với đại-diện Pháp là Philastre (Hoắc-đạo-sinh) từ Sài-gòn ra Huế để điều đình.

Cuộc điều đình này dẫn tới hòa-trúc 1874, về phía Pháp thì giao trả Hà-nội và các tỉnh đã chiếm ở ngoài Bắc cho ta. Còn về phía ta thì nhìn nhận Nam-Kỳ là thuộc địa của Pháp, cam đoan theo chính sách ngoại giao của Pháp, nhường khoảng đất dọc theo bờ sông Hồng-Hà cho Pháp được thu thuế thương-chính, và tự do đi buôn bán khắp miền Trung, Bắc.

Trước tình trạng đó, Vua Tự-Đức nhận biết là nguy cơ đã đến, nên tuy ký hòa-trúc, nhà vua vẫn mờ mắt giao thiệp với các nuncio bên ngoài, phái thanh niên đi học ở các trường Anh, và sai các sứ bộ sang Tàu để viện binh nhà Thanh.

Thấy tình hình thế, Pháp ở Sài-gòn liền sai Henri Rivière đem binh ra đóng ở Hà-nội, Hải-phòng, và mượn cớ vì quân Tàu ngăn cản sự thông thương.

Lúc đó quan Tổng-đốc Hà-nội là Trần-đinh-Túc vì sợ quá nên dâng sớ xin cáo lão về nhà. Ông Hoàng-Diệu, một vị quan có tiếng trung trực được cử ra thay thế.

Khi ra trấn, ông Hoàng-Diệu thấy quân Pháp tới nhiều, nên dâng sớ xin xây thêm công thự, và chiêu mộ thêm lính. Ông cho canh phòng rất cẩn mật, bất kỳ người ngoại quốc nào muốn vào thành cũng phải xin phép trước.

Henri Rivière lúc đó đóng ở vùng nhượng địa Đồn-Thủy, thấy

đã làm gay mắt. Lại một hôm tên thông ngôn của y vào thành vì vô lẽ nên bị ông Hoàng-Diệu sai nọc ra để đánh cho một trận. Y sợ bên ta thế nào cũng đánh úp, nên ngày 25 tháng 4 năm 1882 (tức ngày 8 tháng 4 năm Nhâm Ngọ) mới gửi tối hậu thư cho Hoàng-Diệu, yêu cầu bên ta phải giải giới quân sĩ, dâng thành nộp súng và kho tàng cho Pháp. Đúng 8 giờ sáng quan Tông-đốc thành phải dẫn các quan văn võ đến nộp mình ở khu nhượng địa Pháp. Quân Pháp sẽ vào thành kiềm soát, rồi sau sẽ trả lại.

Khi nhận được thư, ông Hoàng-Diệu sai án sát Tôn-thất-Bá ra điều đình với Pháp cho gia hạn một ngày. Song Bá vừa ra khỏi thành, Henri Rivière đã hạ lệnh tấn công. Quân ta chống lại rất cương quyết. Nhưng một lúc, kho súng ở trong thành bốc cháy do một tên Việt-gian chủ mưu, Bố-chánh Phan-văn-Tuyễn, đe đốc Lê-văn-Trinh và các phó lãnh binh thấy thế đều trút thành, mạnh ai nấy chạy. Còn tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng thì trốn vào hành cung, phải nhặt đói ba hôm thành binh, rồi sau khi thành về tay Pháp mới llop ngóp bò ra.

Thấy tình cảnh diễn ra như vậy, ông Hoàng-Diệu biết thế không chống nổi, mới lên voi đi vào hành cung, vừa khóc vừa bái vọng nhà vua, rồi ra trước cửa Vũ-miếu lấy khăn chít đầu treo cổ vào cành cây tự tử. Sau khi thành bị hạ xác ông được đem về an táng bên cạnh mộ Nguyễn-tri-Phương, nơi gần miếu Trung-liệt. Sau đó được triều đình đưa về táng tại quê hương và làm lê quốc táng.

Khi chiếm xong thành, giặc Pháp lại giao trả cho ta do 2 người đứng ra nhận lãnh là án sát Tôn-Thất-Bá và tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng. Tuy vậy, quân Pháp vẫn còn ở lại trong thành và đóng tại hành cung, không phải rút ra như kỳ tấn công trước.

Cách ít ngày, triều đình sai ông Trần-đình-Túc và Nguyễn-trong-Hiệp ra nghị hòa. Nhà vua xuống chỉ đòi bọn Xứng, Bá, Trinh, Tuyễn phải đeo gông về kinh để luận tội. Nhưng sau cả bọn lại đều được miễn nghị, cho đái công thực tội, chỉ riêng Phan-văn-Tuyễn phải cách chức đuổi về làm thường dân...

Bài «Hà Thành Thất Thủ Ca» này là bài thơ nội dung kề lại những biến cố trên và tình cảnh nhân dân sau kỳ thất thủ lần thứ hai với những hành động của các đạo quân triều đình và của đám quân cựu viện từ nhà Thanh đưa sang.

Tác giả bài này, theo tục truyền lại, thì là Nguyễn-văn-Giai, tục gọi Ba Giai, một nhà thơ trào phúng, người làng Hồ-Khầu, phủ Vĩnh-Thuận, Hà-nội (nay thuộc huyện Hoàn-Long, tỉnh Hà-Đông), sinh vào đời Tự-Đức và mất cách đây chừng non 100 năm.

Tiết Mạnh-Hạ (1) hiên Nam ngồi mát ;  
Chuyện Thăng-Long diễn mạt (2) kề ra.  
Bao nhiêu nồng nỗi tinh Hà,  
Hai lần phản nhiễu (3) biết là làm sao ?  
  
Năm Quý-Dậu (4) tàu vào vừa tới,  
Người Bắc-kỳ rắng mới biết Tây.

(1) Tiết Mạnh-Hạ tức tháng Tư đầu mùa Hạ, theo âm lịch.

(2) Diễn mạt là đầu đuôi gốc ngọn.

(3) Phản nhiễu là loạn lạc, rối ren.

(4) Năm Quý Dậu tức năm 1373, năm thành Hà-nội lần đầu tiên tin bị thất thủ về tay quân giặc Pháp.

Rủ nhau xem sóc đêm ngày.  
Đem quân về đóng ở rìa Trường-Thị (5)

Tờ niêm yết Ngạc-nhi Yên-Nghiệp, (6)  
Đường giao thông tiến tiếp lại qua.  
Xa nghe đồn tinh Bắc-Hà,  
Giặc Tàu quấy rối, vậy mà đến chi ? (7)  
Các quan tinh nghi nghi hoặc hoặc,  
Những bàn riêng rǎng giặc đến chán.

Tháng mười mồng một giờ Dần, (8)  
Âm ầm hạ tinh là lần ngày xưa.  
Khi ấy có khâm thura họ Nguyễn, (9)  
Cha con đều ngộ biến thất cơ,  
Phò Lâm mắc nạn (10) bấy giờ,  
Cha già tuyệt thực còn chờ quyên sinh.

(5) Trường thi túc là chỗ chấm thi Hương ở Hà-nội trước. Nay ở khoảng thư viện và trường kỹ-nghệ.

(6) Ngạc-nhi Yên-Nghiệp túc Francis Garnier.

(7) Lúc đó ở Bắc-kỳ có bọn giặc khách Lương-tam-Kỳ và Lưu-vịnh-Phúc tràn sang quấy rối ở các tỉnh Thượng-du. Nhưng sau tất cả đều theo về với quân của triều-dinh Nguyễn.

(8) Giờ Dần ngày mồng một tháng 10 năm Quý Dậu, tức khoảng 5 giờ sáng ngày 19 tháng 11 năm 1873.

(9) Khâm thura họ Nguyễn túc Khâm-sai thura-chỉ đại-thần Nguyễn-tri-Phương.

(10) Phò Lâm túc phò mã Nguyễn-Lâm, con trai Nguyễn-tri-Phương.

Các quan sau quyết tinh lên Thủ. (11)  
Ông Tham Tôn túc sự khởi hành. (12)  
Đem quân về đóng Diễn, Canh, (13)  
Nhơn nhơn thu phục tinh thành về ta. (14)

Chốn Thăng-Long thật là thương đẳng,  
Xui Tường Tây quyết thắng tiến truy.  
Thất cơ phải chủ Hắc-kỳ, (15)  
Ngoại-ô một trận, Ngạc-nhi qua đời.

Khách các hiệu rung rời giáo giác,  
Dọn ván tay đồ đặc xuống tàu.  
Giữa dòng chiếc trước, chiếc sau,  
Ra ngoài Ninh, Hải (16) đề hầu về Nam.

Quan thura thắng diện bàn tướng sĩ,  
Bất thình lình có chỉ kinh ra.

(11) Thủ là quân Thủ ở Sơn-Tây. Sau khi thành thắt thủ các quan vẫn vữ còn sót lại, đều phải rút chạy lên Sơn-Tây.

(12) Ông Tham Tôn túc ông Tôn-thắt Thuyết lúc đó làm tham-tá quân vụ ở quân Thủ Sơn-Tây.

(13) Diễn, Canh là 2 làng ở đường đi Hà-nội — Sơn-Tây.

(14) Đem quân về đóng ở Diễn, Canh là chỗ ở gần Hà-nội đề chờ ngày thu phục tinh thành, chờ không có đánh chắc gì. Với mấy câu này, tác giả chẳng những đã tả được ra cái tính nóng mà lại nhát của bọn Tôn-thắt Thuyết.

(15) Hắc-kỳ là cờ đen.

(16) Ninh Hải túc Hải-phòng. Sau khi F. Garnier bị quân Cờ đen giết, các hiệu khách buôn ở Hà-nội, vì sợ quá nên vội vàng khuân vác đồ đặc để đi xuống Hải-phòng lánh nạn.

Chuộc thành mà lại giảng hòa,  
Định, An-Ninh-Hải với Hà-nội đây (17) :  
Quan Hoàng-thống (18) nghe rầy bứt rứt.  
Lưu-hắc-Kỳ kéo phút lên Ngâu (19).  
Phá ngang việc ấy bởi đâu ?  
Nhà công xế bóng, cửa chầu long then. (20)  
Sai quan Nguyễn-văn-Tường, chánh sứ,  
Hoắc-đạo-Sinh thử thử là đây. (21)  
Quan Nam với lại quan Tây,  
Sứa sang khi ấy, dân rày được yên.  
Việc xong cả, chỉ truyền về bộ,  
Quan Nguyễn-Tường thăng Hộ-Thượng-thư. (22)

(17) Sau khi thành bị mất, triều đình Huế phải ký hòa-ước 1874 giao tất cả Nam-kỳ cho Pháp, còn Pháp thì giao trả các tỉnh đã chiếm ở ngoài Bắc cho ta, ta chỉ phải nhượng cho Pháp các khoảnh đất ở ven sông Hà-nội, và để cho buôn bán ở khắp các tỉnh Bắc và Trung.

(18) Thống chế Hoàng-kế-Viêm chỉ huy các đội quân của triều đình ở Bắc.

(19) Lưu-hắc-Kỳ tức Lưu-vịnh-Phúc tướng Cờ đen. Ngâu là con sông nhánh ở tả ngạn sông Thao, trên địa hạt Lao-Kay.

(20) Âm chỉ vua Tự-Đức vì tuổi đã già nên công việc triều đình không còn được sáng suốt.

(21) Sau khi thành Hà-nội thất thủ, Pháp ở Saigon sai Hoắc-đạo-Sinh (Philastre) ra Huế rồi cùng Nguyễn-văn-Tường ra Hà-nội để điều đình. Nhưng ra đến nơi thì Nguyễn-tri-Phương đã chết sau khi nhịn ăn một tháng và F. Garnier đã bị quân Cờ-den giết chết.

(22) Sau khi ký hòa ước 1874, Nguyễn-văn-Tường về kinh được lên chức Hộ bộ thượng thư.

Qua năm Giáp-tuất tháng Tư, (23)  
Thấy quan Nguyễn-Chánh phụng từ kinh ra. (24)  
Điều niêm yết mới : hòa ước đó ;  
Ngâm kỹ xem thật khó nghe thay.  
Non sông cao rộng thế này,  
Nào người tri dũng, nào tay anh hùng ? (25)  
Quan Tăng-Doãn rằng : vàng thánh chỉ,  
Tỉnh Hải-dương lãnh ý phải ra ;  
Quan Tư với lại Quan Ba,  
Tim nơi Hà-nội lập tòa Trường Tây. (26)  
Thấy phố xá người dày đất hẹp,  
Nhà thứ dân rộn rịp chín khôn.  
Thênh thênh săn chốn Thủ-đôn,  
Làm nhà ở cạnh Ô-Môn Trường-Tiền.  
Khai thương-chánh thu biển thuế thủy,  
Cùng quan ta quản lý thâu chung.  
Rồi sau mới lại ngoại sông,  
Nhà cao ngất nghều bên sông Nhị-Hà.

(23) Tức tháng 5 năm 1874.

(24) Nguyễn-Chánh tức Nguyễn-tăng-Doãn được triều đình cử ra để giao thiệp với Pháp, và nhậm chức tuần phủ Hải-dương.

(25) Đọc mấy câu này, đủ biết nhân dân lúc đó đối với hòa ước đó ra sao, và tinh thần của các giới sĩ phu như thế nào.

(26) Trường Tây là khu nhượng địa cho Pháp, tức khoảng đất đc bờ sông Hà-nội, từ chỗ trường Đông-phương Bác-cô tới nhà thương Đồn-Thủy.

Quan Thượng tinh tên là Đinh-Túc, (27)  
 Nghĩ tuổi già nhẫn nhục là xong.  
 Oán kia xếp đê bên lòng,  
 Nói cười leo leo như dòng nước xuôi. (28)  
 Ngoài thất thập, sớ đòi tri chức. (29)  
 Quan quân đều thốn thức tiên đưa.  
 Về nhà được mấy nắng mưa ?  
 Câu thơ xuân nhật, cuộc cờ hạ thiên. (30)  
 Đất Hà-nội là miền trọng yếu,  
 Lại sai ông Hoàng-Diệu ra thay.  
 Vốn người nóng tánh lòng ngay,  
 Dũng cương chẳng biết đái Tày như Trần. (31)

- (27) Đinh-Túc tức Trần-đinh-Túc, được cử ra làm Tổng-đốc Hà-nội sau khi ông Nguyễn-trí-Phuong chết. Nhưng sau thấy tình hình giữa ta và Pháp mỗi ngày một căng thẳng, nên viện cớ tuổi già dâng sớ xin cáo lão về nghỉ. Năm ấy là năm 1889, triều đình chấp thuận cho Trần-đinh-Túc được phép về giữ nhà cho vợ và cử ông phó bảng Hoàng-Diệu ra thay.
- (28) Thủ oán giặc Lăng-sa như vậy, mà quan Thượng tinh vẫn không biết gì đến thì thật là tai hại biết bao.
- (29) Tri chức là xin thôi việc đê về nghỉ.
- (30) Câu này tác giả có ý nói Trần-đinh-Túc đã 70 tuổi rồi thì phỏng còn được hưởng nhàn là bao nhiêu, mà không ở lại đê lò cho tròn nghĩa vụ với quốc gia. Thật chỉ ngồi bút này mới khui ra được cái tim đen của những hạng người khi bình thời vỗng lòng ngựa xe, khi loạn thời rút đầu co cõi mượn cớ nợ lẽ kia.
- (31) Chỉ hai câu này mà vừa đê ra được cái tánh nóng của Hoàng-Diệu, và cái tánh hèn nhát sợ Tây của Trần-đinh-Túc. Kỹ thuật trào phúng mà đến như vậy mới thật là tuyệt diệu.

Việc tinh vu đương phần đóng dả,  
 Đánh thông-ngôn làm hả nộ uy :  
 Mi là người ở nước nì ?  
 Mần răng, chẳng giữ lẽ nghi ngôn từ ?  
 Nỗi nhà nước rỗi như mắc cởi,  
 Chừng giờ Tây tầm gửi lấn ngành (32).  
 Lẽ đâu biết cũng làm thịnh,  
 Dốc lòng ái quốc, nặng tình sự quân.  
 Từ Canh-Thìn (33) bước lấn năm ngoái,  
 Sớ xây thành bên trại Vũ-sinh (34).  
 Tập rèn lính tráng cho tinh,  
 Đề khi sự bất thình lính làm sao.  
 Các cửa thành truyền rao cẩm cách,  
 Giữ người Tây với khách vào ra.  
 Khi nào có việc nước nhà,  
 Đem đơn bẩm trước mời là được vô.  
 Lăng-sa thấy cơ đồ biết ý,  
 Mời hàm hàm thịnh khỉ kéo ra. (35)  
 Giờ Thìn mồng Tám tháng Ba, (36)  
 Hạ thành này nữa, ấy là thứ hai.

(32) Tầm gửi lấn ngành là những kẻ dựa thế Pháp lên mặt.

(33) Khoảng 1880-1881.

(34) Trại Vũ-sinh là trại các học trò học vũ.

(35) Thịnh khỉ tức thịnh khởi. Thấy tình hình như vậy, Pháp ở Sài-gòn mới phái Henri Rivière đem đại binh đê can thiệp.

(36) Tức ngày 25 tháng 4 năm 1882 (năm Nhâm ngọ).

Quan Hoàng-Tổng quyết bài nhất chiến.  
 Lãnh-binh Đường xứ biển hỏa công. (37)  
 Đang khi súng bắn đúng đùng,  
 Lãnh binh, quan bối thề cùng rút ra.  
 Quan đốc-bộ đường xa ngó thấy,  
 Cả tức mình vào lạy hành-cung. (38)  
 Rồi sau ra miếu Vũ-công,  
 Buộc khăn tự tử vào vòng quyên sinh.  
 Quan tuần phủ thất kinh khi nở,  
 Đầu lăng nhăng ba bùa lại lành. (39)  
 Các quan tách cả ra thành,  
 Lên Đoài sang Bắc tanh bành chạy tan.  
 Kè ngoài thành những quan nho nhỏ,  
 Tri-phủ Hoài, huyện Thọ (40) là ai ?

(37) Tức phó lanh-binh Nguyễn-đình-Đường.

(38) Hành cung là một ngôi nhà làm ở mỗi tỉnh ở gần dinh Tuần phủ hay Tông-đốc, để mỗi khi vua ra ngự giá thì tới ngự, và mỗi ngày các quan đại thần ở trong tỉnh thường đến đó để bái vọng nhà vua.

(39) Tức tuần phủ Hoàng-hữu-Xứng. Trong khi thành bị tấn công Hữu-Xứng vì sợ quá nên phải chạy trốn vào năm trong hành cung, và phải nhịn đói mất ba hôm thành bệnh. Rồi sau khi thành bị hạ, Hữu-Xứng bỏ ra được Pháp cho ăn mồi lại tinh như sáo. Không biết khi quan Tông đốc vào hành cung quan Tuần phủ có thấy không, hay vì đói quá thành ra mất mồ khống còn thấy gì nữa.

(40) Tri-phủ Hoài-Đức và tri-huyện Thọ-Xương.

Thọ-xương tách những khỉ mai,  
 Đến trưa hôm ấy phủ Hoài cũng bon. (41)  
 Quan đi cả mà còn thành lũy,  
 Chạnh lòng người ngâm nghĩ mà thương.  
 Kinh thiên ngai ngự thiệp vàng,  
 Tây ngồi đánh chén với đoàn thanh-lâu.  
 Các chùa miếu đâu đâu đầy tá ;  
 Can gì Tây cũng phá tan tành ?  
 Các pho tượng cũng chẳng linh,  
 Đề Tây đem đốt ra hình trêu ngươi.  
 Kè chi hắn hại người đền thế,  
 Hạ thành rồi chẳng đề cho xây.  
 Có người rằng : « Lũ Tây này  
 Khác Tây Quý-dậu nên rầy lăng nhăng. »

Dân xiêu bạt hỏi săn hỏi đón :

« Về đánh Tây có bọn nào không ? »

Đồn quan Thống-chế Hoàng-công, (42)

Hắc-kỳ hợp với Sơn, Hưng cũng đồng. (43)

(41) Đó các quan văn võ, lớn nhỏ như vậy cả, thì hỏi làm sao mà còn giữ được nước với non. Võng lọng, ngựa xe, mũ cao, áo rộng, thật là đói ăn hại cả đám. Nếu cứ nghe các nhà chép sử « ăn lương bảo hộ » với thụ pham triều đình thì làm sao mà biếtặng cái mặt trái của những người được gọi là các quan hồi đó, nếu không có tập thơ trào phúng bắt hủ này truyền lại.

(42) Tức Thống-chế Hoàng-kế-Viêm chỉ huy các đạo quân của triều đình ở Bắc.

(43) Sơn, Hưng tức 2 tỉnh Sơn-Tây và Hưng-Hóa.

Đang sắm sửa hỏa công khí giới,  
Tế cờ rồi ngài mới cất quân. (44)  
Người ta tấp tênh nghe dần,  
Bỗn mai bỗn mốt đại thần về đây.  
Đỏ như mắt cá chày mong mỏi,  
Tinh ngón tay đã ngoại tháng ba.  
Bỗng đâu có chỉ kinh ra,  
Tỉnh-biên Đinh-Túc giảng hòa với Tây. (45)

Được hai bỗn kéo ngay vào tỉnh,  
Thấy kho tàng dinh sảnh sạch không.  
Bàn nhau sờ tấu cửu trùng,  
Thấy sao nói vây đủ trong tinh hình.

Kia những kẻ học sinh của thánh,  
Hết làm trai phải gánh cương thường,  
Ngán cho Tông đốc họ Hoàng,  
Đan tâm có một, cương thường không hai.

(44) Khi thành bị hạ mà bọn Hoàng-kế-Viêm đóng ở Sơn-Tây và Hưng-Hóa lại không dám đem binh về viện. Đã thế còn loạn tin ra. đè gạt dân chúng, là các ngài còn đang chuẩn bị kế hoạch đánh hỏa công và thế nào cũng thắng. Ở đây tác giả dùng hai chữ « Tế cờ » để diễn bọn này và bộc lộ ra được cái tiến thoái lưỡng khùng của những kẻ thấy thành thị mắt mà còn chờ đợi gì, hay là còn đợi phải đè tế cờ rồi mới đi. Kỹ-thuật chơi móc đến vây mới thiệt là tể nhị sâu sắc.

(45) Trần-đinh-Túc đã cáo lão về nhà, xong lại được cử ra làm chức Tỉnh-biên chánh sứ (quan chánh sứ lo việc [ngoài biên ải]) để van lạy với Tây.

Hồi những kẻ van hoài xuất thú, (46)  
Với những người mặt ủ hòn cơm, (47)  
Vì ai cũng dựa tiếng thơm,  
Tiếc gì xuân nữa mà sờm sỡ ai ?  
Được mấy kẻ anh tài phải đạo,  
Đều ăn cơm mặc áo trên đời.  
Đến khi có việc tày trời,  
Trơ trơ chỉ thấy một người tận trung. (48)

Trông thế cuộc não nùng đến thế,  
Nội phố phường mới kề mà nghe.  
Bỗng nay xuân đã sang hè,  
Thân này đóng cửa mà nghe sự đời.  
Tỉnh Hà-nội những người phố xá,  
Chạy loạn Tây vắt vả nghĩ thương.  
Xách già ôm trẻ vội vàng,  
Về quê ăn tuyệt tư lương sạch rồi.  
Ở cũng cực ra thời cũng bức,  
Tưởng bán buôn mà bức mọi bề.

(46) Chỉ án-sát Tôn-thắt-Bá.

(47) Chỉ tuần phủ Hoàng-hữu-Xứng.

(48) Những hạng anh tài mà như thế này thì thật là cả một sự mỉa mai chưa chát đến nhường nào. Với mấy câu này chẳng những tác giả đã châm biếm được các hạng quan lại bất lực và sợ chết bối rối, mà còn đả kích một cách rất kín đáo cái lối chọn nhân tài bằng khoa cử của triều đình, chỉ căn cứ vào văn chương phù phiếm chứ đâu có thấy cái gì là thực học để giúp cho đất nước.

Bằng ai có chợ có quê,  
 Tiện phương thương mại, tiện nghè điền viên.  
 Cũng có kẻ quen miền phố xá,  
 Thói quê mùa bờ ngõ xưa nay;  
 Ra hời vào hán thế này,  
 Bây giờ lại phải dãi dầy tuyết sương.  
  
 Xưa chạy loạn nay đương chạy loạn,  
 Khúc ngày xưa, khác đoạn ngày nay;  
 Có quan đi giữ dẹp Tây,  
 Nay quan chẳng thấy, loạn này bao yên?  
 Rạng nghe đóng trên miền Day, Kẻ,  
 Mai lại nghe ở Vẽ ở Vòng. (49)  
 Lại nghe mới bước đến Phùng, (50)  
 Lại nghe ngài đóng về vùng Thanh-oai. (51)  
 Nghe đồn tiếng rắng ngài Phủ Lý,  
 Huyện Nam-sang quan thủy đóng thuyền.  
 Đồn rắng ngài ở Tam-Tuyên, (52)  
 Hắc-Kỳ vừa tới, Thanh-Biền (53) vừa qua.  
 Thôi thôi hẳn ngài đã dãi chi, (54)  
 Hê mà nghe thánh chỉ mần rắng.

(49) Các làng Day, Kẻ, Vẽ, Vòng là những tên làng thuộc phủ Hoài-đức ở phía Tây Hà-Nội, sau thuộc về Hà-đông.

(50) Làng Phùng ở Hà-đông.

(51) Huyện Thanh-oai ở Hà-đông.

(52) Tam Tuyên là Tuyên-Quang, Hưng-Hóa, Sơn-Tây.

(53) Thanh-biền là lính nhà Thanh sang cứu viện.

(54) Dãi chi có nghĩa cũng như là sợ quá mất hết cả chí khí.

Cho nên việc phải dùng dǎng,  
 Hết ngồi mà sợ, hết nằm mà lo.  
 Quan ta chưa các kho tiền thóc,  
 Mong làm hòa dở khóc dở van. (55)  
 Sở ra giục giã các quan.  
 Tây thì khảng khái biết bàn tinh sao.  
 Thành thất thủ, xiềng trao già tỏa. (56)  
 Phải lai kinh tra đả không tha,  
 Loanh quanh — ta lại với ta,  
 Kinh thiên Tây ở thế mà điềm nhiên. (57)  
 Đồn Tàu Khách sang miền Tây-Bắc,  
 Làm rợ nhiều hẳn bắt đoan Tây. (58)  
 Mấy mươi đình kéo đến đây,  
 Nhũng là mong mỏi mà rầy thấy đâu.  
 Hay các chú phá tàu Đông-hải, (59)  
 Còn quay về đóng lại mới sang? (60)

(55) Đọc câu này nghĩ thật là khồ và tủi thay cho các quan hồi đó.

(56) Sau khi thành bị mất vua Tự-Đức xuống chỉ bắt tất cả bọn Hoàng-hữu-Xứng, Tôn-thất-Bá phải đeo gông về kinh để chịu tội, nhưng sau rồi tất cả đều được miễn nghị.

(57) Tây ở thế mà các quan vẫn điềm nhiên, triều đình không thường phạt gì đến thì thật tệ.

(58) Lính Tàu sang cứu viện, khi đến nơi mỗi tên đều có đan một cái rợ để bắt lợn bò vào trong hay đồ đạc để gánh.

(59) Một chiếc tàu hư, lính Tàu phá để lấy sắt.

(60) Kỹ thuật trào phúng đến như những câu này thì thật là tuyệt vời.

Mau mau círu lấy Đại-Nam,  
 Gạo đong hầu hết, khoai lang chẳng còn.  
 Lúa, ngô, gạo nếp bòn vơ sạch,  
 Vận Bắc-kỳ có bách hay không?  
 Sự hòa còn nói viễn vọng,  
 Một nhà ba chủ biết trong chủ nào? (61)

Chuyện lúng túng làm sao thế ấy,  
 Mãi thế này những thấy bét be  
 Nực cười kề chuyện lè nhè,  
 Người cùng tìm chốn chở che qua ngày.  
 Đàn bà phải lấy Tây cũng bức,  
 Dẫu rậm râu mạnh súc cũng liều.  
 Người Nam lớn bé bao nhiêu,  
 Ở hầu làm thiếp cũng đều làm ăn.  
 Cô Thông-sát, Thông-năm (62) vò số.  
 Vợ quan Tây, bà cố tran tran. (63)  
 Võng dào chỉ thăm nghênh ngang,  
 Mới hôm nọ, đã bà quan tèn tàng.  
 Phường bồi bếp nghênh ngang rạo phố,

(61) Ba chủ là Ta, Tây, Tàu. Một nhà mà có đến 3 chủ thì còn gì là trớ trêu cho bằng.

(62) Thông-sát, Thông-năm là hai chức của những người Việt làm trong hàng ngũ Pháp hồi đó, cũng như thông-phán và tham-tá sau này.

(63) Bà cố là mẹ các quan, mẹ đẻ hay mẹ vợ cũng thế.

Áo quần Tây tảng lố thông ngôn. (64)  
 Chở tàu lên Hạc (65) lập đồn,  
 Làm thêm thương-chánh bán buôn cho nhiều.  
 Mảng nghe tiếng Thiên triều (66) đến quản,  
 Do Vân-Nam mẩy vạn kéo sang.  
 Bắc-ninh với lại Tuyên-quang,  
 Quảng-yên, Thái, Lạng vô vận Thanh-quân. (67)  
 Xin círu lấy nước Nam đành bảo,  
 Có tờ tư thu gạo cho nhiều.  
 Súc ràng định giá bao nhiêu,  
 Thuận mua vừa bán Thiên-triều trả cho.  
 Sơn, Hưng (68) phải làm kho chứa sẵn,  
 Lưỡng biên giang (69) cứ thắng kéo về.  
 Tỉnh thành cho chi chợ quê,  
 Những lo chết đói mà mê mǎn người. (70)  
 Còn dũng tráng trêu người bặng nhặng,  
 Đời làm công thẳng thẳng lung sợi.

(64) Đó là tình cảnh Hà-nội lúc mới bị chiếm đã thế đó. Không biết khi nghe đọc đến những đoạn văn này, những kẻ ôm chân bợ đất Tây có tự hào không.

(65) Huyện Bạch-hạc ở Việt-trì.

(66) Tức triều đình nhà Thanh.

(67) Thái-nguyên và Lạng-sơn.

(68) Sơn-tây và Hưng-hóa.

(69) Lưỡng biên giang là 2 bên sông.

(70) Lo chết đói mà đến nỗi mê mǎn người thì thật còn gì là mai cho bằng. Nghĩ đến cái tình dân lúc đó thấy thật là khờ nǎo.

Nghĩ buồn Nam-Việt sự đời,  
Những ăn hà tiện, đê thời cho ai.  
Nay Tây cậy có tài thiện thủy,  
Đường sơn lâm hẳn bí kế thô.  
Tàu bè ngược ngược xuôi xuôi,  
Hết Sơn, Hưng lại trở hời Trường Tây.  
Chú Khách cậy quân này thiện hộ,  
Dòng Nhị-hà hẳn đỗ dám qua.  
Đi đâu quanh quần vây mà ?  
Hết Lâm, Đoan (71) lại Bảo-hà sông Ngâu.  
Hai bên cứ giữ nhau thế mãi,  
Hay sợ hơi có phải hay không ?  
Bên lo trái phá, thần công,  
Bên e cờ úp, thúng chồng đậm quay (72).  
Hay đợi đê tháng này tháng nữa,  
Chờ bao giờ gấp gỡ mới hay.  
Sao mà giữ mãi thế này ?  
Tây thì Hà-nội, Ngò rày Sơn, Hưng. (73)

Tính thẩm thoát qua chừng nửa tháng,  
Quít đỗ tròn còn nhẫn bao lâu. (74)

(71) Lâm-thao và Đoan-hùng.

(72) Cờ úp là một thứ cờ. Thúng chồng là một thứ khiên đan bằng tre  
giống như cái thúng, nên gọi là thúng chồng, dùng đê đánh giáp  
lá cà.(73) Đoan tả cái chỗ gùi nhau của Tây và Tàu như trên đây, kỹ  
thuật đến thế mới thật là mỉa mai tuyệt diệu.

(74) Gần tháng chín.

Sao Cờ mọc đã ngang đầu, (75)  
Hồng-mao với khách quan Tàu đi đâu ?  
Hãy nhất quyết đánh nhau một trận,  
Đê thủ làm cho tận tinh dân,  
Đã hầu ngũ liệt tam phân, (76)  
Tam cương còn thiếu chữ quân trên đầu.  
Lại một hẹn rắng sau tháng chín,  
Quan Tàu về chẳng nhịn nữa đâu ;  
Chuyện như khất nợ với nhau,  
Mấy mươi tháng nữa mới hầu được yên ?...

(75) Sao Cờ tức sao Chòi. Năm ấy có sao Chòi mọc từ tháng 8 cho mãi  
đến gần hết tháng chạp mới lặn.

(76) Ngũ liệt tam phân là chia năm xẻ ba.

## Chính khí ca

Đọc bài « Hà-thành thất thủ ca » ở trước, chúng ta đã được thấy cái bộ mặt thật của tình hình lúc ấy mà các quan văn võ Hà-thành sau đó cố tình đánh trống lảng để che mắt và bịt tai dư luận. Thì đây, với bài « Chính khí ca » này, chúng ta sẽ thấy rõ thêm những ai là người đáng để cho muôn đời sùng bái, những kẻ nào để cho đến nay nhắc tới cũng còn thêm tởm giọng.

Nói một cách khác, nội dung bài này, chúng ta đọc lên sẽ thấy cái khí tiết nghìn năm bất hủ của Tông-đốc Hoàng-Diệu, người đã trọng nghĩa với thành Hà-nội năm 1882, và sau đó là những bản án nêu lên trước dư luận và lịch sử những kẻ có trách nhiệm giữ thành mà không làm tròn được bổn phận, chẳng hạn như bọn ánsát Tôn-thất-Bá, tuẫn-phủ Hoàng-hữu-Xứng, đế-đốc Lê-Trinh v.v... Trong khi thành bị quân Pháp tấn công, tên thì biết trước, viện cớ xin ra ngoài điều đình với Pháp, thừa cơ chạy trốn vào làng Mộc ở Hà-đông, rồi sau khi thành bị hạ lại thông đồng với Pháp, được Pháp cho vông giá mời ra, giao trả lại thành và đề nghị cho quyền chúc Tông-đốc Hà-nội (Tôn-thất-Bá), tên thì bỏ chạy làm dư luận tưởng lầm đã tử tiết (Lê-Trinh); kẻ thì khi thành bị tấn công, sợ chết, chạy trốn vào hành-cung, nhịn đói ba hôm xanh mặt lại, rồi sau lại bò ra trình diện với Pháp (Hoàng-hữu-Xứng).

Theo tục truyền, tác giả bài « Chính-khí ca » này với tác giả bài « Hà-thành thất thủ ca » cũng là một nhà thơ trào phúng Nguyễn-văn-Giai... viết vào khoảng năm 1882, 1883...

Một vùng chính khí lưu hành,  
Khoảng trong trời đất, nhật tinh sơn hà.  
Hiệu nhiên ở tại người ta,  
Tắc vuông son sắt hiện ra khi cùng. (1)  
Hơn thua trong trận chuẩn phong,  
Nghìn thu đề tiếng anh hùng sú xanh.  
Có quan Tông-đốc Hà-Ninh. (2)  
Hiệu là Quang-Viễn (3) trung trinh ai bằng.  
Lâm nguy lý hiềm (4) đã từng,  
Vâng ra trọng trấn mới chừng ba năm.  
Thuân Hồ (5) dạ vốn dăm dăm.  
Ngoài tuy giao tiếp, trong cẩm những là.  
Vừa năm Nhâm-Ngọ, tháng ba,  
Sáng mai mồng tám bước qua giờ Thìn.

(1) *Bốn câu này, tác giả lấy ý ở trong bài « Chính-khí ca » của ông Văn-thiên-Tường một trung thần đời Nam-Tông làm ra khi bị quân nhà Nguyễn bắt được: « Thiên địa hữu chính-khí, tạp nhiên phú lưu hình. Hạ tắc vi hè nhạc, thượng tắc vi nhật tinh. U nhân viết hiện nhiên. Báu hồ tắc thương minh. Hoàng lộ đương thanh di, hàm hòa thồ minh định. Thời cùng tiết nãi hiện, nhất nhất thùy dan thanh... »*

(2) *Hà-nội và Bắc-Ninh, hai tỉnh cũng chung một Tông-đốc.*

(3) *Quang-Viễn là tên hiệu của Tông-đốc Hoàng-Diệu.*

(4) *Đã từng quen với những nguy hiểm.*

(5) *Thuân Hồ là nuốt rợ Hồ, nghĩa bóng là giết giặc, chữ trong điền-tịch Trung-Hoa: ông Tồ-Địch người đời Tần khi qua sông thề rằng nếu không giết được giặc Hồ thì không còn trở lại.*

Biết cơ trước đã giữ gìn,  
 Hơn trăm vũ sĩ, vài nghìn tinh binh.  
 Tiên nghiêm (6) lên đóng trên thành,  
 Thệ sự rót chén rượu quỳnh đầy vời.  
 Văn quan, vũ tướng nghe lời,  
 Hầm hầm xin quyết một bài tận trung. (7)  
 Ra oai xuống lệnh vừa xong,  
 Bỗng nghe ngoài đã đùng đùng pháo ran.  
 Tiêm cùu nồi giận xung quan. (8)  
 Quyết rằng chẳng đè chi đàn chó dê.  
 Lửa phun súng phát từ bờ,  
 Khiến loài bạch-quỷ (9) hồn lia phách xiêu.  
 Bắn ra xem chết cũng nhiều,  
 Phố phường trông thấy tiếng reo àm àm.  
 Quan quân đắc chí bình tâm,  
 Cửa Đông cửa Bắc vẫn cầm vững binh.  
 Chém cha cái lũ hôi tanh,  
 Phen này quét sạch sành sanh mới là.  
 Nào ngờ thất ý tại ta,  
 Vẫn rằng thăng trạng (10) hóa mà thua cơ.

(6) Tiên nghiêm là sẵn sàng phòng bị nghiêm nhặt trước.

(7) Phải, không có lẽ đó bọn Hoàng-hữu-Xứng, Tôn-thất-Bá lại không xin quyết tận trung đe giữ thành.

(8) Nỗi giận cho đến tóc dựng lên tới mủ.

(9) Bạch-quỷ tức là bọn giặc Pháp.

(10) Thăng-trạng là tình trạng đang lúc thăng.

Nội công mắc những bao giờ,  
 Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngả theo.  
 Quan quân sợ chết thảy đều,  
 Thành Tây Bạch-quỷ đánh liều leo lên.  
 Nào ai cơm áo dốc đền ?  
 Nào ai cầm vũng cho bền ba quân ?  
 Nào ai còn chí kinh luân ?  
 Nào ai nghĩ đến thánh quân trên đầu ? (11)

Một cơn gió thảm mưa sầu,  
 Nấu nung gan sắt, dãi dầu lòng son.  
 Chữ trung còn chút con con,  
 Quyết đem gửi cái tàn hồn gốc cây.  
 Trời cao, biển rộng, đất dày,  
 Núi Nùng sông Nhị chốn này làm ghi.  
 Thương thay gấp buổi gian nguy,  
 Lòng riêng ai chẳng tiếc vì người trung. (12)  
 Rủ nhau tiền góp của chung,  
 Đem người lên táng ở thung Học-đường. (13)

(11) Thật là rõ ràng lúc đó mạnh ai nấy chạy, chó không còn thấy gì là nghĩa vụ, là thành trì non nước.

(12) Ai cũng tiếc nhưng chắc bọn Hoàng-hữu-Xứng, Lê-văn-Trinh, Tôn-thất-Bá thì cười thầm trong bụng.

(13) Học-đường là nơi ở cạnh phố Sinh-tử Hà-nội. Khi ông Hoàng-Diệu tuẫn tiết, xác ông được các người tùy tùng chôn sơ sài, rồi sau khi thành bị hạ các thân sĩ trong thành mới góp tiền lại mua áo quan đem về táng ở nơi này.

Đau đớn lẽ, ngần ngại nhường,  
Tả tai thành quách, phủ phàng cỏ hoa.  
Kề từ năm Dậu bao xa,  
Đến nay tính đốt đã là mười niên.  
Long-thành thất thủ hai phen,  
Kho tàng hết sạch, binh quyền rã tan.  
Đồi thay trải mấy vì quan,  
Quyền sinh tựu nghĩa có gan mấy người ?  
Trước quan Vũ-Hiền, khâm-sai, (14)  
Sau quan Hoàng Tồng, một vài mà thôi.  
Còn ra vũ giáp văn khôi,  
Quan bảo châm hốt nhác coi ngỡ là...  
Khi binh làm hại dân ta,  
Túi tham mở rộng không tha miếng gì.  
Đến khi hoạn nạn lâm nguy,  
Mắt trông ngơ ngáo, chân đi gặp ghềnh. (15)  
  
Vũ như Đề-đốc Lê-Trinh,  
Cùng là chánh, phó lãnh binh một đoàn.

(14) Tức ông Nguyễn-tri-Phương.

(15) Bốn câu này thật là tuyệt tác cả về hình-thức lẫn nội-dung. Tác giả tả như vậy, chẳng những chỉ hợp cho các hạng quan lại hồi đó, mà còn diễn hình cho tất cả những hạng tham quan ô lại từ đời xưa đến nay. Đoạn này chắc hẳn có kẽ khi xem đến bỏ qua, chứ không dám xem vội, hoặc giả có nữa, thì cũng chỉ đọc thăm trong miệng.

Đang khi giao chiến ngang tàng,  
Thấy quân hầu đồ (16) vội vàng chạy ngay.  
Nghĩ coi thật đã ghê thay !  
Bảo thân (17) chướng ấy, ai bày sẵn cho ?  
Thế mà nghe những mơ hồ,  
Răng quan Đề-đốc dưới hò cửa Tây.  
Kẻ răng ngài ở cành cây,  
Kẻ răng hắn dưới giếng này chẳng chơi.  
Thăm tìm tối lại hòa mai,  
Định răng hợp tang ở nơi Học-đường. (18)  
Hỏi ra sau mới tỏ tường,  
Cũng loài úy tử, cũng phuòng tham sinh.  
Phép công nên bắt gia hình,  
Rồi ra nặng chữ nhân-tình lại thôi. (19)  
  
Văn như Tuần-phủ nực cười,  
Bích-Chi (20) là hiệu, năm mươi tuổi già.

(16) Tức tên lính hầu bị đạn giặc bắn chết. Đọc đến đây các bạn có thấy chăng, cái can-dam và trung-thành của một tên đề-đốc không bằng một tên lính hầu ? Trời đất ơi, quan với tướng cái gì mà tinh thần khốn khổ đến vậy.

(17) Bảo thân là lo giữ thân mình.

(18) Tướng ngài tự tử thật nên mới cũng định đem tang chung với Tông-đốc Hoàng-Diệu.

(19) Triều-đình sai bắt Lê-Trinh phải đóng gông về triều để chịu tội, nhưng rồi lại nghĩ tình cho ái công thực tội.

(20) Bích-Chi là tên hiệu của tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng.

Biết bao cơm áo nước nhà,  
Kẽ trong sỉ tích cũng là đại viên. (21)  
Chén son chưa cạn lời nguyền,  
Nő nào bỗng chốc quên liền ngay đi.  
Lại còn quanh quẩn làm chi?  
Hay là thương tiếc vật gì ở đây?  
Hay là có chước bình Tây,  
Trước kia hoảng hốt, sau này nghiên tinh?  
Hay còn tiếc cái xuân xanh,  
Tim nơi kiếm chốn gieo mình trú chân?  
Hay là còn chút từ thân,  
Đã toan tịch cốc mấy lần lại thôi? (22)  
Sao không biết xấu với đời?  
Sao không biết thiện với người tử trung? (23)  
Kia Tôn-thất-Bá niết công, (24)  
Kim chi ngọc diệp cũng dòng tôn nhân.  
Đã quốc tộc lại vương thần, (25)  
Phải nên hết sức kinh luân mới là.

(21) Sỉ tích là hàng quan lại. Đại viên là chức lớn.

(22) Tịch cốc là bỏ cơm, chữ này thường dùng cho các nhà tu hành. Song ở đây tác giả lại dùng để miêu tả cái chỗ nhặt ăn của tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng. Sau khi thành bị hạ Hữu-Xứng bỏ ra, nói sở dĩ y không chết là còn có mẹ già. Nhưng thật ra chỉ là một cái cớ che đậy, mà mẹ già lúc đó đối với y cũng chỉ là một cái để lợi dụng, chứ con người như thế còn có gì hiểu đẽ.

(23) Chỉ Hoàng-Diệu.

(24) Niết-công là chức án-sát

(25) Đã là họ nhà vua mà lại còn là một quan to nữa.

Nước non vẫn nước non nhà,  
Nő nào bán rẻ một tòa Thăng-Long.  
Thế mà liệu đã chẳng xong,  
Mặt nào còn đứng trong vòng lưỡng-gian. (26)  
Tư giao rắp nhũng mưu toan, (27)  
Thừa cơ xin dự hội thương ra ngoài.  
Ấy mới khôn, ấy mới tài,  
Lần đi tránh tiếng giục người nói quanh.  
Dâng công quyền lĩnh tĩnh thành,  
Mà toan đồ tội một mình quan trên. (28)  
Tội danh thật đã quả nhiên,  
Xin đem giao xuống cửu nguyên Chẽ-dài. (29)  
Lân la kè đến Phiên-dài, (30)  
Xỉ ban (31) cũng đã tuổi ngoài sáu mươi.

(26) Lưỡng gian là trời đất. Ý bảo Tôn-thất-Bá là người như thế thì còn nên sống làm gì nữa.

(27) Tư giao Pháp Bá biết trước thế nào Pháp cũng đánh thành nên mượn cơ xin ra điều đình để rồi trốn.

(28) Sau khi thành bị hạ Bá thông đồng với tên thông-ngôn của Pháp tên là Phong. Rồi khi Pháp giao trả lại thành thì Bá được Pháp cho gọi ra đê lanh. Bá xin quyền giữ chức Tông-đốc. Đã thế sau đó Bá lại còn đồ lôi thành mất là do ông Hoàng-Diệu khiêu khích Pháp, chứ không phải tại Bá.

(29) Chẽ-dài tức là ông Hoàng-Diệu. Câu này nghĩa là tên Bá như thế thì nên đem hắn giao xuống dưới âm-phủ cho Tông-đốc Hoàng-Diệu xét.

(30) Phiên-dài tức là bồ-chánh Phan-văn-Tuyễn.

(31) Xỉ ban là hạng người tuổi tác.

Thác trong thoi cũng nên đời,  
Sống thừa chi đê kẻ cười người chè.  
Nhị-hà, Tân-lĩnh đi về,  
Giang sơn tuyết chở, sương che cũng liều.

Còn như tì thuộc hạ liêu, (32)  
Kẻ công người quá còn nhiều chan chan.  
Biết đâu cho khắp mà bàn,  
Sau này đã có sứ quan thăm bình. (33)

Trước rèm gió mát trăng thanh,  
Thừa lưỡng (34) nhàn lúc một mình thong dong.  
Xa trông tút vút Bình-phong, (35)  
Chúc mừng vạn thọ, Thánh cung lâu dài.  
Rồi khi cá nước duyên hài, (36)  
Ra tay tế thế, trồ tài kinh luân.  
Đã thánh quân, lại hiền thần,  
Có đâu mà chẳng quân dân thái hòa. (37)

(32) Tì thuộc hạ liêu là những hạng quan lại nhỏ.

(33) Đè sau này cho các sứ quan đem ra thăm bình, nhưng ngót trăm năm rồi, có ai đã làm việc ấy đâu. Phải tác giả sống mãi thì còn mới thấy là trớ trêu hơn nữa.

(34) Thừa lưỡng là nghỉ mát.

(35) Bình-phong là núi Ngự-bình ở Huế.

(36) Duyên hài có nghĩa là vui mừng cũng như là duyên ưa phận đẹp.

(37) Phải vua giỏi tôi hiền thì làm gì trong nước chẳng thái hòa. Nhưng nào thời đại ấy, đâu có được như vậy.

Bấy giờ ta lại với ta,  
Tỉnh say dật hứng, ngâm nga tiêu sầu.  
Hà-thành văn vũ công hầu,  
Càng nghe thấy chuyện càng rầu bên tai.  
Diễn ca chính-khi một bài,  
Đè cho thiên hạ đời đời khuyên răn. (38)



(38) Thiên hạ nên lấy đó mà răn, nhất là những người ăn cơm dân lọc nước...

## Về khâm sai

Năm 1885, sau khi kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn. Bù nhìn Đồng-Khánh được Pháp dựng lên làm chiêu bài chính trị để mua chuộc lòng người. Nhưng chỉ mua được bọn Hoàng-cao-Khai, Nguyễn-hữu-Độ, Lê-Hoan, Nguyễn-Thân, Trần-bá-Lộc v.v... chó người chân chính hỏi ai mà không hiểu đã tâm bè lũ chúng. Vì thế phong trào kháng chiến đã nỗi lên khắp nơi suốt từ Nam chí Bắc. Trong ấy, các thân hào ở Quảng-Bình, Quảng-trị, Quảng-Nam, Bình-Định có lập ra nghĩa hội do các ông Trần-văn-Dự, Nguyễn-tự-Như, Trương-đinh-Hội, Nguyễn-phạm-Tuân cầm đầu. Triều đình Đồng-Khánh và thực dân Pháp cử tên bán nước Nguyễn-Thân làm khâm-sai đi dẹp, khoa trương thanh thế là tiểu trừ giặc loạn để an phủ nhân dân. Nhưng dấu đầu hở đuôi, bọn chúng đã an phủ thế nào, chúng ta hãy đọc bài về Khâm Sai này để rõ những hành-động của chúng. Bài này không biết tác giả là ai, nhưng ở các tỉnh nói trên, hiện nay vẫn còn nhiều người nhớ. Như vậy dù biết tác dụng nó thế nào.

Bà con cô bác, lắng lắng mà nghe !

Tôi nói cái vè, cái vè sai đao,

Danh vi tráp bảo, vụ dĩ an dân.

Khâm-sai đại-thần, kéo vò Đà-năng.

Tướng quân đều săn, tán lý tán tượng ;

Chú Bang chủ Thương, Chú Đề chủ Lãnh (1)

Quân hùng tướng mạnh, các đội các co.

Dóng trống mở cờ, kéo vò tinh cũ.

Phân quân vừa đủ, phát vãng Thương-du.

Thác cá, Rập cu, đói đường tiến tiêu.

Nhất thời phương liệu, văn miếu đồn binh.

Ai thấy cũng kinh, gọi Khâm sai giỏi.

Kêu dân tới hỏi. Rằng Nghĩa đã tàn.

Hạnh hoặc tương an, thị vi thịnh sự.

Sau lén Phong-sử, Nghĩa dũng tú vi.

May chẳng hề chi, nhờ ba chú Pháp.

Thâu qua Yên Giáp, trở lại La-Thành

Từ ấy thất kinh, vừa làm vừa sợ.

Tướng chi, tướng dở, vị luyện quân tinh.

Chẳng có Tây-bin, e không khỏi chết.

Chước chi cũng hết, năm ngoái năm ni,

Làm chẳng ra chi, lại thêm ăn bậy.

Lũ quân đi lấy, các tướng về chia.

Thôi đã tràn dia, cái chi chẳng xách.

Cái quần đã rách, cái áo tả tơ.

Cũng dành cũng quơ, huống chi cái khá ;

Kẻ thi đào mả, thằng lại phá nhà.

Những chó những gà, những heo những vịt

Bắt mà ăn thịt, lại bán lấy tiền.

Đem về Thừa-Thiên, Nghĩa, Bình, Quảng-Trị,  
 Thậm vi khả bỉ (1), quân lệnh Khâm Sai !  
 Thiên hạ ai ai, chờ tin mà mắng.  
 Thác từ (2) đánh giặc, hại ngã lè dân.  
 Thiên địa quý thần, nguyện kỳ chiểu giám. (3)  
 Nói càng thêm thảm, chẳng biết làm sao.  
 Hiệu lệnh dường nào, quân gia đến thế !  
 Hà muru hà kế, hà lự hà tư ? (4)  
 Viện những đồ hư, đê đi ăn giựt.  
 Bợm nào đặc lực, tiến chức tiến quan,  
 Lớn bé một đoàn, vò sở bất chí. (5)  
 Nhân dân nghị, nghị, thùy lạc chi tung.  
 Sự thế nhật cùng, Quảng-Nam ở lõi.  
 Trời làm chi khổ, thất đảo bát tiên.  
 Nỗi lầm cũng phiền, như tư nhi dĩ. (6)



- (1) Rất đáng là khinh bỉ.
- (2) Thác từ là mượn lời mượn tiếng.
- (3) Cầu mong trời đất quý thần chứng giám cho.
- (4) Muru gì kể gì, lo gì nghĩ gì.
- (5) Không có chỗ nào không ruồng tới.
- (6) Đến thế là thôi vậy.

## **Khóc Phan-đình-Phùng**

Cụ Phan-đình-Phùng người làng Đông-thái, tòng Việt-yên, huyện La-sơn, tỉnh Hà-Tĩnh (Trung Việt), đỗ cử nhân khoa Bính-Tý năm 1876 hồi 39 tuổi và đỗ Đinh-nghuyên năm 1877, được bồ Ngự sứ Đô sát viễn.

Khi vua Tự-Đức mất, nhân thấy Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Tường làm việc phế lập, cụ phản đối nên bị cách chức và thải hồi nguyên quán.

Năm 1884, cụ được phục chức bồ Tham-tri Sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh.

Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-bình, cử cụ làm Tân-lý quân vụ, thống lãnh các Nghĩa quân đánh giặc. Cuộc kháng chiến của cụ là một cuộc lùng lẫy nhất và mạnh nhất trong thời kỳ Cần-vương khởi nghĩa. Giặc Pháp tấn công thế nào cũng không chuyền và chiêu dụ thế nào cũng không được.

Năm 1895, cụ bị bệnh lỵ mất tại căn cứ địa núi Quạt, thật là một cái tang lớn cho cả nước. Các văn thân Nghệ Tĩnh có câu đối khóc cụ :

*Thành bại anh hùng mạc luân, thử cõi trung, thử đại nghĩa, thê dữ  
 chư quân tử thủy chung, Châu chi anh, Mạc chi linh, độc thử mỗi niệm  
 cương thường trọng. Khả hận già, thùy diên đại hạ, nhất mộc nan chi.  
 Cung lãnh yên tiêu, thùy nhân bất tác thâm sơn oán. Hướng dương nhật  
 long phi vân ám, cộng ta nhận sự vô thường. Khả lân La-việt giang  
 sơn, bách niên văn hiến phiên cung mã.*

Cô kim thiên địa vô cùng, nhì lưu thủy, nhì cao phong, đồng thử đại  
trượng phu vũ trụ. Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô ngại bách  
tùng diệu. Vì hà tai, hội quyết đồi ba, trung lưu chí trụ. Tinh vi vật  
hoán, hà nhân bất khỏi cõi viên tình. Cập thử thời nhạn tán phong suy,  
kham thán thiên tâm mạc trợ. Độc thử tùng mai khi tiết, nhất tử tinh  
thần quán đầu nguru. (1)

Còn bài thơ này là của cụ Nguyễn-thượng-Hiền hiệu Mai-Sơn,  
một nhà cách mạng tiền bối đã trốn sang lục địa Trung-hoa, và lúc  
đó đang làm đốc học tỉnh Nam-dịnh.

Vạn lý ai già bắt khả văn !  
Lục long thiên ngoại cách yên phần.  
Binh qua chấp nghĩa phù tôn quốc ;  
Bào hốt lâm nguy bái thánh quân.  
Lang miếu cựu truyền chân ngự sứ ;  
Giang hồ kim khấp cổ tương (2) quân.

(1) Ông Đào trinh Nhất dịch : Anh hùng thành bại kè chi, dạ sắt  
son, lòng vàng đá, thề cùng các bạn giữ trước sau. Mạc châu  
đúc khi tinh anh, trung hiếu hẹn hò cùng sử sách. Ngao ngán  
lẽ lầu cao sấp đồ, một cột khó nâng, phòng vắng khói tan, liếc  
mắt non xanh thêm tức tối. Và bây giờ rồng bay mây ám, xót  
xa việc thế khôn lường, những thương La-việt giang sơn, văn  
hiến trăm năm thành trận mạc — Trời đất xưa nay thế mãi.  
Đá dựng ngược nước chảy xuôi, đó vẫn non sông phường  
tuần kiệt. Lam Hồng nỗi cơn bão tuyết, bách tùng uá rụng luống  
xông pha. Đau đớn thay đê vỡ sóng vồ, giữa dòng trụ đứng,  
sao dời vật đồi, nganh đầu người cũ phải bôn chôn. Dương  
lúc này gió thời nhạn lìa, cảm giận lòng trời cay nghiệt, riêng  
cảm tùng mai khi tiết, tinh thần một thác rạng rỡ sao.

(2) Tức là tướng.

Tha niên tái kiến Trung nguyên định,  
Cản tặc Thường-sơn hữu đại huân.

Bản dịch của Thái-Bach :

Tiếng kèn ai oán vắng ngàn xa,  
Mờ mịt trời mây dặm hải hà.  
Gurom giáo tô màu cờ biển cũ ;  
Cản đại nặng gánh nước non nhà.  
Vang danh Ngự sử nơi triều trước ;  
Xót cảnh tướng quân giọt lệ nhòa.  
Ngày khác Trung nguyên về một mối ;  
Công đầu giết giặc chẳng ai qua.



## Á-TẾ-Á ca

Bài này có người nói của cụ Tham-tán Nguyễn-thiện-Thuật, người anh hùng khởi nghĩa Bãi-Sậy (1883-1894); có người nói của cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền; lại có người nói của cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu.

Căn cứ nội dung bài, nhất là ở đoạn cuối, thì tác giả là người đã có công trong quân-đội Nhật, đã có tham dự trận Nhật-Nga đại chiến năm 1905 và đã có dự tiệc khai hoàn của triều đình Minh-Trị.

Như vậy thì tác giả là ai?

Theo quyển Ngục-trung-thư của cụ Phan-bội-Châu thì năm 1905, cụ Nguyễn-thiện-Thuật còn ở nhà Lưu-vịnh-Phúc (nguyên tướng Cờ đen) tại Sa-hà, tỉnh Quảng-đông. Năm ấy cụ Phan-bội-Châu không có ở Nhật, cụ phải về nước, họp hội nghị bí mật ở Quảng-nam để bàn định việc đưa Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đè xuất dương, rồi khi sang Tàu cụ còn đi Quảng-châu ra mắt cụ Tân Thuật. Như thế, chắc chắn tác giả không phải cụ Phan-bội-Châu hay cụ Nguyễn-thiện-Thuật. Còn cụ Mai-Sơn thì không có ở trong quân Nhật rồi.

Theo thiền ý, tác giả bài này, có lẽ là cụ Tăng-bạt-Hồ, người Bình-Định (Trung-Việt), vì qua nhiều sách vở và tài-liệu, thấy trong các nhà cách-mệnh Đông-du chỉ có cụ Tăng là tham gia trận Nhật-Nga 1905. Trước cụ ở nhà Lưu-Vịnh-Phúc, sau làm thủy thủ một tàu buôn qua lại Trường-Kỳ, Hoành-tân, rồi xung vào Thủ-quân Nhật-Bản, cụ có công lớn trong các trận Đại-liên, Lữ-thuận, được Nhật-Hoàng thưởng huy-chương quân công. Trong bữa tiệc Nhật-Hoàng khao thường các tướng sĩ, cụ có tham dự. Nhật-Hoàng tự rót rượu

thưởng, cụ uống cạn rồi khóc lớn, kè nỗi nước mắt nhà tan, ai nấy đều cảm động. Sau cụ ngỏ ý xin viện binh đánh Pháp. Nhưng thủ-tướng Khuyễn-dưỡng-Nghị khuyên cụ hãy lo phát triển tinh thần duy tân trong nước đã, và thay vì đề nghị xin viện binh, Khuyễn hứa giúp cho du học sinh người Việt được phép cư trú và được miễn học phí. Kể đó, cụ về nước hoạt-động, và ít lâu mất tại Huế vì bị bệnh kiết lỵ.

Đại lược tiêu sử cụ Tăng là thế, nên khi được tin cụ từ trần, cụ Đặng-thế-Thân, nhân sĩ ở Nghệ-An (đỗ đầu xứ nên tục gọi Xứ Đặng) có làm câu đối khóc :

*Quân khởi kỳ sanh tác ký ư thời gia, đê binh thập năm, khứ quốc trấp dư niên, ký khóc ư Xiêm, ký khóc ư Hoa, ký khóc ư Nga, hốt hốt nhiên đại khóc ư Đông; thùy giao tử nhập thu phong, hường ngã thắn kinh mai hiệp cốt.*

*Ngã bất tri tử chi vi hà vật giả, độc thư ngũ châu, kết giao sồ thập bối, hoặc chiến dī thiết, hoặc chiến dī bút, hoặc chiến dī não, doan doan trích trực chiến dī thiết, yếu đắc huyết lưu ôn đới, vị quân hoàng chủng thụ hồng kỳ.*

Cụ Huỳnh-thúc-Khang viết trong « Thi tù túng thoại » xuất bản năm 1939 có nhắc đến, và dịch nghĩa như sau :

« Người há sinh làm đòn với đời sao? Cầm binh một độ, bỏ nước hai mươi năm, đã khóc với Xiêm, đã khóc với Tàu, đã khóc với Nga, đúng đúng sang khóc lớn bên Đông, ai dè gió phất trời thu, năm cốt về chôn thành đất Huế.

Ta chả biết chết là cái gì vậy, đọc sách năm châu, kết giao vài chục bạn, hoặc đánh bằng lưỡi, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh bằng não, khăng khăng chỉ độc đánh bằng sắt, thề quyết máu trôi đất nóng, còng đào tò mặt giống da vàng. »



Vạch trời kêu mà tuổi gươm ra.  
 Cũng xương, cũng thịt, cũng da !  
 Cũng dòng máu đỏ con nhà Lạc-Long !  
 Thể mà chịu trong vòng trói buộc,  
 Mấy mươi năm nhơ nhuốc lầm than.  
 Than ôi ! Bách Việt giang san !  
 Thông minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa.  
 Hồn mê mẫn tinh chưa ? chưa tinh !  
 Anh em mình phải tinh sao đây ?  
 Nhật là bạn, Pháp là thầy...  
 Trí khôn phải học, điều hay phải tìm.  
 Việc tân học kíp đem sang trước,  
 Hội dân đoàn cả nước với nhau,  
 Sự buôn ta lấy làm đầu,  
 Mọi nghề cùng ghé, đội cầu một vai.  
 Bây giờ kề còn dài chưa xiết,  
 Chữ tự do xin kết một lòng.  
 Gương Nhật-Bồn đất Á-Đông,  
 Giống ta, ta cũng soi chung kẽo mà.  
 Đường học thức dần dà mở rộng,  
 Nước Lang-sa rồi cũng nề nang.  
 Có khi Âu Á tranh hùng  
 Thay phường nò lệ, làm phường văn minh.  
 Kia thuở trước như Anh, Pháp, Đức,  
 Cũng chẳng qua cùng cực thời thông.  
 Họa may trời có chiểu lòng,  
 Việt-Nam đứng vững phuong Đông một mình.

Thân phiêu bạt đã dành vô lại,  
 Bấy nhiêu năm Thượng-Hải, Hoành-Tân.  
 Liêu-Đông nhân lúc tùy quân,  
 Tủi thân bôn bả theo chân khải hoàn.  
 Bưng chén rượu ân ban hạ tiệc,  
 Gạt hàng châu khép nép quỳ tâu.  
 Trời Nam mờ mịt ngàn dâu,  
 Gió thu như thời cơn sầu năm canh.  
 Biết bao nỗi bất bình khôn giải,  
 Mượn bút thoa mà gởi quốc âm.  
 Thân lươn bao quản cát lầm,  
 Khuyên ai dốc chữ đồng tâm sau này...



## Tiếng gọi thanh-niên

Bài của Trường Đông-Kinh Nghĩa-Thục. Trường này của các nhà cách-mạng tiền bối Phan-Chu-Trinh, Phan-bội-Châu, Lương-văn Can, Nguyễn-Quyền, Vũ-Hoành v.v... thành-lập ở đầu phố hàng Đào Hà-nội vào năm 1906 do cụ Lương-văn-Can làm hiệu-trưởng, cụ Nguyễn-Quyền làm giám học. Trường ra đời với mục-đích đẽ mò mang dân trí và làm cơ sở tinh thần cho phong trào cách mạng. Trường chẳng những mở các lớp học không lấy tiền, mà còn nuôi cорм cho các học sinh nghèo.

Ngoài việc dạy học ra, trường còn tổ chức những cuộc diễn-thuyết đẽ cõ động phong trào. Trường chuyên chú dạy vào thường-thức và thực-nghiệp. Ở ban tiểu-học thì dạy viết văn, còn lên trung-học và đại-học thì dạy Pháp-văn và Hán-văn...

Ảnh hưởng của Trường từ Hà-nội lan tràn đi khắp các nơi Trung, Nam, Bắc. Những người có tâm hồn với quốc gia, dân tộc, ai nấy đều nhiệt liệt hưởng ứng, nhất là đối với việc cõ võ và vận động cho phong trào Đông-du... Nhưng than ôi ! Đến năm 1908 thì Trường bị nhà cầm quyền Pháp ra lệnh đóng cửa và tịch thu tất cả giấy tờ tài liệu. Cụ Lương-văn-Can phải đày đi Nam-Vang, cụ Nguyễn-Quyền phải đi an trú ở Bến-tre, cụ Vũ-Hoành phải đi an trú ở Sa-dec. Ngày nay nhắc đến Đông-kinh Nghĩa-thục, không ai là không phải có những kính mến và ngậm ngùi trong lòng. Nghĩa-thục tuy chỉ sống được có mấy năm trời, nhưng là một trường lịch-sử của dân-tộc. Dân-tộc còn, tên tuổi của Đông-kinh [Nghĩa-thục và những người sáng lập vẫn còn.

Mục đích của Trường đối với dân nước ra sao ? Chúng ta chỉ đọc mấy bài văn này cũng đủ rõ. Bài của Trường kè ra có rất nhiều và bài nào cũng có giá trị về mặt cõ võ tinh thần yêu nước. Nhưng tiếc rằng, chúng tôi chỉ mới sưu tầm được có bài « Tiếng gọi Thanh-niên » này mà lại cũng chưa tra cứu được tác-giả là ai.

**N**gồi ngâm lại năm châu trong trái đất,  
Biển vaste minh dồi dập giữa phong trào,  
Kia ai người thời khôn, nước thời mạnh,  
Đất thời rộng, của thời nhiều,  
Trời đất lẽ riêng yêu vì một cõi.  
Sao ta cứ dã man quen thói,  
Xách thân nô mà len lỏi dưới cường quyền ?  
Hú ba hòn mấy chú thiếu niên !  
Vì áp lực mới gắng nên đồng lực.  
*Trí não tiềm tàng tân học đắc,*  
*Phương châm tu tựu nhiệt thành lai.* (1)  
Dắt tay nhau lên chốn vũ đài,  
Cho rõ mặt nhân tài trong Á-hải.  
Ai thắng ưu, ta đánh liệt bại ?  
Năm dân quyền lôi lại giữa phương Đông.  
Tạo thời mới gọi anh hùng.

*Nhất sự bắt tri nho sở sỉ,* (2)  
Công thương hay mà công cõ cũng hay.

(1) Hai câu này có nghĩa là muốn cho trí não mò mang thì phải theo tân học và phải nhiệt thành cố gắng.

(2) Một việc gì không biết là một việc xấu hổ của con nhà Nho vậy,

Trong cuộc đời nào ai dở, ai hay,  
 Thả ra mới biết kẻ gầy người béo.  
 Nhà nho hủ trưởng mỉnh là khôn khéo,  
 Đem văn chương mà ráo réo với đời.  
 Năm ba câu bát cõi tơi bời,  
 Trừ cử nghiệp sự ngoài chi chẳng biết.  
 Ai sinh tồn, ai cạnh tranh,  
 Ai thắng ưu, ai bại liệt?  
 Trong địa cầu nào biết những ai ai!  
 Chữ duy tân gác bỏ ngoài tai,  
 Những tấp tênh đua tài nô-lệ.  
*Dân ngôn vũ trụ giao ngộ sự,*  
*Mạc bá giang sơn thuộc bỉ cương.* (3)  
 Nếu ai mà có chí cải lương  
 Thi phải tự cường âu mới được,  
 Sá kè chi vài trăm năm những trước,  
 Nghĩa đồng bào xin hãy hợp quần chơi.  
 Khi nên trời cũng chiểu người.  
 Trong thế giới biết ai là họa phuớc,  
 Ôi ai ơi, nghĩ lại đó mà coi.  
 Trời sinh ta là đấng làm trai,  
 Phải như điếc, như đui,  
 Như câm, như cùi thì cũng phải.  
 Bởi vì: mắt có thấy, tai có nghe,

(3) Hai câu này có nghĩa là mọi việc trong vũ trụ đều là việc của ta. Chớ để cho giang san thuộc về tay người nước khác.

Miệng có ăn, chân có bước,  
 Biều phuổi pha sao cho được với đời.  
 Giận căm gan nghĩ cũng nực cười,  
 Sự vô ích làm chi giữ mãi.  
 So sánh những thi, phú, văn, kinh ngãi.  
 Hỏi gấp thời, mão cho cao,  
 Áo cho rộng, xiêm cho dài,  
 Ngồi vắt đốc cũng như hình con ngựa gỗ.  
 Những rứa đó xấu thân là khái khổ,  
 Mời cầm viết đề tên vô quyền,  
 Thị phải lo chắp tay cui mợp dưới thềm.  
 Dù đuổi xua cho khỏi lười cá lồng chim,  
 Cũng trối chết nhảy vô làm vinh diệu.  
 Tinh nô lệ tập ràng đà thuộc lầu,  
 Miễn ra cui vào lòn cho tận mặt,  
 Lạy dạ nhiều thì bồng lộc mới xuê xoang.  
 Nghi nghĩ lại dân tắc ngô chi dân. (1)  
*Quốc tắc ngô chi quốc.* (2)  
 Đất nước ta thì sưu thuế của nhà ta.  
 Bạc đói trăm, năm bảy chục bấy nhiêu mà,  
 Lấy tiền tháng mà bán nước đi cho đành hử?  
 Sự thế, thời thôi không xiết kè!  
 Ô này anh! ô này chú! ô này ông!  
 Ô này bác! Xúm cùng nhau lo lấy việc nhà,  
 Dưới bóng trời cùng một hòn máu sinh ra,

(1) Dân là dân ta

(2) Nước là nước ta.

THI VĂN QUỐC CẨM

Đâu lại người có huyết mà ta đây xương mục.  
Hồn mê mẫn tinh say đà có lúc,  
Vận tuần hoàn rồi cũng có nơi.  
Đường đường đạp đất đội trời,  
Anh hùng há nhượng cho người thế gian ;  
Cũng xương cũng thịt cũng gan !



**Gọi lính tập**

Bài này của trường « Đông-kinh Nghĩa-thục » làm đề kêu gọi lòng  
âi quốc của những người Việt-Nam đi lính tập cho bọn thực dân Pháp.

**C**ác chú tập binh !  
Chú ở An-Nam sinh,  
Chú ở An-Nam trưởng.  
Chú sung chú sướng,  
Chú hả chú hé.  
Chú mãn hạn vè,  
Thuế suru chú chết.  
Họ đương chú quê kiệt,  
Thân thích chú xác xơ.  
Chú nghĩ đã biết chưa ?  
Tây công ơn gì chú,  
Tây thương yêu gì chú !  
Yểm bà lại buộc cõi bà ! ...



## Đời người cuộc thế

Tác giả bài này là cụ Phan-chu-Trinh, một nhà cách mạng tiền bối của dân tộc Việt-Nam. Cụ hiệu là Tây-Hồ, biệt hiệu là Hy-Mã, sinh năm 1871 (niên hiệu Tự-Đức thứ 26) ở làng Tân-lộc, huyện Hà Đông (nay thuộc phủ Tam-Kỳ) tỉnh Quảng-Nam (Trung-Việt).

Cụ thi đỗ phó bảng năm Thành-Thái thứ 13, dương lịch 1901 được bổ chức Thừa-biện. Nhưng với lòng yêu nước, với một ý chí hiến thân cho cách mạng, không bao lâu, cụ cáo quan về, đi khắp các nơi để hoạt động. Năm 1908, cụ bị nhà cầm quyền Pháp và Nam triều bắt đày đi Côn-đảo về tội yêu nước.

Năm 1910, cụ được ân xá về Sài-gòn, rồi cụ qua Pháp để hoạt động cách mạng. Năm 1915, cụ bị chính phủ Pháp bắt giam vào ngục Santé cùng một lượt với các cụ Phan-văn-Trường, Nguyễn-như-Chuyên vì tình nghi là thông đồng với Đức. Qua năm sau cụ được thả.

Năm 1925, Tả đảng Pháp lên nắm chính quyền, cụ về nước hoạt động. Nhưng đến ngày 24 tháng 3 năm 1926 cụ trút hơi thở cuối cùng. Hưởng thọ được 55 tuổi.

Lễ an táng cụ được cử hành ngày 4 tháng 4-1926 tại nghĩa địa Gò-Công (gần Phú-Nhuận). Đồng bào toàn quốc đều làm lễ truy điệu.

Và nhân cái tang cụ mà nầy ra phong trào học sinh bãi khóa suốt từ Nam chí Bắc, ảnh hưởng rất lợi cho công cuộc cách-mạng giải-phóng dân tộc.

Bài « Người đời cuộc thế » này là bài cũ làm năm 1907 khi cụ ra Bắc diễn-thuyết công-khai ở trường Đông-kinh Nghĩa-thục. Ông Đồ Điểm ở làng Lữ-Đô, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định (học trò trường Đông-kinh) nhớ thuộc lòng và đọc lại cho chúng tôi chép.

Trăm năm trong cõi người ta,  
Sức nay giấc ngủ tỉnh ra nửa đời.  
Vùng đông rạng bốn phương trời,  
Trống khua đã giục mấy hồi bên tai.  
Mơ màng phách quế hồn mai,  
Băng khuêng nào đã biết ai mà nhìn.  
Thầy Đông-Kinh đã đứng lên (1),  
Đem kinh giác thế (2) mà khuyên những lời :  
Ta ơi, ta hỡi ta ơi !  
Phải ta ta dậy tỉnh rồi hãy mê ?  
Hay còn đang cuộc rượu chè ?  
Chén anh chén chủ kè nhè ở đâu ?  
Hay còn vui thú cõi đầu ?  
Tiếng đàn, tiếng hát, tiếng chầu đánh xen !  
Hay còn vơ vắn bàn đèn ?  
Mỗi khi mỗi điếu đã quen cái mồm.  
Hay còn đang cuộc tồ tôm ?  
Hội đơn hội kép đang gom nhau tiền !  
Chốc là ngoại bốn mươi niên,  
Góm cho giấc ngủ đã bền lắm thay !

(1) Câu này có ý nói nên theo gương duy tân của người Nhật.

(2) Giác thế là đánh thức người dậy.

May là tinh dại là may !  
 Giật mình mới biết rằng nay nả đời.  
  
 Ôi những kẻ ra làm một thám ! ...  
 Họa đồng bào đã thảm nhường bao ! ...  
 Ông cha ta ở nơi nào ?  
  
 Đem thân tôi tờ nỡ sao cho đành !  
 Riêng chỉ biết phận mình êm đẹp,  
 Làm tan tành cơ nghiệp tổ tông !  
  
 Bán mình bán cả non sông !  
 Tương tàn cốt nhục (1) đau lòng lắm thay !  
  
 Người sao độc quá bầy lang sói,  
 Vị đồng tiền giết hại lẫn nhau.  
  
 Cam tâm làm kiếp ngựa trâu,  
 Chịu trong roi vọt cắm đầu ăn nhơ.  
  
 Nghìn thu trước bao giờ có thể ?  
 Đem nồi da mà đẽ nấu xương.  
  
 Nghĩ càng xiết nỗi đau thương,  
 Ai ơi nghĩ lại theo đường « thiện » đi !



(1) *Tương tàn cốt nhục là xương thịt hại lẫn nhau, ý nói người đồng loại đồng chủng mà sát hại lẫn nhau.*

## Hải ngoại huyết thư

Bài này nguyên văn bằng chữ Hán của cụ Phan-bội-Châu viết ở hải ngoại gửi về cho Đông-kinh Nghĩa-thục phò biển, do cụ Từ-Long Lê-Đại dịch ra quốc-âm.

Cụ Phan biệt hiệu Sào-Nam, sinh năm 1867, người làng Sa-Nam, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An. Cụ đỗ giải-nghuyên khoa thi Hương Canh-Tý năm 1900. Cụ định nối chí Phan-đinh-Phùng, gây lại phong trào Cần Vương. Nhưng thấy chưa thuận tiện nên năm 1903 cụ vào Nam hoạt động. Tại đây, cụ cùng các đồng chí tôn Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề làm minh chủ. Sau đó cụ ra Bắc, rồi lại trở vào Nam.

Năm 1904, cụ sang Trung-quốc, sang Nhật-bản. Năm 1905 cụ về nước lo việc đem Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề xuất dương rồi lại trở qua Nhật. Năm 1906, cụ về Trung-quốc cùng các đồng chí dựng lênh Tân Việt-Nam-công-hiến, làm như một chính phủ lâm thời Việt-Nam ở hải ngoại. Năm 1912 anh em trong Đảng sửa sang tổ chức lại thành Việt-Nam Quang-phục hội, cụ được cử làm chức Tổng thư ký. Năm 1913, cụ bị Đô-đốc Quảng-đông là Long-tế-Quang bắt hạ ngục để đem giao cho Pháp. Nhưng được Hồ-hán-Dân và đảng cách mệnh Tàu cứu thoát.

Tháng 7 năm 1925, cụ bị một bọn người lạ mặt đón ở ga Bắc trạm (Thượng-hải) bắt giao cho người Pháp. Cụ bị đưa về nước và phải ra trước hội đồng Đề-hình. Viên biện-lý Boyer buộc tội, yêu cầu xử tử cụ. Song cụ được ân xá và phải về Huế ở trong sự coi chừng

của thực dân Pháp và chính phủ Nam triều. Cụ mất tại Huế ngày 29 tháng 10 năm 1940.

Sinh thời, cụ chẳng những là một nhà cách mệnh được mọi người biết đến mà còn là một nhà thơ nổi tiếng với những tác phẩm như Lưu-cầu huyết lệ tân thư, Tân Việt-Nam kỷ niệm lục, Việt-Nam sử khảo. Ngục trung thư, Không học đăng v.v...

Bài Hải ngoại huyết thư này gồm hai bức, cụ viết ở Nhật-Bản gửi về để đánh thức tinh thần dân nước. Căn cứ Ngục-trung thư thì bức thứ nhất cụ viết vào khoảng năm 1906 gửi cụ Phan-chu-Trinh đem về trao cho Đông-Kinh Nghĩa-thục để bí mật phò biến. Còn bức thứ hai thì không rõ cụ gửi cách nào.

Cả hai đều lời lẽ lâm ly thấm thiết, kêu gọi đồng bào hãy theo gương các anh hùng tiền bối để tránh họa diệt vong. Tiếc rằng chúng tôi chưa tìm được nguyên bản để hiến quý bạn trong tập này.

### BÚC THÚ NHẤT

Người nước ta lạ là rất lạ;  
Nông nỗi này nghĩ đã biết chưa?  
Hay còn mê mẫn mơ hồ?  
Hay còn hờn hở như đồ trò chơi?  
Nay những kẻ hạnh tai lạc thú,  
Rặt là người tuẫn tú thông minh.  
Ai ơi xin chờ cây mình,  
Ngu mà ngu thế thật rành là ngu.  
Nay những kẻ vong thù nhẫn si, (1)  
Rặt là người phú quý vinh hoa.

(1) Quên cả thù, quên cả nhục nhã.

Ai ơi xin chờ khoe ta!  
Nhục mà nhục thế thật là nhục thay!  
Bởi trong nước người hay mới lạ,  
Đạo dung thường có giữ được đâu!  
Sợ rồi ra chẳng bao lâu,  
Tôi xin kể hết như sau mấy điều:  
Một là nó trăm chiều sau trước,  
Nghĩ kế nào giết được giống ta.  
Hai là ta cứ lần là,  
Giống vàng ta hẳn rồi ra còn gì!  
Suy các thức thô nghi vật sản,  
Trong nước mình vạn vạn thức hay.  
Đến như trăm thứ đồ tay,  
Xem không một thức nào tay thợ minh.

Trong một nước tám chín phần,  
Người làm đã ít, người ăn rất nhiều.  
Nó lại nghĩ bầy mưu hiềm quyết (2),  
Mượn người làm đành mất của thuê.  
Đường đi linh, lối làm xe,  
Xô vào một đám sơn khê nghìn trùng.  
Việc Đông Bắc nay công mai dịch,  
Khi lấp sông xé rạch khơi hào.

(1) Mất một đoan.

(2) Sâu hiềm và xảo quyết.

Người ta chẳng biết khuyên nhau.  
 Tham tiền nên phải đâm đầu chết oan.  
 Vừa dạo nọ Thái-nguyên, Yên-bái,  
 Xương chật đường máu nồi đầy sông.  
 Minh bao nhiêu nỗi khổn cùng,  
 Nó càng mát ruột cam lòng bấy nhiêu.  
 Kè nồng nỗi trăm chiều thảm thiết,  
 Còn chi là giống Việt-Nam ta !  
 Làm cho tan hại nước nhà,  
 Điều dương bác ấy lại là hiểm sâu.  
 Nó nuôi mình như trâu với chó,  
 Nó coi mình như cỏ với rơm.  
 Trâu nuôi béo cỏ coi rờm,  
 Cỏ moi đẽ cỏ trâu làm thịt trâu.  
 Kia xem nước Đông-châu Nhật-Bản,  
 Tầu với xe đưa đón hành nhân.  
 Đãi nhau tử tế muôn phần,  
 Khi ngồi khi đứng, chỗ ăn chỗ nằm.  
 Lúc đau yếu nom thăm đi lại,  
 Lấy đạo người mà đãi giống người.  
 Pháp kia có vốn khác loài,  
 Hãy xem nó đãi những người nước ta :  
 Xe đi lẵn một toa uế xú,  
 Tàu ngồi riêng một xó ti-ô.  
 Đãi dầu ngày nắng đêm mưa,  
 Ốm đau nó cũng thờ ơ mặc mình.  
 Đã như thế trăm vành khinh rẻ,  
 Lại ra uy cây thế cầm quyền.

Quên trình vé, chậm đưa tiền,  
 Chân đà đá gó, tay liền phát roi.  
 Suy một việc đãi người như thế,  
 Nhục nhẫn này có lẽ nào quên ?  
 Vì ta một nỗi ngu hèn,  
 Gặp tay hung ác có luyện được không ?  
 Lại bảo nó có lòng tin dụng,  
 Có lẽ nào giết giống nước ta.  
 Ấy là ta chẳng nghĩ ra,  
 Người mình khác giống sao mà nó tin.  
 Suy các thức thương thuyền kỹ sảo,  
 Khắp mọi bờ dương-pháo, hải quân.  
 Có tin nó đã dậy dần,  
 Dậy thì chẳng dậy có phần nào tin.  
 Trường quốc-học đặt tên Pháp-Việt,  
 Dậy người Nam đủ biết tiếng Tây.  
 Đến như trăm thức nghè hay,  
 Bình cơ điện hóa không thầy dậy khôn.  
 Lối nông học hãy còn ngơ ngẩn,  
 Việc công trường thờ thẫn biết chi.  
 Trăm nghè Pháp học tinh vi,  
 Người mình minh cứ ngu si mặc mình.  
 Minh như thế đại đành là đại,  
 Nó mong cho ngu lại càng ngu.  
 Cứ trong bụng nó mà dò,  
 Bảo rằng tin dụng thực cho là lầm.  
 Chừng trong khoảng mười năm trở lại,

Rồi đến là « khắt cái vò mòn » (1).  
 Người càng yếu của càng mòn,  
 Bấy giờ mới biết là ơn tin dùng.  
 Còn một lũ trong vòng quan lại,  
 Mượn người làm nghĩa phải chi công.  
 Ấy là nó vẫn căm lòng,  
 Đường chưa thuộc, nói chưa thông lẽ nào.  
 Một năm kề xiết bao lương phi,  
 Lấy Nam nhân lại trị Nam nhân.  
 Sâu mạch nước, róc xương dân  
 Quăng cho một lũ chó săn chia mồi.  
 Khi nó đã thuộc nơi phong thỗ,  
 Mở nó khai người nó nó dùng.  
 Thương ơi, cái lũ làm công,  
 Cơm thừa canh cặn thôi xong làm gì !  
 Quạt mùa thu, rồng khi thôi vái,  
 So người mình, già lại còn hơn.  
 Đem thân ở chốn doanh hoàn  
 Người mình thôi chắc có toàn được vày ?  
 Thịt bác tước (2) lâu ngày mòn mỏi,  
 Của tham tàn đầy ói túi tanh.  
 Pháp kia nó tính đã ranh,  
 Cái điều diệt chủng thôi đành chẳng sai.  
 Nay còn lúc giống người chưa hết,

(1) *Đi ăn mày ăn xin cũng không nhà ai cho.*

(2) *Bóc lột.*

Chữ tự cường nên biết khuyên nhau.  
 Cũng người trong cõi năm châu,  
 Nó che tiếng nó minh lo sự minh.  
 Nghĩa bảo hộ ranh ranh hai chữ,  
 Lẽ dám đâu làm cỏ nước nhà.  
 May còn được lúc bấy giờ,  
 Hơi tàn còn thở sức thừa còn đua.  
 Mượn thanh thế lân la ngoại quốc,  
 Đem can tràng chống vác giang sơn.  
 Cát lầu cũng đắp nền cồn,  
 Đá lầu lấp bè ta còn giống ta.  
 Song ta vẫn còn là ngu dại,  
 Nay lần lừa tháng trại ngày qua.  
 Bảng khuông luống những thần thờ,  
 Đã hồn hay ngủ lại ma hàng lười.  
 Sự toan bác một mai đến nỗi,  
 Thôi bấy giờ biết hối làm sao.  
 Từ nhà thế tộc quan cao,  
 Từ nhà hàn sĩ phú hào bình dân.  
 Khắp đến kẻ hành nhân tiêu tốt,  
 Cả giáo đồ khắp tuốt mọi nơi.  
 Đội giới đẹp đất ở đời,  
 Sinh ra Nam quốc là người trượng phu.  
 Ai cũng bụng phục thù báo quốc,  
 Thấy giống người khác nước ai ưa.  
 Cờ sao ngày tháng lần lừa,  
 Rụt rè như thể đợi chờ ngóng mong.

Nước đến chân sâu nồng cõng lội,  
Việc đương đầu bề núi cõng qua.  
Kia xem gương chuyện xưa kia,  
Chiêm-thành Lâm-Ấp bây giờ còn ai.  
Áy diệt chủng có hai đường ấy,  
Người giống mình chắc cây còn chăng?  
Còn ra thì cõng may rắng,  
Ví như hết cả cõng đừng trách ai.  
Qua bao đậm ngàn khơi bể rộng,  
Phải bao phen tàu súng binh lương.  
Công trình từ lúc mới sang,  
Được năm bảy vạn đậm đường nước ta.  
Năm, mươi triệu ngồi tro ăn hại,  
Nó lẽ đâu để mãi giống mình.  
Vườn kia để cỏ sanh đành  
Lợn kia nuôi béo, thịt dành để chi.  
Nó dẫu dại, quyết thi không thể,  
Mình có khôn phải nghĩ mà suy.  
Trời sinh ta có tội gì,  
Sao cho gọi được hồn về nước ta!..

## BỨC THÚ NHÌ

Lời huyết lệ gửi về trong nước,  
Kè tháng ngày chưa được bao lâu.  
Nhác trong phong cảnh Nam-châu,  
Gió mây phảng lặng ra sầu ngàn ngơ.

Hồn cổ quốc vẫn vor vor vẫn,  
Khôn tìm đường dò nhẫn hỏi nhau.  
Bằng khuâng đỉnh núi ngàn châu  
Khỏi tuôn khí uất, sóng xao trận dầu.  
Nghĩ nồng nỗi đồng bào thêm ngán,  
Tưởng thân mình đậm quản một hai.  
Tiện đây chép nhặt mấy lời.  
Gửi về tỏ giải cùng người quốc dân.  
May dân nước dầu dần tĩnh ngộ,  
Đem lời này khuyên nhủ cùng nhau.  
Nước ta mất bởi vì đâu ?  
Tôi xin kể hết mấy điều tệ nhàn :  
Một là vua, sự dân chẳng biết  
Hai là quan chẳng thiết gì dân.  
Ba là dân chỉ biết dân,  
Mặc quản với quốc, mặc thằn với ai.  
Nghìn muôn ức triệu người chung góp,  
Gây dựng nên cơ nghiệp nước nhà.  
Người dân ta của nước ta,  
Dân là dân nước, nước là nước dân.  
Trên chín bệ ngọc thành thị chủ  
May thừa cơ giấc ngủ li long.  
Giang sơn mặc sức vẫy vùng,  
Muôn người luôn cúi trong vòng phúc nguy.  
Đem lịch sử suy đi xét lại,  
Ai vì dân hưng lợi trừ tai ?  
Chuyện đâu có chuyện lạ đời,

Mùa hè mưa tuyết, ban ngày mọc sao.  
 Tòa y viện thuốc nào cũng có,  
 Dân ốm đau, mặc, chờ hỏi han.  
 Cơm ngự-thiện bữa ngàn quan,  
 Ngoài ra dân đói dân tàn mặc dân.  
 Hồi đến kẻ dùng quân du my,  
 Hồi đến người kiều nữ cung phi.  
 Còn đâu khốn khổ trăm bề,  
 Cầm như tai mắt chẳng nghe thấy nào.  
 Chắc lũ dại đen đầu không biết,  
 Cậy quyền trên lấy thịt đè người.  
 Thuế dân, dân nộp sác rồi.  
 Tiền kho thóc đụn sẵn ngồi ăn không.  
 Suốt một lũ trong vòng cung thất,  
 Cảm ăn chơi cao huyết muôn người.  
 Tội oan có thấu đến trời,  
 Trời xa nước mắt, bè trôi ngược dòng.  
 Khi giặc đến, người trong phản trước.  
 Đem của dân vạch trước hoa thâu.  
 Dần lâu các tinh mắt dần,  
 Mười phần thô địa nhân dân còn gì !  
 Nào có nghĩ dân vi bang bản (1),  
 Của muôn dân là vốn nước nhà.  
 Kia xem Nhật-Bản người ta,  
 Vua dân như thế một nhà kinh nhau.  
 Chữ bình đẳng đặt đầu chính phủ,

(1) Dân là gốc rễ của nước.

Bấy lâu nay dân chủ công-hòa.  
 Nghĩ như nông nỗi nước nhà,  
 Đến giờ mới mắt cũng là trời thương.  
 Vua như thế mới càng thêm bức,  
 Họa nhân thần có chắc một hai.  
 Nhờ tay xoay núi vá trời,  
 Dang tay sây đá tinh bài cứu nguy.  
 Chẳng may lại gặp khi ehuẫn bị.  
 Dặt những đồ su mị phùng nghinh.  
 Hại dân đê lợi cho mình,  
 Coi dân hờ hững như hình chẳng can.  
 Ngày eo béo bầu đoàn thể tử,  
 Tối vui chơi mấy đứa hầu non.  
 Trang hoàng gác tia lầu son,  
 Đã hao mạch nước lại mòn xương dân.  
 Sực đến lúc phong trần biến cố,  
 Thời bấy giờ mộ Á chiêu Âu.  
 Trời nghiêng đất lở mặc dầu,  
 Cốt thân phú quý là đầu sự lo.  
 Bài thiện sách sao cho khéo lay,  
 Cửa cường quyền nhờ cây kêu van.  
 Nay đắc tội, mai cảm ơn,  
 Cái thân thời thế là toàn một thân.  
 Dân mặc dân chẳng dân thì chờ,  
 Cứ của mình mình giữ khu khu.  
 Nỗi niềm tưởng đến bao giờ.  
 Mây tuôn tia ngắt, mù xa tối dần.

Lũ sống sót còn năm, mươi triệu ;  
 Chết dần hao chắc liệu toàn không.  
 Vì đâu nước khốn dân cùng ?  
 Hỏi ai xướng miệng cam lòng hay chưa ?  
 Có như thế có thura vô ích,  
 Vua với quan thôi trách làm chi.  
 Trách vì một nỗi dân kia,  
 Số người trong nước lại thi phẫn hơn.  
 Đề đến nỗi nên cơn cớ thế ;  
 Trách dân mình có lẽ trách ai.  
 Tôi xin kính chúc lâu dài,  
 Khóc than xin kè mấy lời trước sau :  
 Nay thử đứng trên đầu đỉnh núi,  
 Cõi Đông Nam ngoảng lại mà trông.  
 Sông cứ Bắc, bờ phương Đông,  
 Nếu không dân cũng là không có gì.  
 Khoảng khoảng đã đậm rì cây cỏ ;  
 Vùng sơn lâm sài hồ hồ li.  
 Chiêm-thành, Lâm-apse chi chi,  
 Nước Nam chẳng có còn gì nước Nam.  
 Kẽ như thế ai làm nên nước,  
 Giang sơn này khai thác từ xưa.  
 Công trình kẽ tự bao giờ,  
 Nghìn năm qua vẫn nước nhà tôi tòn.  
 Ta là lũ cháu con một họ,  
 Nước dân ta là của gia tài.

Chữ rằng « Tồ nghiệp di lai » (1) –  
 Của ta ta giữ chắc ai giữ cùng.  
 Chẳng may lúc thành long, xã lở,  
 Một hai điều trách cứ vua tôi.  
 Còn năm mươi triệu con người,  
 Chỉ quanh quanh đám lợi tài không xong.  
 Hỏi đến nước còn không chẳng biết,  
 Gọi đến tên Nam-Việt không thưa.  
 Gia tài tồ nghiệp mình xưa,  
 Tay đem quyền chủ mà đưa cho người.  
 Chắc đã có người cai quản hộ,  
 Cơ nghiệp mình mình bỏ không coi.  
 Hỏi trong bốn biển những người,  
 Có ai quái gở lạ đời thế không ?  
 Thủ dương mắt mà trông sự thế,  
 Cơn phong lôi sóng bê dập dềnh.  
 Bấy lâu trời những bất bình,  
 Phen này trời ấy hẳn dành chuyền xoay.  
 Hai mươi triệu số người trong nước,  
 Há chia nhau dạ Bắc lòng Nam ?  
 Lòng nào ghét bỏ cho cam,  
 Yêu nhau thì phải tính làm sao đây ?  
 Đừng như trước đã hay rằng dại,  
 Đến bảy giờ trách tại dân ta.  
 Nhưng mà dại mãi ru mà,  
 Người ta há phải ngủ ngò mãi đâu ?

(1) Sự nghiệp của ông cha để lại.

Quyền quân chủ trên đầu áp chẽ,  
Trải nghìn năm dân khí còn gì.  
Mà xem gương truyện xưa kia,  
Kế công trùng vũ ai bì được đâu ?  
Nợ thua trước đánh Tàu mấy lớp,  
Cõi trời Nam cơ nghiệp mỏ mang,  
Sông Đăng lớp sóng tranh vương,  
Núi Lam rẽ khói mỏ đường nhà Lê.  
Quang-Trung-Để tự khi độc-lập.  
Khi anh hùng dậy lấp giang sơn.  
Lòng trời rộng mỏ nước non,  
Ta nay may vẫn hãy còn nước ta.  
Song trước ấy nghĩ ra chẳng khó,  
Trong vòng trời riêng có một cầu ;  
Thứ ngồi suy trước nghĩ sau  
Cốt rằng : «người nước cùng nhau một lòng».  
Bởi lúc trước của chung không giữ,  
Đến bây giờ sức chưa làm song,  
Sao cho cái sức đến cùng,  
Sức cùng là bởi cái lòng cùng nhau.  
Năm mươi triệu đồng bào đua sức,  
Năm mươi nghìn giống khác được bao.  
Cùng nhau bên ít bên nhiều,  
Lợ là gươm sắc súng kêu mới là.  
Cốt trong nước người ta một bụng,  
Nghìn muôn người cùng giống một người.  
Phòng khi sưu thuế đến nơi,

Bảo nhau không đóng nó đòi được chẳng !  
Gọi đến linh không thắng nào chịu ;  
Bắt một người ta kéo muôn người.  
Bấy giờ có lẽ giết ai,  
Hắn thôi nó cũng chịu lui giống mình.  
Việc gì cũng bài binh dụng kế,  
Cứ thi gan kiện lý cho già.  
Của nhà ta phải trả ta,  
Dẫu tham muốn nuốt ăn là chẳng trôi.  
Sống trong nước mỗi người mỗi khác ;  
Vốn cùng nhau sung khắc bất hòa.  
Những là ta lại hại ta,  
Cái thân dị chủng mà xa đồng bào.  
Hoặc dại giết ngu sao còn vẹn,  
Vạn đồng can lửa bén dây dưa.  
Người ta ai chẳng biết lo :  
Cùng nhau sao vẫn thờ ơ cái lòng.  
Nỗi ngu dại nói không kè siết,  
Lại ngờ nhau chẳng biết tin nhau.  
Coi nhau như thế quân thù,  
Thù mong nhau hại, ghét cầu nhau hờ.  
Bụng có hợp thì nhà mới hợp ;  
Lòng đã tàn, thì nước cũng tan.  
Bằng nay tay mỗi chân chồn,  
Còn hơi còn thở may còn sống lâu.  
Nếu chẳng biết bảo nhau nghè ấy,  
Rõ lòng minh chắc cậy nhờ ai.

Thương ôi ! trăm sự tại người,  
 Chữ đồng ai dám ngăn rời chữ tâm.  
 Thời chẳng kè sự trăm năm trước,  
 Xin từ đây cá nước một niềm ;  
 Người kiếm cùi, kẻ đun cơm,  
 Nay anh xé gỗ, này em đắp đường.  
 Việc dẫu nặng chia mang cũng nỗi,  
 Xúm tay vào kéo lại non sông ;  
 Làm cho sáng rõ tồ tông,  
 Tôi xin kè hết cách dùng như sau :  
 Nào là kẻ phú hào trong nước,  
 Nào là người quan tước thế gia.  
 Nào là sĩ tịch trẻ già,  
 Nào là linh tập, nào là Gia-tô ;  
 Nào những kẻ côn đồ nghịch tử,  
 Nào những người nhi nữ anh si.  
 Bếp bồi thông ký chi chi,  
 Cựu gia tử đệ nào thì những ai ?  
 Ấy kè bậc số người trong nước,  
 Còn người đi du học mọi nơi.  
 Người trong cho đến người ngoài,  
 Chữ tâm cốt phải ai ai cũng đồng.  
 Vòng trời đất núi sông nung đúc,  
 Lũ anh hùng không lúc nào không.  
 Giang sơn há chẳng vây vùng,  
 Bởi chưng thế bách lực cùng lẽ nao.  
 Lấy thóc đâu mà cầu Công-cần,

Lấy vàng đâu mà vận Tử-Phòng.  
 Anh hùng lại giúp anh hùng,  
 Xin riêng một chiếu đãi ông phú hào.  
 Hiện trong nước kẻ giàu người có,  
 Còn khư khư ngồi giữ gia tài.  
 Huống chi những lũ đông dài,  
 Xưởng minh còn nghĩ đến ai bao giờ.  
 Cuộc tàn tụ gần cơ tạo hòa,  
 Sự bất bình vạ gió tai bay.  
 Sao bằng gấp được lúc này,  
 Đem lòng phô tể ra tay anh hùng.  
 Khơi bốn bề khơi rồng hành vũ,  
 Đeo nghìn vàng tậu ngựa truy phong.  
 Người giúp của kẻ ra công.  
 Xin ai hào phú, trước cùng bung cho.  
 Cũng có kẻ hàn nho toàn hán,  
 Việc nước nhà bung hẳn không quên.  
 Bởi chưng sức bạc phận hèn,  
 Mắt xanh ai biết bạn hiền là ai.  
 Tui hào kiệt một tay xơ xác,  
 Chân giang hồ giữa bước long dong.  
 Lấy ai vận dụng cho cùng,  
 Phải người lỗi lạc lại trong con nhà.  
 Họp chí sĩ liệu cơ thắng bại,  
 Máu anh hùng đợi hội vân lôi.  
 Đem thân đại biều cho người,  
 Dựng nền Độc-lập, xưởng bài tự do.

Nghĩa thần tử trước cho vẹn đạo,  
 Công phục thù sau báo tổ tiên.  
 Con nhà giòng dõi bậc hiền,  
 Đồng tâm chữ ấy nên biên vào lòng.  
 Song những kẻ ngoài vòng rất dẽ,  
 Người trong vòng có lẽ khó hơn.  
 Sao cho vững dạ bền gan.  
 Kia xem Y-Doãn khi còn Hạ-Vương, (1)  
 Hán Chu-Bột lúc đương sự Lã, (2)  
 Tâm sự này ai tố cho ai.  
 Mới hay trung tri đại tài,  
 Khu khu tiêu tiết nhất thời mà chi.  
 Xin những kẻ đương vì quyền thế  
 Đứng chịu câu nhẫn sỉ sự thù.  
 Chắc đâu cái lũ bạch nô,  
 Mà trong bọn ấy Y Chu có người. (3)  
 Sự phản gián nay ngồi nghĩ mèo,  
 Mai thừa cơ dãi giáo đeo gươm.  
 Giang sơn quay lại trời Nam,  
 Đinh chung khắc để tiếng thơm lâu dài.  
 Sức ai cỗ nâng mây đạp gió,

(1) Ông Y-Doãn trong lúc còn ở thời vua Kiệt nhà Hạ phải đi cày ở nội Săn.

(2) Chu-Bột thái úy nhà Hán, khi vua Huệ-Đế mất, bọn ngoại thích nhà Hán là Lã-Lộc, Lã-Sản chuyên quyền, toan cướp ngôi nhà Hán. Bột theo họ rồi lập mưu trừ được.

(3) Y-Doãn và Chu-Công.

Lòng tôi mong đốt lửa châm hương.  
 Khuyên ai những kẻ đương đường,  
 Đồng tâm chữ ấy nên thường khuyên nhau.  
 Kia những kẻ lưng đeo súng đạn,  
 Dưới cường quyền theo bọn Pháp-bin. (1)  
 Mũ vàng lẩn với khố xanh,  
 Ấy là đặt lũ tập binh rõ ràng.  
 Mặt nam tử thành vàng trong nước,  
 Vì thần tiền phải bước chân ra.  
 Có đâu ta lại giết ta,  
 Cùng là một gốc mọc ra nở nào.  
 Tưởng những lúc đương đầu giáp trận,  
 Bụng không đành mắt vẫn không dang.  
 Há vì tháng mấy đồng lương,  
 Mà quên làng nước họ hàng hay sao ?  
 Nay gặp lúc đồng bào phẫn khởi,  
 Hội phong vân là buổi lập công.  
 Bấy giờ lòng mới giải lòng,  
 Quyết đem bụng nước giúp cùng người Nam.  
 Vả trông thấy anh em làng mạc,  
 Bởi xưa nay xơ xác vì đâu ?  
 Nhục nhẫn theo chót bấy lâu,  
 Oán sâu quyết báo, thù sâu quyết đền.  
 Phút một chốc làm nên công lớn,  
 Cứu cho ta mấy vạn đồng bào.

(1) Linh Pháp.

Nay rồi ra mới biết nhau,  
Chỉ xem một phút trên đầu ngọn gươm.  
Đâu có lẽ chịu cam cá nước,  
Mặc lừa câu : lấy bạc nhử người.  
Thôi thôi ta chẳng dại rồi,  
Tập binh ta vẫn là người họ ta.  
Tinh sự thế nay vừa gặp hội,  
Liệu kịp rồi, liệu phải mau mau.  
Cùng nhau mấy vạn đồng bào,  
Quyết đem tính mệnh mà liều một phen.  
Cho người dưới hoàng-tuyễn (1) mừng bụng,  
Chờ đê quân bạch chủng (2) cười mình.  
Tôi xin các bạn tập binh,  
Cùng nhau một bụng như anh em nhà.  
Người Phật-giáo, người Gia-tô-giáo,  
Chờ xem nhau là đạo bất đồng;  
Cùng một đất nước cùng chung,  
Quyết không có lẽ nào không cùng mình.  
Chờ thấy khác mà sinh hiềm khích,  
Đồ cho rằng kinh địch Nam-nhân.  
Chữ rằng « đồng loại tương thân »,  
Giáo dân xem với lương dân khác gì.  
Ngộ gấp lúc nhân nguy vật khỗ, (3)

(1) *Hoàng-tuyễn là suối vàng.*(2) *Bạch chủng là người giống da trắng.*(3) *Người thì nguy vật thì khỗ. Ý nói lúc quốc gia điện bái.*

Nên cùng nhau cứu đỡ vẻ thay.  
Nào ai có vị gì Tây,  
Mà coi người Đạo ra ngay người thù.  
Chẳng qua vì giáo đồ chư giáo,  
Đạo Gia-Tô cũng đạo cứu dân.  
Thấy quân tham những bất nhân,  
Đâu cùng một giáo nhưng thân nỗi gì.  
Đâu cho có bụng vì người Pháp,  
Nên lấy điều thảm thiết nói ra.  
Bởi vì ta lại với ta,  
Lẽ đâu gươm giáo toan mà hại nhau.  
Suy một bụng đồng bào tương ái  
Người cùng người ai hại gì nhau.  
Đã là đồng chủng đồng cùu, (1)  
Yêu nhau thì quyết cứu nhau phen này.  
Nào đua súc ra tay tạo phúc,  
Cứu cho ta địa ngục thoát vọng.  
Phúc mình mà cũng phúc chung,  
Khuyên ai đi Đạo một lòng khăng khăng.  
Kia những kẻ khe rùng góc bè,  
Cũng là người mảnh sī tài năng.  
Xưa nay quen thói hung hăng,  
Súng con trong túi, dao găm cạnh mình.  
Cậy hào khí tung hoành vũ trụ,  
Tự xưng mình là lũ du côn,  
Hợp nhau mấy bọn con con,

(1) *Cùng một nòi giống, cùng chung một mối thù.*

Ôn đền oán trả há còn sợ ai.  
 Coi sinh tử như chơi chẳng nghĩ,  
 Khi đương hùng ai kẻ dám tranh.  
 Tôi xin trăm lạy các anh,  
 Mấy lời khuyên nhủ định ninh sau này :  
 Thói sai hồ khi nay dắc chí,  
 Đem tư hiềm tiêu khí mà chi.  
 Ngẫm xem nào có hay gi,  
 Mà thương đồng loại nứa thì làm sao.  
 Đừng xa đê má đào ô huyết,  
 Rượu chè quen sinh nết tự-do.  
 Tốn gì đến lũ quân thù,  
 Mà coi tinh mệnh trượng phu làm thường.  
 Người Kinh-Kha cùng chàng Nhiếp-Chinh. (1)  
 Ấy vì ai vong mệnh phục thù.  
 Anh hùng tiếng đê nghin thu,  
 Sứ xanh còn chữ trượng phu lưu truyền.  
 Chết như thế cũng nên cái chết,  
 Chết vô danh người chết ai thương.  
 Anh em ta phải tinh đường,  
 Nay xem sự thê Tây đương với mình.  
 Đã phục dịch trăm vành úc chẽ,  
 Lại thuế sưu lăm vẻ lấy tiền.  
 Vậy thi giết nó đã nêu,  
 Còn thắng vì nó mà quên quốc thù,

(1) Hai người thích khách đời Chiến-Quốc đi ám sát Tần-thủy-Hoàng.

Rước voi đến giày mồ ông vải,  
 Cồng beo về làm hồ nước nhà,  
 Thế thời quyết hẳn không tha,  
 Gián đỗ mật thất là ta tinh liền.  
 May sự được vẹn tuyển cung thỏa,  
 Chẳng may ra thác ngã cung đành,  
 Trước làm cho nó thất kinh,  
 Sau là đê tiếng cao danh muôn đời.  
 Lẽ vinh sĩ có hai đường ấy,  
 Anh em ta đã nghĩ cho chưa ?  
 Mùi tanh sống mũi khó ưa,  
 Gươm sao cắp nách mà ngơ cho đành.  
 Hòn máu uất chất quanh đáy ruột,  
 Anh em ơi xin tuốt gươm ra.  
 Có trời, có đất, có ta,  
 Đồng tâm như thế mới là đồng tâm.  
 Nào nữ kiệt nước Nam đâu tá !  
 Trải xưa nay chuyên lạ bao giờ.  
 Từ ngày nội thuộc khi xưa,  
 Họ Trung hai ả khi xưa anh hùng.  
 Việc nữ tướng xem trong lịch sử,  
 Bùi-thị-Xuân thuở trước đem quân ;  
 Cùng phường cân quắc thoa quần,  
 Mày râu lăm kẽ chục phần kém thua.  
 Kẽ hực ấy bây giờ ít có,  
 Nào có ai anh vũ nữ tài.  
 Hỏi ra họa có một vài,

Mẹ ông Bá-Địch là người Hưng-Nguyên.  
 Huyện Thanh-Chương nay còn chép kẽ,  
 Ông Tú-Quang có mẹ rất hiền.  
 Ngoài ra quên họ, quên tên,  
 Lấy đâu thanh sứ mà biên tùng người.  
 Nào là kẻ tàn tài cấp sĩ,  
 Nào là người bỉnh nghĩa khuyên phu.  
 Giang sơn làm nỗi cơ đồ,  
 Ấy là bậc nữ trượng phu nước mình.  
 Sông hoàn hải mông mênh mặt đất,  
 Dòng nữ lưu quanh quất năm châu.  
 Kia như Nga, Nhật đánh nhau,  
 Có người nhi nữ mà mưu anh hùng.  
 Vé chi phần vốn giòng Nhật-Bản,  
 Mượn yên hoa kết bạn người Nga.  
 Bất tình sự ấy ai ngờ,  
 Thùa cơ lấy được đồ thư đem về.  
 Nga thua Nhật bởi vì mưu lộ,  
 Nhật được Nga nhờ có nữ công. (1)  
 Nữ nhi thế mới anh hùng,  
 Chị em ta phải cùng lòng khuyên nhau.  
 Cây đã lớn cớ sao lại đồ,  
 Bởi vì trong cũng có nội trùng. (2)  
 Huống chi giặc lớn thế cùng

(1) Nữ công là công lao của phụ nữ  
 (2) Nội trùng là sâu mọt ở bên trong

Vốn xưa nay vẫn nội công có người.  
 Rằng nay biết lấy ai phản gián,  
 Phải có tay thủ đoạn anh hùng.  
 Quyết nhờ bậc ấy mới xong,  
 Nước ta há phải là không có người.  
 Nào ai kẻ bếp bồi có chi,  
 Nào ai người thông ký có lòng ?  
 Bấy lâu theo việc làm công,  
 Vì tiền há phải có lòng vì ai.  
 Vì cơm áo theo nòi giống khác,  
 Dẫu ấm no tiếng ác rủa sao.  
 Sao bằng ta vị đồng bào,  
 Công danh cũng có lẽ nào kém ai.  
 Tôi xin nghĩ vì người hoạch kế,  
 Người một nơi bụng đê một nơi.  
 Trước là ích lợi cho người,  
 Sau là vận nước phục hồi về sau.  
 Khuyên ai cứ bảo nhau nghĩa ấy,  
 Cơ hội này trông thấy chẳng xa.  
 Bếp bồi thông ký đâu ta,  
 Có lòng như thế mới ra đồng bào.  
 Chàng Dự-Nhượng nấp đâu chẳng thấy ;  
 Gã Phù-Sai đứng đấy là ai.  
 Ngẫm xem từ trước mấy người,  
 Phụ huynh ta ấy là người làm sao.  
 Bởi sự thế vì đâu đến thế,  
 Nghĩa phục thù chép đê một bèn.  
 Đồng tâm chữ ấy chờ quên,

Cửu gia đệ tử nên khuyên nhau cùng. (1)  
Áy kẽ số người trong một nước,  
Trong mười phần đã được chia phần.  
Lai nên tính hết xa gần,  
Thứ xem so thế cường lấn thế nào.  
Đương trong cuộc thắng ưu, bại liệt, (2)  
Có ra ngoài mới biết văn minh.  
Nếu khu khu chỉ biết mình,  
Cùng người đua súc hắn rành mình thua.  
Đi với ở mưu mô chưa vững,  
Trong với ngoài hô ứng (3) chưa thông.  
Đương khi sóng gió bập bồng,  
Kẻ sào người lái sao không hợp lòng.  
Trước chẳng biết vun trồng tiến hóa,  
Sau mong gì kết quả duy tân.  
Nào người du học ngoại lân, (4)  
Mười phần phải có một phần mới xong.  
Khuyên ai cứ ra công gắng chí,  
Dẫu đào non tát bể cũng nên.  
Tinh thành tắc dạ như in,  
Đá vàng cũng rút một tên bắn nhắm.  
Này cha mẹ anh em chú bác,

(1) Cửu gia đệ tử là nói chung những người có học.

(2) Thắng ưu bại liệt là được thì hơn, thua thì kém.

(3) Hô ứng là hô lên và hưởng ứng.

(4) Ngoại lân là nước ngoài.

Dẫu trong ngoài ai khác gì ai,  
Người trong phải có người ngoài,  
Đồng tâm há phải những người ở trong.  
Nếu cả nước một lòng như thế,  
Việc gì coi cũng dễ như không.  
Không việc gì việc không xong,  
Nếu không xong quyết là không có trời.  
Có lẽ nào mặt trời mọc tối,  
Có lẽ nào nửa buổi mọc sao.  
Núi kia có lẽ không cao,  
Bè kia há có lẽ nào không sâu.  
Dẫu gươm sắc kẽ đầu có hỏi,  
Bấy nhiêu lời quyết nói không sai.  
Vậy mà tưởng vậy mà thôi,  
Những ta còn ngại cho người nước ta.  
Người nước ta sinh ra còn dại,  
Non sông này tuổi hãy còn thơ.  
Hãy còn ngơ ngẩn ngần ngơ,  
Chính không có phủ, giáo chưa ra trường.  
Bung vì nó phú cường cũng kệ,  
Lòng đã không nô lệ không oan.  
Vì người hai nước chẳng quen,  
Gặp con sóng gió cùng thuyền cùu nhau.  
Biết như thế không cầu mà hợp,  
Chẳng biết ra dầu hợp cũng tan.  
Vì như gà nhốt cùng đàn,  
Cá nuôi cùng chậu có toàn được nao.

Người minh lầm càng bao càng dai,  
 Lợi đến đâu bâu lại như ruồi.  
 Người ngoài coi tựa bỗng trời,  
 Người minh coi vẫn như gai cạnh mình.  
 Cũng biết nghĩa lạc vinh ô nhục,  
 Cũng biết đường xu phúc ty tai (1).  
 Cớ sao ai cũng như ai,  
 Điều hay bảo đến tận nơi không làm.  
 Bởi cái tội chịu cam ngu dốt,  
 Đã ngờ nhau lại ghét nhau cùng.  
 Bảo rằng: cũng một cái lòng  
 Rùa bay rắn nhảy quyết không được nào.  
 Ngồi nghĩ đến càng đau cả ruột,  
 Ai ngăn dòng chống cột là ai.  
 Ấy là đưa sức gắng tài,  
 Rẽ mây phẩy gió quạt trời cho quang.  
 Ngoài nghìn đậm mơ màng chiếc bóng,  
 Khách bô đào giấc mộng tha hương,  
 Trông về một dải Nam bang,  
 Nghìn năm nước cũ tìm phương hồn về.  
 Nào là kẻ khôi kỳ danh sĩ,  
 Nào là người tuấn vỹ cao nhân.  
 Ấy ai lẹ miệng nhanh chân,  
 Cùng tôi giúp một vài phần là ai.

(1) Xu phúc ty tai là theo điều may mắn, tránh điều tai họa.

Trách thế đạo hai vai gánh nặng? ...  
 Nghĩ nguồn cơn nói chẳng hết lời.  
 Thư này viết gửi về ai,  
 Biết ai có thấu cho ai nỗi lòng? ...

(1)



(1) Còn mấy câu cuối nữa, nhưng chúng tôi không sao lục được hết, kính xin bạn đọc bồ cừu giùm.

## Thiết tiền ca

Khoảng năm 1907, 1908, thực dân Pháp ở Việt-Nam cho phát hành một loại tiền sắt (thiết tiền) để thu tiền kẽm của ta lại. Tiền sắt rỉ thì chỉ còn nước quăng đi. Nhưng ác nghiệt thay ! kẻ phát hành tiền sắt là nhà cầm quyền Pháp mà kẻ không chịu cho nhân dân ta nộp thuế, mua hàng ngoại hóa và đi xe lửa, tàu thủy bằng tiền sắt lại cũng là nhà cầm quyền Pháp.

Thật là một chính sách chẳng còn kè gì là văn minh, nhân đạo.

Bài «Thiết tiền ca» này là của cụ Nguyễn-phan-Lâng, một giáo viên của Đông Kinh Nghĩa Thục làm ra để tố cáo với quốc dân về chính sách hiềm độc ấy của chúng cũng như sự cám miêng một cách đê hèn của đám quan lại người Việt-Nam lúc đó. Và đây cũng kè như một bài kịch kêu gọi các tầng lớp đồng bào hãy mạnh bạo đứng lên chống lại chính sách ấy để giữ lấy quyền sống của mình.

Tiền với bạc đó là máu mủ,  
Không có tiền no đủ được sao ?  
Một ngày là một tiêu hao,  
Máu rơi mủ hết sống sao được mà ?  
Trời đất hối, dân ta khổn khổ !  
Đủ các đường thuế nợ kia.

Lưới vây chài quét trăm bờ,  
Róc xương róc thịt còn gì nữa đâu !  
Chợt lại thấy bắt tiêu tiền sắt,  
Thoạt tai nghe như cắt khúc lòng.  
Trời ơi ! — Có khồ hay không ?  
Khồ gì bằng khồ mắc trong cường quyền.  
Họ khinh lũ đầu đen chẳng biết,  
Bày mèo lừa đê giết chúng ta.  
Bạc vào, đem sắt đồ ra,  
Bạc kia thu hết, sắt mà làm chi.  
Họ tinh lại suy đi đã kiệt,  
Trói chân tay đê chết nước mình.  
Anh em thử nghĩ cho tinh,  
Sẽ đem soi sét tâm tình họ xem.  
Họ không muốn người Nam buôn bán,  
Đê một ngày một cạn của đi.  
Còn trơ đồng sắt đen sì,  
Bạc kia không có lấy gì thông thương.  
Dù có muốn xuất dương thương mại,  
Đem sắt đi, ai dại với mình.  
Rồi ra luân quẩn loanh quanh,  
Vốn kia không có, lợi sinh được nào ?  
Nó lại thấy lương cao muốn chiết,  
Sợ người mình thấy thiệt thi kêu.  
Nó đưa tiền sắt cho tiêu,  
Tuy rằng không chết mà hao thật nhiều.  
Ấy nó nghĩ muru cao nhường thế,

Chỉ tìm đường làm tệ nước ta,  
 Làm cho kẻ xót người sa,  
 Làm cho lớn bé trẻ già bỏ nhau.  
 Làm cho muốn cất đầu không được,  
 Làm cho đi một bước không xong.  
 Thế mà ta vẫn ngay lòng,  
 Tưởng làm như thế cũng không hề gì.  
 Rồi chỉ sợ đến khi hết cả,  
 Muốn làm gì cũng chả làm xong.  
 Muốn công cũng chẳng nên công,  
 Muốn nồng không vốn thì nồng thế nào ?  
 Muốn buôn bán không đào đâu vốn,  
 Muốn học hành, phi tồn lấy đâu ?  
 Bấy giờ ta mới biết đau,  
 Đại rồi cắn rốn vật đầu được chi.  
 Nếu họ có bụng vì ta nữa,  
 Sao họ không mở cửa thông đồng ?  
 Nhà doan, kho bạc tiêu chung,  
 Lúc buôn lúc bán lúc cùng vào ra ?  
 Sao nó chỉ bắt ta tiêu lẩn,  
 Mà nó không chịu bận đến mình ?  
 Chẳng qua giờ thói ma tinh,  
 Ra tay hiềm độc lừa quanh đầy mà.  
 Không biết ai khởi ra nghị định,  
 Không biết ai chung lĩnh thi hành.  
 Sao không thầm lý đạt tình ?  
 Sao không cứ phép công minh mà làm ?

Người Pháp với người Nam như một,  
 Bảo hộ thì chỉ cốt thuận dân,  
 Lẽ đâu cậy thế cậy thần,  
 Lẽ đâu trái lẽ cầm cân công bình ?  
 Nào Hiệp-biện, Văn-minh (1) đâu đó ?  
 Nào Thượng-thư, Đốc-bộ (2) là ai ?  
 Nào là phủ huyệ quan sai.  
 Hội viên thông ký là người nước ta ?  
 Ai trách hạch cho ra lẽ phải ?  
 Ai dám đem lời cải cho minh ?  
 Thị phi ai biện cho rành ?  
 Búa rìu không nhục, lôi đình chẳng kinh.  
 Làm cho cửa dân minh đỡ hại,  
 Làm cho tiền trau lại mới nghe.  
 Bảo nhau mạnh cánh mạnh bè,  
 Cho người lừa đảo hết nghề hết khôn.  
 Tôi xin nhờ như chôn vào ruột,  
 Tôi xin châm lừa đốt hương chung.  
 Tôi xin tạc chữ đồng tâm,  
 Dựng đài kỷ-niệm trăm năm phungthora.  
 Thời đừng giữ thói nhớ ô mị,  
 Bảo thế nào người ký cả tay.  
 Ngại khi lời nói hay hay,  
 Trăm năm trăm miệng đáng cay muôn phần.  
 Nay hời bạn quốc dân ta nữa,  
 Cơ sự này lo sợ đến đâu.

(1) — (2) Các chức quan triều và quan tỉnh người Việt-Nam.

Bỗng như tiếng sét trên đầu,  
Kinh kinh hãi hãi biết sau thế nào.

(1)

Ấy là phúc nước Nam ta đó,  
Ấy là cơ máu mủ ta còn.  
Đời đời cháu cháu con con,  
Còn non còn nước vẫn còn Việt-Nam !



## ***Khóc cụ Trần-quý-Cáp***

Cụ Trần-quý-Cáp hiệu Thái-Xuyên, người làng Bất-Nhi, phủ Điện-Bàn tỉnh Quảng-Nam. Cụ sinh năm Canh-Ngọ, dương lịch 1869. Thi tiến-sĩ năm Giáp-Thìn, dương lịch 1904. Cụ là đồng chí của các cụ Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Khang. Năm 1908, phong trào kháng thuế ở Trung-Kỳ nỗi dậy. Chính quyền Pháp và triều đình Huế cùng toa rập mưu bắt cụ giam vào đè lao Khánh-hòa vì nghi là lãnh tụ phong trào. Mặc dù không đủ chứng cứ bọn chúng cũng cứ lên án tử hình cụ. Bài thơ chữ Hán khóc cụ sau đây là của cụ Huỳnh-thúc-Khang làm trong đè lao Quảng-Nam, sau khi được tịp cụ lâm hình, và chính tác giả dịch ra quốc âm.

**T**ựu kiếm tiêu nhiên độc xuất môn,  
Nhất quan đố lạc vị thân tồn.  
*Trực tương tân học khai nô lũy,*  
*Thùy tin dân quyền chủng họa côn.*  
*Bồng-đảo xuân phong huyền viễn mộng ;*  
*Nha-trang thu thảo khấp anh hồn.*  
*Khả liên nhất biệt thành thiên cổ,*  
*Đà-năng phản khâm tửu thương tồn.*

*Dịch :*

Gurom sách xăm xăm tách đậm miền,  
Làm quan vì mẹ há vì tiền.

(1) Mất một đoạn.

Quyết dem học mới thay nô kiếp, (1)  
 Đâu biết quyền dân này họa nguyên. (2)  
 Bồng-đảo gió chưa đưa giấc mộng ;  
 Nha-trang cỏ đã khóc hồn thiêng.  
 Chia tay chén rượu còn đương nóng,  
 Đà-năng đưa nhau lúc xuống thuyền.



## Các quan hát xướng

Bài này của một người vô danh làm năm 1900 đề chỉ vào việc tên Nguyễn-hữu-Thắng (người Quảng-ngãi) làm Tông-đốc Quảng-nam nuôi một ban hát bội trong nhà để cứ năm bảy tối lại nồi trống hát một tối, có khi kéo dài bốn năm tối trong khi toàn thể dân tình đang bị khổ khát vì cảnh sưu cao thuế nặng, phu dịch khổ sở do bọn thực dân Pháp gây ra. Tuy chỉ tà vào việc tân Thắng, nhưng đây cũng là phản ảnh tinh thần chung của một số quan lại người Việt ra làm việc cho chúng với mục đích chỉ để vinh thân phi gia, mà ngoài thì cứ bô bô lên tiếng là « dân chi phụ mẫu » « quốc gia lương đống ».

**H**át xướng làm chi hối các quan ?  
 Trời làm hạn hán khát trăm đàng,  
 Nước về Phú-lăng lương tiền tận ;  
 Dân mắc cu-li cốt nhục tàn.  
 Ngán nỗi con người mà chó ngựa ;  
 Ngờ đâu địa ngục ở trần gian.  
 Kẻ nghèo nước mắt lau không ráo,  
 Hát xướng làm chi hối các quan ?



(1) Kiếp nô lệ

(2) Nguồn tai vạ.

## Đinh phu-nhân

Đinh phu-nhân chính tên Lê-thị-Đàn, người xã Thanh-lại-thượng, tỉnh Thừa-thiên, vợ của một viên quan người họ Đinh. Bà góa chồng hồi còn nhỏ, nhưng không tái giá.

Nhờ sinh trưởng trong gia đình Nho-giáo, thiếu thời bà có theo dõi đèn sách và biết làm thơ văn.

Bà gia nhập Việt-Nam Quang-phục hội từ khi Hội mới thành lập với nhiệm vụ hộ tống cán bộ và giao thông tin tức từ Quảng-nam, Huế, Nghệ-an và Hà-nội, Hải-phòng, bên cạnh ông Ngự Hải Đặng-thái-Thân. Trong các phong trào Đông du, Kháng-thuế ở các tỉnh miền Trung, bà đóng góp một phần hoạt động rất đắc lực.

Năm 1910, bà bị mật thám Pháp bắt trên đường Hải-phòng, Quảng-nam với nhiều thư từ tài liệu cách mạng. Bà bị giải về nhà lao Thừa-thiên. Tên phủ doãn Trương-như-Cương dùng mọi cực hình tra tấn. Bà nhất định không khai một đồng chí nào hay một cơ sở nào.

Một hôm bà bảo Trương-như-Cương : « Các công việc, các tổ chức cơ quan của Hội tôi đều biết. Song bấy lâu bị giam giữ tra tấn, mình mày do bần, nay «cụ lớn» cho nước tắm sạch sẽ và cho giấy bút, đêm nay tôi sẽ thức khai hết ». Cương mừng quá, chiều theo. Nhưng sáng hôm sau, y mở cửa nhà lao vào xem thì bà đã dùng dây lưng thắt cổ chết, để lại ba bài thơ tuyệt mạng, (1) viết bằng máu cùng một bức thư chửi bọn thực dân và bè lũ.

(1) Xem Thi ca trong tù (của Thái-Bạch)

Được tìm cù Phan-bội-Châu có làm 2 câu đối đè tỏ lòng thương tiếc bà, một câu viết :

*Tâm thân trót gả giang sơn Việt,  
Tắc dạ soi chung nhật nguyệt trời*

Một câu viết :

*Tor nhân sợi nghĩa dây lưng trắng ;  
Dạ sắt lòng son nét máu hồng.*

Còn dưới đây là bài thơ ca tụng khí tiết và tóm tắt cuộc đời cách mạng của bà được lưu truyền sau ngày bà tuẫn tiết. Nhưng rất tiếc không biết rõ tác giả là ai.

**B**à Trung, Triệu, mở dòng liệt nữ,  
Chống ngoại xâm thanh sử ghi công.  
Gần đây một nữ anh hùng,  
Cũng là gốc Lạc trồi Hồng naye hoa,  
Người Thuận-hóa nếp nhà nho giáo,  
Đinh-phu-nhân tiết tháo phi thường,  
Tinh trâm trọng, vẻ doan trang,  
Bút hoa ham tập, quyền vàng châm xem.  
Chồng mất sớm một niềm thủ tiết :  
Nước suy vong còn thiết chí thân.  
Chồng thù theo gót Mộc-Lan,  
Liễu bồ mà bọc lá gan anh hùng.  
Buổi văn thân vây vùng hải ngoại.  
Bà tìm ông Ngự-Hải xin theo  
Việc đại nghĩa, dẫu hiềm nghèo,

Hết lòng báo quốc, quyết liều ngày xanh.  
 Lưới trinh thám tung hoành sau trước.  
 Lột khỏi vòng khôn được phần nao.  
 Bà xin tinh nguyễn xông vào  
 Ban liên lạc với kiều bào ngoại bang.  
 Kỳ-ngoại-Hầu đã sang tới Nhật,  
 Việc Đông-du, xếp đặt quy mô.  
 Cơ quan tiếp tế phải lo,  
 Tiền tài, thư tín phô cho mặc bà.  
 Từ Thuận-hóa lọt qua các bến,  
 Ghé Nghệ-an rồi đến Hải-phòng.  
 Hải-phòng sang tận Hồng-kông,  
 Đảng viên đã cử một ông đi về,  
 Ngư-Hải ông được bà ủng hộ,  
 Trong năm năm phục vụ nên công.  
 Nhờ bà nội ngoại giao thông,  
 Nền tài chính đảng bồ sung được đều.  
 Thương phận mỏng chi kêu chênh lệch.  
 Với lệnh trời khôn địch được sao !  
 Năm Thành bà bị tống lao,  
 Gặp kỳ tra tấn khổ bao cực hình.  
 Trương-như-Cương tham danh hại nước,  
 Chốn pháp đình tim chước dù bà,  
 Rằng « khôn thú thật thi tha,  
 Việc làm của đảng nói ra cho tướng,  
 Không những được khoan hồng đối đãi,  
 Lại còn tư cấp giải thưởng cho ».

Nghe lời gan xót ruột vò,  
 Ma trong chí cả ai dò muren sâu.  
 Bà tò vè gật đầu toại ý,  
 Miệng tươi cười : « vâng sẽ xin thưa »,  
 Nhưng nay đã bị đau nhür.  
 Nói cho gông xích xin thưa tường trình.  
 Thơ giấy bút đêm thanh tôi nghĩ,  
 Những ai ai xin kẽ rõ ràng.  
 Việc trong đảng tôi tố tường,  
 Hắng trăm đồng chí vẫn thường tới lui.  
 Nay biết chắc tha tôi tội chết,  
 Thời tôi xin khai hết đủ tên.  
 Họ Trương tường thực mừng rèn,  
 Bèn ban lệnh xuống tháo then gông cùm.  
 Trong phòng kín tối om lạnh lẽo,  
 Ngọn dầu hao vóc liêu xót xa.  
 Một mình một bóng chau sa,  
 « Phu quân đâu đây đón ta đến cùng !... »  
 Lấy nghiên mực mài giòng huyết lệ,  
 Thảo một trang chửi tệ quân thù.  
 Cắn tay lấy máu chép thơ,  
 Ba vẫn tuyệt mạng đến giờ còn vang,  
 Sáng hôm sau cửa buồng vẫn khóa,  
 Trương mừng thầm vội vã vào ngay.  
 Đến khi cửa mở kinh thay !  
 Thành kia đã gửi đoạn giấy oan tình.  
 Trương nghĩ thẹn riêng mình thấp tri ;  
 Sai hỏa thiêu thi thề tờ cung.  
 Khen thay một tấm kiên trung,  
 Nếu gương báo quốc soi chung muôn đời.

## **Ngày xuân họp bạn**

Của ông Tú-Kiên tự Hy-Cao, người Nghệ-An làm ở Côn-đảo  
vào khoảng năm 1910.

Gặp gỡ nhau đây mới biết nhau,  
Trông nhau càng nghĩ lại càng đau.  
Văn minh Âu Mỹ ba thắng cướp ;  
Con cháu Rồng Tiên một lũ tù.  
Tài giỏi vì chung tay có súng ;  
Yếu hèn chỉ vì túi không xu.  
Trời đương xoaytit, người đương ngủ ;  
Giận muối vò tan quả địa cầu.

Hiu hắt năm canh bóng nguyệt tà,  
Nghĩ gần thôi lại nghĩ đường xa.  
Tù hai ba lượt còn ham sống ;  
Tuổi bốn năm mươi chưa chịu già.  
Tư tưởng lan man trời đất hẹp ;  
Phong trần lui bụi tháng ngày qua.  
Trót lời thề hẹn cùng non nước,  
Gối kiếp thâu đêm đợi tiếng gà.

## **Ái chủng ca**

Người Việt-Nam ta thường hát rằng :

*Nhiều điều phủ lấp giá gương,  
Người trong một nướcc phải thương nhau cùng.*

Người trong một nướcc phải thương nhau, không thể ghét nhau, xem nhau như cùu địch. Đó là tinh thần ái chủng, và tinh thần ái chủng của dân tộc Việt-Nam đã gói ghém vào câu ca dao trên.

Nhưng ái chủng không phải chỉ có «cùng thương nhau» thôi còn phải làm gì mới gọi là thiết thực ?

Và ái chủng phải làm thế nào nữa trong lúc giang sơn đang bị gót giày quân xăm lăng trá đạp, nhân dân đồng bào đang phải sống một cảnh sống ngựa trâu, khom lưng cúi đầu cho kẻ khác sai khiến ? ...

Vì thế, cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu có bài « Ái chủng ca » này để thiết tha kêu gọi tinh thần ái chủng của người Việt-Nam trong những ngày đen tối vừa qua của dân tộc.

Theo các nhà cách mạng, bài này cụ viết ở Thái-Lan vào khoảng năm 1911 là khi cụ qua đó theo lời mời của cụ Đặng-tử-Kính và các đồng chí cách-mạng đang bôn ba hoạt động ở bên ấy.

Muốn hiểu rõ thế nào là ái chủng, và ái chủng phải làm gì ? ái chủng theo quan-niệm của các nhà cách mạng tiền bối ra sao, chúng ta hãy đọc bài ca này của cụ.

Giống ta ta phải yêu nhau !  
 Đưa lời ái chủng mấy câu giải lòng.  
 Hai mươi triệu họ đồng tông.  
 Da vàng màu đỏ con giòng Hùng-Vương.  
 Mấy ngàn năm cỗi Viêm-bang  
 Đua khôn hoa hoán, mở đường văn minh.  
 Tài anh kiệt nối đời sinh.  
 Đánh Nguyên mấy lớp ; phá Minh mấy lần.  
 Mở mang Chân-Lạp, Chiêm-Thành,  
 Miền Nam lừng lẫy giống thần mở mang.  
 Tiếc thay giống tốt nòi sang,  
 Vì sao sa sút cho mang tiếng hèn.  
 Xưa sao đưng chủ cầm quyền,  
 Giờ sao nhẫn nhục chịu hèn làm tôi.  
 Xem Tây như thánh như trời,  
 Người Nam ta chịu dưới nơi a-tỳ. (1)  
 Giang sơn thiện với tu mi,  
 Đá kia cũng xót, sông kia cũng sầu !  
 Nào anh em, chị em đâu !  
 Kết đoàn ta phải bảo nhau thế nào ?  
 Chữ rắng : « đồng chủng đồng bào »  
 Yêu nhau ta phải tinh sao phục thù ?  
 Muốn cho nội ngoại giao phù (2)  
 Sáu mươi lăm tỉnh cũng như một nhà.

(1) Cửa ngực dưới âm phủ.

(2) Trong ngoại giao kết lại.

Muốn cho Nam Bắc hợp hòa  
 Hai mươi lăm triệu cũng là một thời.  
 Đừng cậy thế, đừng khoe tài !  
 Bỏ điều riêng nhỏ, tính điều lợi chung.  
 Chớ giành khí, chớ khoe công,  
 Dứt tình ghen ghét, bỏ lòng xai nghi (1).  
 Ai ơi xin sửa mình đi !  
 Công tư đức ấy hai bề vẹn hai.  
 Những điều hại nước, tan nòi,  
 Rước voi công rắn thì thôi xin chừa.  
 Một mai thời thế chuyển cơ,  
 Anh em ta lại như xưa sum vầy.  
 Họ hàng đồng đùi cánh vây,  
 Chen vai ưu thắng, ra tay cạnh tần !



(1) Xai nghi là ghen ghét người vực.

## Ái quốc ca

Con người ở đời đã biết ái chủng là thế nào, và cái chủng thì phải tỏ ra làm sao trong những lúc giống nòi bị lưu ly điên báu.

Nhưng chưa đủ.

Còn phải ái quốc nữa.

Quốc là gì ?

Nếu «chủng» theo các nhà cách mạng tiền bối là người cùng chung một nguồn gốc, một giống nòi như trong bài «Ái chủng ca» của cụ Phan-bội-Châu, thì ở đây «quốc» có nghĩa là đất đai sông núi đã định phân từ ngàn xưa, do tổ tiên kế tiếp đời đời truyền lại, mà đó cũng là phần hương hỏa, phần di sản để con cháu cùng nhau giữ gìn và sinh sống. Kẻ nào dè lọt vào tay khác hay âm mưu đem bán cho người ngoài dè vinh thân phì gia, làm cho anh em giống nòi phải diêu linh khồ sở, kẻ ấy là những tên phản quốc, phản dân tộc. Hay dè bị lọt vào tay người khác mà không biết cùng nhau lo toan, cố gắng để giành lại thì cũng không phải là yêu nước. Cho nên chỉ ái chủng thôi mà không có ái quốc thì cũng chưa được hoàn toàn xứng đáng làm người, nhất là người ấy lại là giòng giống đã có hơn ngàn năm văn đức võ công, mà nay phải sống một cuộc đời «không còn là sống nữa» ở dưới bàn tay của bọn Pháp xâm lăng.

Vậy ái quốc là muôn người phải như một, phải sôi bầu máu nóng dậy mà rửa mối thù chung cho quốc gia, dân tộc.

Bài «Ái quốc ca» này là một bài đã nói lên với đồng bào toàn

quốc, cái ý nghĩa trên đây. Theo các nhà cách mạng cũng là của cụ Phan-bội-Châu, cụ viết tại Thái-Lan cùng một lượt với bài «Ái chủng ca» ở trước.

Nay ta hát một câu ái quốc,  
Yêu gi hơn yêu nước, nhà ta.  
Nghiêm trang bốn mặt sơn hà,  
Ông cha ta dè cho ta lợ vàng.  
Trải mấy lớp tiền vương dựng mở,  
Bốn ngàn năm giải gió dầm mưa.  
Biết bao công của người xưa,  
Gang sông tắc núi dạ đưa ruột tắm.  
Hào Đại-hải ầm ầm trước mắt,  
Giải Cửu-Long quanh quất miền Tây.  
Một tòa san sát xinh thay.  
Bắc kia Vân, Quảng, (1) Nam này Côn-Lôn.  
Vẻ gấm vóc nước non thêm đẹp,  
Chắc những mong cơ nghiệp dài lâu.  
Giống khôn há phải đần trâu,  
Giang sơn nở dè người dân vầy vùng.  
Hăm lăm triệu người cùng của hết,  
Sáu mươi năm nước mắt quyền không.  
Thương ôi công nghiệp tồi tông !  
Biển tuôn máu chảy, non chồng thịt cao !  
Non nước ấy biết bao máu mủ !  
Nở nào đem nuôi lũ sài lang ?

(1) Vân Nam và Quảng đông, Quảng tây.

Cờ ba sắc xír Đông-Dương  
Trông càng thêm nhục, nói càng thêm đau !  
Nhục vì nước mà đau người trước ;  
Nồng nỗi này non nước cũng oan.  
Hồn ơi về với giang san !  
Muôn người muôn tiếng hát vang câu này :  
Hợp muôn sức ra tay quang phục ;  
Quyết phen này rửa nhục báo thù.  
Một câu ái quốc reo hò,  
Xin người trong nước phải cho một lòng.



## **Tuyệt mệnh**

Tác-giả bài này là ông Lương-ngọc-Quyến, thứ nam của cụ cù Lương-văn-Can, một trong những nhân vật cách mạng sáng lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục.

Ông hiệu Lập-Nham, sinh năm Ất-Dậu 1885, người làng Nhị Khê huyện Thường-Tín, tỉnh Hà-Đông (Bắc Việt). Thuở nhỏ, ông theo học chữ nho và thi rớt kỳ thi phú tại trường Nam khoa Canh-tý (1900). Rồi do ảnh hưởng những sách vở cõi động dân quyền của các nhà Tân học Trung-quốc tràn sang, ông dứt bỏ lối học khoa cử để bước vào con đường cách mạng duy Tân cứu quốc.

Năm 1905 ông xuất dương qua Nhật-Bản. Ông được vào học trường đại-học Chấn-Võ và tốt nghiệp trường này năm 1911.

Ông từ giã Nhật về Tàu, được Tông-đốc Quảng-đông là Hồ-hán-Dân cử làm đại-úy. Sau Lê-nguyễn-Hồng tổ chức lại quân-đội cách mạng cử ông lên Thiếu-tá trông coi một lữ đoàn lục-quân.

Năm 1914 ông lên về nước hoạt động, ý định thủ xướng một cuộc khởi nghĩa ở nước nhà. Ông vào Sài-gòn, lên Nam-Vang, qua Xiêm-La rồi trở sang Tàu.

Nhưng đến Hương-Cảng, ông bị Ty Cảnh-Sát Anh bắt giao cho nhà cầm quyền Pháp ở Quảng-Châu. Ông bị giải về Hà-nội, tra tấn rất tàn nhẫn và bị đưa lên nhà giam Thái-nguyên.

Được ít lâu, ông cùng ông Trịnh-văn-Cẩn (đội nhà giam) phát động cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên năm 1917. Trong cuộc cách mạng

này, ông được anh em cử làm quân sự. Nhưng khi quân cách-mạng rút ra khỏi Thái-nguyên, ông bị bại liệt hẵn một chân (vì cùm kẹp và tra tấn của Pháp) sợ đi làm bận lòng anh em, ông an ủi mọi người và yêu cầu ông Đội Cấn cho ông một phát súng vào ngực để từ giã cõi trần và vĩnh biệt các anh em đồng chí. Bất đắc dĩ, ông Cấn phải làm theo ý ông. Hôm ấy là ngày 5 tháng 9 năm 1917. Ông mới 32 tuổi đầu :

Bài thơ « Tuyệt Mệnh » này, ông làm ở nhà giam Hỏa-Lò Hà-nội vào khoảng cuối năm 1915 và đọc cho một người anh họ nghe khi ông này vào thăm. Sau đó các nhà cách mạng truyền đi, nên nay chúng tôi ghi lại được.

### NGUYÊN TÁC

Học hải cầm thư lịch kỷ thu ?  
 Nam quan hồi thủ tú du du.  
 Bách niên Tồ quốc quy hò lô ;  
 Thất sisch tàn khu phó bich liru.  
 Tư thế bất phùng minh thánh hữu ;  
 Lai sinh thả báo phụ huynh cùu.  
 Thủ hành hoạch yết Lam-sơn đế  
 Hoán khởi trùng tiêm Pháp tặc đầu.

*Bài dịch của ông Đào-trinh-Nhất*

Bè học xông pha trải bấy lâu ?  
 Thần tù ngoảnh lại nghĩ mà đau !  
 Trăm năm đất tồ về quân moi ;  
 Bảy thước thân tàn mặc nước sâu.

Ban tốt đời nay sao vắng cả ?  
 Thủ nhà kiếp khác dễ quên đâu !  
 Hồn ta được gặp Lam-sơn-Đế (1)  
 Quyết mượn oai linh chém Pháp đầu.



(1) Tức vua Lê-Thái-Tồ.

## Ký nội

Thơ của ông Lương-ngọc-Quyến viết ở nhà giam Hỏa Lò (Hà-nội) năm 1915 để gửi ra cho vợ là Nguyễn thị Hồng-Đính con gái cụ Cử Cương, một nhà cách mạng trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Bị bắt giam cùng một lượt với các cụ Lương-văn-Can, Nguyễn-Quyền, Vũ-Hoành, cụ Cương bị đem vào Nam an trí ở Cần-Thơ, rồi sau mất ở đó.

Đạo phu phụ cương thường thiên cổ,  
Tình thê noa ái hộ bách niên (1)  
Đêm thanh nhở đến bạn hiền,  
Đường xa gửi bức vân tiên tự tình (2).  
Kè từ lúc Hải-ninh gấp gỡ (3)  
Mối tơ hồng đẹp lứa đôi ta.  
Hương-Giang khi bước chân ra,  
Cầm thơ một gánh, thất gia một đoàn.  
Khi Thương-hải chấn loạn gối phượng,  
Lúc Hoàng-châu vịnh trúc ngâm mai.

(1) Thê noa là vợ con.

(2) Vân tiên là tờ mây

(3) Hải-ninh thuộc về Mông-cáy, giáp Đông-hưng nước Tàu. Bà Quyến đi sang Tàu gấp ông về đón ở đó.

Đề huề mấy chút con trai,  
Nhấp men Ngô-linh, đua chài Chầu-giang.  
Nhờ gia hương bước sang Lục-tỉnh.  
Vượt nghìn non định tĩnh gia thân (4)  
Biết bao trọng nghĩa thâm ân,  
Trai tài gái nết Tân Tân đẹp duyên.  
Bấy nhiêu năm liên uyên tĩnh phượng (5)  
Dặm nghìn ngoài hiệp xướng hòa chung (6)  
Giang sơn trọn một chữ tòng,  
Những mong Hồng-nữ, Vệ-công sánh tày (7)  
Cờ Ngũ tinh kéo về Phục quốc (8)  
Kiệu tân trang sẽ rước ninh gia (9)

(4) Định tĩnh : Sớm thăm tối viếng.

(5) Liên uyên tĩnh phượng : loài chim uyên ương và phượng hoàng bao giờ con trống con mái cũng sống có đôi, bay sát cánh, không hề lìa nhau, ý nói cảnh vợ chồng xum vầy hòa hảo, không lúc nào xa cách.

(6) Hiệp xướng hòa chung : là ý nói âm nhạc hiệp văn hòa nhịp với nhau cũng như cuộc đời hòa hảo của đôi vợ chồng.

(7) Hồng-nữ vệ-công : sự tích nàng Hồng-Phất và Lý-Tịnh đời nhà Đường. Lúc ấy thiên hạ đại loạn, Lý-Tịnh là một người học trò hàn vi, có dịp ra mắt một nhà quyền quý đương thời Hồng-Phất có mắt xanh, đón biết anh hùng ở giữa trần ai, liền bỏ nhà đi theo họ Lý. Quả nhiên về sau Lý theo giúp vua Đường-thái-Tông đánh Đông, dẹp Bắc dựng nghiệp thống nhất, được phong Vệ-quốc-công.

(8) Cờ ngũ tinh : Có 5 ngôi sao. Năm 1917 ngọn cờ này phấp phới trên tinh Thái-nguyên bầy ngày về tay quân cách-mạng.

(9) Ninh gia là về thăm nhà. Người đàn bà đi lấy chồng lúc trở về thăm nhà mình, gọi là quy ninh hay ninh gia.

Trên vì nước, dưới vì nhà,  
 Non sông mỏ mắt, mẹ cha thỏa lòng  
 Than vận nước còn trong hội bĩ.  
 Lúc tình cờ phút bị gian nguy.  
 Làm cho Nam, Bắc phân kỳ,  
 Xa xôi luống những tương tri âm thầm.  
 Ngày sáu khắc ruột tẩm ván vít,  
 Đêm năm canh hồn điệp ngần ngơ.  
 Đoái thương nấm đất Cần-Thơ (10)  
 Dầu dầu cỏ biếc, lờ mờ rêu xanh.  
 Gió ào ào Nam-Vinh thung cối (11)  
 Sương mù mù Hà-nội huyên gia.  
 Xiết bao nỗi nước tình nhà,  
 Hồi nàng giúp đỡ cho ta thế nào ?  
 Ôn phu mẫu thiên cao địa hậu.  
 Mưu tử tôn du hậu quang tiền (12)  
 Khuyên nàng lập chí cho kiên,  
 Hiếu thân báo tử đáp đèn cho anh.  
 Lòng người đã trung thành sốt sắng,  
 Trời xanh kia ắt chẳng phu mình.

(10) Nấm đất Cần-thơ : Cụ Cả Cương, thân phụ của bà Quyến vì cách mạng bị thực dân Pháp đưa vào an trí tại tỉnh Cần-thơ rồi qua đời ở đó.

(11) Nam-Vinh thung cối : Lúc này cụ Cử Can, thân phụ ông Quyến đã bị Pháp bắt giam một độ rồi đưa sang an trí lại Nam-vang kinh đô nước Cao-Miên (tức Nam-vang).

(12) Dụ hậu quang tiền là gây dựng người sau, rõ ràng đời trước, ý nói dạy dỗ con cháu cho nên người, rạng vẻ tờ tiên.

Mai sau bĩ cực thái hanh (13)  
 Kéo cờ độc lập giữa thành Thăng-Long.  
 Ba mươi triệu Lạc-Long tôn tử,  
 Bốn nghìn năm lịch sử quang vinh.  
 Trời Nam rực rõ văn minh,  
 Sơn hà rửa sạch hôi tanh giặc thù.  
 Cửa Nghĩa môn bầy đồ khánh trúc (14)  
 Nhà Ôn-như hát khúc thăng bình (15)  
 Rõ ràng phu quý phu vinh,  
 Tiếng thơm muôn nước, phúc thanh một nhà.  
 Nợ trung hiếu nay đà đèn đủ,  
 Chi tang bồng chẳng phu làm trai.  
 Khi nên trời cũng chiều người,  
 Nàng ơi ! hãy nhớ lấy lời tình chung !



(13) Bĩ cực thái hanh là hết lúc bĩ đèn lúc thái.

(14) Cửa Nghĩa-môn : Công nhà vợ ông Quyến ở Động Trung, Thái Bình, đề hai chữ Nghĩa-môn tự đời Tồ-phụ đề lại.

(15) Ôn Như : là biệt hiệu cụ Cử Lương-văn-Can.

## **Khóc bạn Lương-ngọc-Quyến**

Của ông cử Dương-bá-Trạc làm sau khi được tin cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên thất bại năm 1918, Ông Trạc là bạn thân với ông Quyến từ lúc còn đi học cho tới sau cùng nhau làm cách mạng. Trong thời gian ông Quyến bị bắt thì ông Trạc bị người Pháp đưa đi an trí ở Long-Xuyên (Nam Việt). Sau ông được người Nhật đưa ra khỏi nước để hoạt động và đến mùa Xuân năm 1945 thì bị bệnh mất tại Tân-Gia-Ba.

**D**oạn tuyệt gia đình với núi sông,  
Phật cờ Đông-học trầy tiên phong,  
Lục quân Nhật-Bản tinh thao luyện,  
Chiến địa Trung-hoa thỏa vãy vùng.  
Bắc-hải vẫn ghi lời thoại biệt ;  
Long-Xuyên bao xiết truyện trùng phùng.  
Thái-Nguyên độc lập năm ngày trọn (1)  
Cho biết tay đây cọp sô lồng.

(1) Cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên năm 1917, khởi lên từ đêm 30 rạng 31 tháng tám dương lịch, quân cách-mạng chiếm giữ tỉnh thành từ đây cho đến quá trưa hôm 5 tháng chín mới rút lui ; tính ngày là 7 ngày, nhưng tính giờ thì được 5 ngày trọn.

## **Thăng-Long văn vật !**

Năm 1921, báo Trung-Bắc ở Hà-nội có mở cuộc thi thơ vịnh Văn-miếu (miếu thờ Khồng-Tử) lấy câu đầu là « Nghìn năm văn vật đất Thăng-long », như vậy là thơ 8 câu theo thể luật Đường mà người dự thi chỉ phải làm có bảy : Do đó các bài gửi đến đều phá đề bằng câu đầu trên kia.

Nhưng Thăng-long lúc đó — lúc dưới quyền cai trị của bọn thực dân Pháp — có còn đâu là văn vật nữa mà các thức giả, học giả thi sĩ văn nhân cứ phòng mũi mà tán ?

Bởi vậy, có người vì không thể chịu được cái trò thi cử lố bịch ngu muội ở trước cảnh nước mất nhà tan ấy, nên đã gửi lại cho ban chấm thi một bài sau đây, tuy cũng đề là đề góp phần dự thi, nhưng thực là một cảnh cáo gián tiếp. Bài này lẽ dĩ nhiên không có đăng lên như các bài khác, nhưng đã khiến người đề xướng ra cuộc thi là ông tú Nguyễn-đỗ-Mục cảm thấy xấu hổ mà tốp ngay lại liền.

**N**ghìn năm văn vật đất Thăng-long.  
Văn vật ngày nay mới lạ lùng.  
Tham biện (1) tham buôn, tham cán sữ ;  
Đốc người, đốc chó, đõe canh nòng (2).  
Du côn mật thám đầy sông Nhị ;  
Giăng há ma cô chật núi Nùng,  
Còn nữa xin ngừng, khôn siết kẽ !  
Nghìn năm văn vật đất Thăng-long.

(1) Tham biện tức còm-mi.  
(2) Đốc chó tức Thủ y.

## ***Mơ tồ mắng***

Đây là bài của cụ Đàm-Xuyên Nguyễn-phan-Lãng viết vào khoảng tháng 6 năm 1925 để kêu gọi tinh thần quật khởi của toàn dân và đồng thời để thức tỉnh những tâm hồn hèn mạt đang cam phận khom lưng cúi đầu ở trước thế lực bọn xăm lăng, không còn biết nghĩ đến nhân phẩm nhân cách là gì mà hổ mỉng thi khoe là con Rồng cháu Tiên... Than ôi!...

Đêm khuya giấc mộng đang mơ màng.  
Bỗng chiêm bao thấy cụ Hồng-Bàng.  
 Tay cầm bầu nước xách lề mề.  
 Vai vác cái cuốc đi vội vàng.  
 Người cụ cao lớn, mặt đỏ gấc,  
 Mắt sáng như sao râu, quá ngực,  
 Miệng rộng như bể, chân như non.  
 Hầm hầm dường có ý căm tức.  
 Quát lên một tiếng như sấm vang,  
 Người đang mơ ngủ đều kinh hoàng.  
 Mắt nhắm mắt mở chưa kịp dậy,  
 Cụ đã sừng sững trước đầu giường.  
 Tay cầm cái cuốc gỗ vào sọ.  
 Tay cầm bầu nước dội vào cổ.

Mắng rằng : « Bảy đã tĩnh hay chưa ?  
 Gà gáy tứ tung bảy vẫn ngủ !  
 Cái cuốc bỏ đó, nhà đi đâu ?  
 Bảy không thức dậy để giữ lấy  
 Cuốc ơi ! Nước ơi ! đi đâu nào ?  
 Người hãy lấy cuốc đi khai mỏ  
 Người ta lấy nước nuốt vào cổ,  
 Cuốc cũng lấy gì vỡ ruộng nương.  
 Nước cạn lấy gì tưới cổ cây...  
 Cuốc còn, cuốc mất, bảy không hay ;  
 Nước còn, nước mất, bảy trối thây !  
 Giang sơn cơ nghiệp ta ở đây...  
 Thôi thôi ! ta chắc cây gì bảy !  
 Bảy chẳng nghĩ công ta khó nhọc,  
 Mở núi khai sông, những săn sóc,  
 Nhành Hồng cõi Lạc mấy ngàn năm,  
 Truyền từ nhược tôn riêng một góc.  
 Trăm trai một bọc, trứng vuông tròn,  
 Nửa thời bờ biển, nửa về non.  
 Con Rồng cháu Tiên, ngày đông đúc.  
 Lúa rừng cá biển mưu sinh tồn.  
 Văn minh một ngày một bước tiến,  
 Dần dần thành một cõi văn hiến.  
 Người chuộng lẽ nghĩa, thói thuận lương ;  
 Văn hóa ngàn năm không chút biến ;  
 Cùng nhau gìn giữ nghiệp tổ tông.  
 Suốt cùng Ngũ-hồ, sông Cửu-Long,

Mở mang cõi đất ngày ngày rộng,  
Làm cho thêm rạng vẻ non sông.  
Đàn bà dẽ mấy tay : Trung, Triệu,  
Minh cõi đầu voi, cờ nồi hiệu.  
Quân Ngò quân Hán đã kinh hồn,  
Trông giãi yếm đào tìm néo xéo !  
Tài trai giỏi nhứt lớp Trần, Lê,  
Ra sức anh hùng cũng gờm ghê.  
Mấy trận Chi-Lăng cùng Vạn-Kiếp  
Quân Tàu hóng gió cút ngay về !  
Như thế mới thật con cháu cu.  
Làm trai không hẹn, gái không hò.  
Bây sao chẳng ngắm các gương xưa.  
Luống chịu cúi đầu, ràng buộc cõi ?  
Vây đuôi ngang mặt theo sau người,  
Chờ chực nước dãi, trông ngóng hơi,  
Nhà mình mà hóa đi ở đâu,  
Cơm mình mà phải đi nhặt rơi ?  
Giết con cho mắm, nhắm mắt nuốt,  
Chém cha chia canh, chẳng buốt ruột.  
Vỡ nhà nát nước, giả ngân ngơ,  
Xây nghé, tan đàn, không biết xót !  
Gái đi rước khách, trai đi hầu,  
Cậy thế cậy thần lè lanh nhau.  
Nhái lớn chực nuốt những nhái bé !  
Gãy róc xương thịt, béo ép dầu...  
Lai còn lên mặt những tên lệnh,

Đưa nhau làm cỗ cúng ông Hênh,  
Săn cầy săn cá lên tảng công  
Kiếm bát canh thừa miếng ăn cặn  
Xưa kia quan lại có thể đau ?  
Bây giờ quan Phủ lại nên giàu  
Đua nhau bòn máu và hút mủ  
Đua nhau rộng ruộng cùng cao lầu  
Phá sạch hết thảy nền lê nghĩa  
Quên những tất cả tình liêm sĩ.  
Đứa theo nết sói với lòng beo,  
Học những thói ma cùng chước quý.  
Làm cho lây hại lũ thanh niên,  
Dần dà tập nhiễm thành thói quen.  
Mặt Tiên mũi Rồng vẻ tuần tú,  
Vai trai cõi ngựa, đành ngu hèn.  
Bây tự đào hang cùng phá tồ,  
Trách nào diều tha lại qua mồ !  
Mưa Âu gió Mỹ nhiễm lâu vào,  
Tam-Đảo, Tân-Viên có ngày đồ !  
Vậy mà bây khoe đời văn minh !  
Văn minh đâu dùng sự chiến tranh.  
Vậy mà bây cậy có nhân đạo,  
Nhân đạo đâu cướp cháo chúng sinh !  
Nếu không kiếm cách đề tự lập.  
Yếu hèn quyết có ngày chết dập !  
Bây ơi ! đem con gửi qua già,  
Chắc đâu qua già khỏi ăn cắp ?

Ta chẳng mong bây chắc cậy người,  
 Ta chẳng mong bây cầu cứu ai !  
 Ta chỉ mong bây thương nước Tồ !  
 Ngọt cùng chịu ngọt cay cùng cay,  
 Ta rất mong bay trước cảnh tình,  
 Lấy cách văn minh để cạnh tranh.  
 Tích cực chẳng xong dùng tiêu cực,  
 Cốt sao khôi phục quốc quyền mình.  
 Ta rất mong bày trọng quốc túy,  
 Khuyên nhau gìn giữ lấy luân lý.  
 Khiến cho người khỏi hóa ra ma,  
 Mất tiếng nghìn năm trước lẽ nghĩa.  
 Ta rất mong bay thương lẫn nhau,  
 Chị ngã em nâng trước bảo sau.  
 Nồi da xáo thịt, lòng sao nở ?  
 Củi đâu đun đâu dạ càng đau,  
 Nước ta bây giờ củi hết kiệt,  
 Danh giáo, cương thường lại bại liệt.  
 Bây giờ ngơ ngẩn đợi gì ai ?  
 Cá chậu chim lồng lo chẳng chết ?  
 Bây coi Nhật-Bản cùng Xiêm-La !  
 Xưa kia danh tiếng nào bằng ta ?  
 Mà nay đứng giữa vùng Đông-Á.  
 Dân giàu nước mạnh, bao vinh hoa.  
 Nay ta trông thấy lũ con cháu,  
 Mặt muối mày tro, càng đớn đau.

Liệu mà tỉnh ! tỉnh... đứng ngay lên !  
 Cuốc đây, Nước đây ! Nhặt lấy mau !...  
 Mở bừng mắt đây, hóa chiêm bao,  
 Trông theo nào thấy cù đâu nào ?  
 Vội vàng cầm bút chép lời cù,  
 Đồng bào ! đồng bào ! Ta tính sao ?



## Nhắn các bạn tù

Của một nữ cách mệnh làm ở  
Côn-đảo vào khoảng năm 1920

Nhắn bảo cùng ai đến chỗ này,  
Đừng buồn đói khổ với chua cay.  
Hy sinh hai chữ tua ghi nhớ,  
Phấn đấu một lòng chờ chuyền lay.  
Ba thước roi mây un máu nóng.  
Một phen lao lý đúc gan dày.  
Bất bình còn đó còn cơ hội,  
Ngang dọc rồi đây cũng có ngày.  
  
Tức giận bao nhiêu, nhục biết bao !  
Anh em ta phải tính làm sao.  
 Tay xoay trái đất hai bàn trắng ;  
 Máu rỉa non sông một khối đảo.  
 Phun lửa nhiệt thành nung bề cạn,  
 Tuốt gurom công phẫn vạch trời cao.  
 Đất nhau tiến tới đường công lý,  
 Cực khổ cùng nhau, sướng có nhau.



## Cùng người dân nghèo

Tác giả bài này là cụ Lê-văn-Huân, người làng Lạc-thiên phủ Đức Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh (Trung-Việt).

Biệt hiệu là Lâm-Ngu, cụ sinh năm 1875.

Xuất thân trong một gia đình Nho học, cụ thi đậu thủ khoa khoa Hương thí trường Nghệ-An năm 31 tuổi, nên tục thường gọi cụ Thủ-khoa Huân (cũng một tên Huân và cũng đồ thủ khoa như cụ Thủ-khoa Nguyễn-hữu-Huân, người làng Tịnh-hà, tỉnh Mỹ-Tho, vị anh hùng khởi nghĩa, chống đánh quân xâm lăng Pháp ở miền Nam).

Năm 1908, cuộc chống thuế của đồng-bào Trung-Việt nỗi dậy ở các tỉnh Nghệ-An, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị và Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, cụ bị thực dân Pháp và chính-phủ Nam-triều bắt giam và đày đi Côn-đảo với các cụ Ngô-đức-Kế, Đặng-nguyễn-Cần và nhiều thân-sĩ khác.

Năm 1919, cụ được thả về, và lại hoạt động cho cách mạng nữa.

Năm 1926, cụ trúng cử vào viện Dân-biểu Trung-ky. Nhưng sau thấy những lời tuyên bố của tên khâm sứ Trung-ky Jabouillet đều là những thủ đoạn lừa bịp, nên năm 1929, cụ từ chức cùng một lượt với cụ Dân-biểu viễn trưởng Huỳnh-thúc-Khang.

Kế đó, cụ lại bị Nam-triều và thực dân bắt giam. Nhưng [để] bảo vệ cơ sở và giữ tròn danh tiết, ngày 13 tháng 9 năm 1929, cụ móc ruột tự tử tại nhà giam Hà-tĩnh. Năm ấy cụ 54 tuổi.

Những bài của cụ, chúng tôi sưu tầm đề trong tập này đều là những bài đã đăng trong báo « Sóng Cách-Mạng » một tờ báo bí mật của cụ in bằng xu-soa, xuất bản ở Trung-Kỳ vào khoảng 1927.

Cụ là người học đỗ đến Thủ-khoa, cố nhiên văn tài không phải kém. Song đọc những bài này, chúng ta thấy toàn những lời lẽ mộc mạc. Nhưng đó là chủ trương sáng tác của cụ đề cho đi sâu vào đa số đồng bào. Vì sinh thời cụ thường giải thích với các đồng-chí rằng: « Hoàn cảnh nước ta hiện như một căn nhà bị cháy, một khúc đê bị vỡ, chúng ta phải đóng trống ngũ-liên đề giục người ra cứu chữa, chứ không thể đem đàn ra gầy đè gọi thiên hạ đến cứu được. Chỉ có những kẻ ngu dại mới làm cách sau này ở trong lúc nhà cháy và đê vỡ mà thôi. »

**H**ỡi những kẻ dân ta nghèo đói !  
 Có biết rằng nồng nỗi vì ai !  
 Cả năm đòn gánh đè vai,  
 Mồ hôi nước mắt không tài kiềm ra.  
 Kia lĩnh vé các tòa các sở,  
 Nào nộp tiền các chợ, các ty.  
 Mấy lần thuế lại thuế đi,  
 Tính cho đủ thuế còn gì mà ăn.  
 Con với vợ mặt nhăn vì đói,  
 Má Tây thì cứ trói lấy tiền.  
 Cực thay sưu nặng thuế phiền,  
 Róc cho đến chết lợi quyền chưa tha.  
 Minh cá thịt, Tây là dao thớt,  
 Sống làm sao cho thoát tay người.

Than ôi ! sống một kiếp người !  
 Thà rằng chết quách cái đời bùn nhơ.  
 Liệu đứng dậy mở cờ cách mạng,  
 Thoát khỏi vòng nô lệ bấy nay.  
 May ra sống được là hay,  
 Chẳng may thác cũng là tay anh hùng.  
 Một cái thác lồng hồng núi Thái,  
 Tinh đài đường phải trái mà theo.  
 Hơn hai mươi triệu đồng bào,  
 Trên đường cách mạng ào ào tiến lên !  
 Nước nhà cơ nghiệp vụn tuyề,  
 Việt-Nam ta giữ lợi quyền của ta.  
 Mấy lời thuận miệng ngâm nga,  
 Ai ôi xin nhớ bài ca hợp đoàn !



## Cùng người dân cày

Đất nước Việt-Nam ta vốn là một giải đất phì nhiêu, và sản xuất lúa nhiều đứng vào bậc nhì trên thế giới. Như thế có nghĩa là đất của nước ta không phải là một giải đất xấu gì khiếu cho nước ta phải nghèo nàn, dân ta phải túng thiếu và lầm than đói rét.

Nhưng cái cảnh người dân cày của nước ta đã phải sống thế nào trong những năm các nhà cai-trị Pháp có mặt ở đây ?

Và người dân cày phải làm thế nào mới có được cơm no, áo ấm, mới đề ruộng đất không còn bị kẻ khác nào từ xa đến chiếm đoạt, và đem vàm ngựa ách trâu đề chắt lên đầu cồ...

Để giải đáp những câu hỏi trên, chúng tôi xin mời các bạn hãy cùng đọc bài này cũng là một tác phẩm của cụ Thủ-khoa Lê-văn-Huân, một nhà cách-mạng tiền bối ở vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh đã đem cả một cuộc đời hy-sinh cho đại nghĩa của quốc gia, dân tộc mà ngày nay nhắc đến không ai là không kinh phục, và thương tiếc ngậm ngùi...

**T**hương thay những kẻ dân cày !  
 Da đen mặt xạm ngày ngày gian lao,  
 Gà vừa gáy ồn ào thức dậy,  
 Cơm chưa xong đã chạy vác cày,  
 Cày cày cuốc cuốc tối ngày,  
 Lo nay cấy gặt, lo mai vụn trồng.

Mặc dầu nắng đốt mưa giòng,  
 Chân không bén đất, tết không bén giường,  
 Càng khó nhọc lại càng cơ cận, (1)  
 Quanh cả năm cơm hầm cà chua.  
 Khổ đã rách ba tua còn vá,  
 Áotoi bời chằng khá che da.  
 Vì ai nênnỗi thiết tha,  
 Vì chưng sưu nặng thế gia mấy lần.  
 Pháp kia đã ép trăm phần,  
 Mà phường quan lại, lại dàn tận xương.  
 Vợ con đói còn đang lăn lóc,  
 Sưu thuế kia còn róc tận xương.  
 Lại thêm quốc trái công lương,  
 Một năm mấy bận lệ thường chằng tha.  
 Khô như thế thiệt là khô thiệt,  
 Anh em ơi đoàn kết lại nào !  
 Vì bằng cứ mãi lia nhau,  
 Thị nó ép mãi hết dầu chằng tha.  
 Phải kết đoàn, phải tiến ra,  
 Nhà ta ta ở, ruộng ta ta cày.  
 Tôi gì chịu lụy thằng Tây.



(1) Cơ cận là đói kém.

## CÙNG CÁC THÀY THÔNG KÝ

Trong những năm chính quyền thực dân Pháp còn ngự trị trên đất Việt-Nam này, chẳng những chỉ có người dân cày là khổ nhục, mà cho đến các thày thông, thày ký cũng chẳng vinh dự gì.

Hơn những người dân nghèo đầu tóp mặt tắt, các thày được cha mẹ nuôi cho ăn học đè nên người.

Nhưng học đè làm gì ?

Có ích quốc lợi dân không ?

Hay kết quả chỉ khu khu giành lấy một chỗ ngồi trong sở với số tiền lương mỗi tháng bảy, tám chục là nhiều. rồi đè mặc tinh cho bọn kẻ thù của dân tộc sai khiến.

Vinh hay nhục ?

Theo nội dung bài này — cũng tác phẩm của cụ Thủ khoa Lê Văn-Huân thì học thế, hành thế, đâu có thấy gì cái nhục của nhà ta nước mất, đâu có biết gì là phong trào văn minh tiến bộ của năm châu bốn biển, và đâu nữa còn gì là nhân phẩm, nhân vị.

Cho nên theo cụ, đã mang danh là con người có học thì phải biết suy nghĩ đến non sông Tô-quốc, đến đồng chủng, đồng bào đang bị trăm cay nghìn đắng dưới xích xiềng nô lệ.

Không thể, thi mặc dù có học, cũng chẳng được xứng đáng với tai mắt ở đời, vì đâu có biết đến liêm sĩ với hiếu trung là gì !...

**K**hi còn bé bố cho đi học,  
Vào nhà trường miệng đọc A. B.  
Sớm khuya đèn hành sách lê,  
Lam-kiều xe ngựa đi về mặc ai.  
« Địch tê » với mấy bài phép toán.  
« Véc bờ » kia cũng rán súc chia.  
Ân cần dậy sớm thức khuya,  
Chỉ lo học tập biết gi ăn chơi.  
Mấy năm trời xi lô, xi lố,  
Hạch đỗ rồi ông đốc, ông thông.  
Lương ăn bảy tám chục đồng,  
Tưởng rằng vinh hiền bõ công tập rèn.  
Biết gi chuyện nói hèn nước mất,  
Xem ông Tây như Phật như Tiên.  
Trong trường nhồi sọ đã quen,  
Hễ khi mở miệng là khen Tây lành,  
Gà què chạy loanh quanh cối thóc,  
Thầy có ăn trắn trọc chui vào,  
Biết chi đồng chủng đồng bào.  
Biết chi thế giới phong trào là chi.  
Kiếm được tiền đem đi vung phá,  
Đua ăn chơi cho hả lòng tham.  
Thầy dơ thoi quản chi chàm.  
Vá tai đá đích củng cam chịu vầy.  
Không phải là các thày thông ký,  
Chẳng biết điều liêm sĩ hiếu trung.  
Nếu như có kẻ nói cùng,  
Chắc là sẽ động đến dòng lương tâm,

Chúng tôi đã biết lầm từ trước,  
Rày về sau việc nước xin lo.  
Nước nhà độc lập tự do,  
Trước lo lý luận, sau lo thực hành.  
Để thoát khỏi cái vành nô lệ,  
Người Nam ta cai trị nước ta.  
Ai ôi nghĩ lại kéo mà,  
Thông ngôn ký lục cũng là « người Nam » !



## Vợ khuyên chồng

Tục ngữ Việt-Nam có câu :

*Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.*

Trên thực tế của lịch sử dân tộc đã chứng minh cụ thể qua những tấm gương anh hùng của bà Trưng, bà Triệu và bao nhiêu liệt nữ khác.

Vì thế, nhiệm vụ cứu nước diệt thù của người dân Việt-Nam không phải nhiệm vụ riêng của những người đàn ông, mà còn là chung của cả đàn bà con gái nữa. Vì nhục là nhục chung cả nước.

Cho nên, ngoài bồn phận trong gia đình, và ngoài bồn phận « làm vợ » ra, người đàn bà Việt-Nam còn có nhiệm vụ với quốc gia dân tộc.

Với nhiệm vụ cao cả ấy, không cần nhất thiết phải thanh gươm yên ngựa lên đường cứu quốc như các bạn nam nhi, mà biết khuyên răn người chồng phải vì dân vì nước, biết khích động tinh thần ái quốc diệt thù của người bạn trăm năm cũng là nhiệm vụ của một người dân đối với nước nhà trong cơn biến cố vậy.

Cụ Thủ-khoa Lê-văn-Huân viết bài này thật là đã nghĩ đến vai trò quan hệ của người đàn bà Việt-Nam lắm. Tuy là bài « Vợ khuyên chồng », nhưng tác dụng của nó chẳng những chỉ giáo dục tinh thần yêu nước của người đàn bà, chẳng những đặt ra cho người đàn bà một trách nhiệm cần thiết, nặng nề nhưng có thể làm được, mà còn là để kêu gọi các người nam tử nữa.

Than ôi ! Người đàn bà mà còn biết nghĩ đến vận mạng của quốc  
gia, dân tộc như thế, mà kẻ đàn ông chẳng có chút giác ngộ nào  
thì hỏi còn xứng đáng để làm người nữa không ?...

**C**hàng ôi chàng !

Thiệp xin chàng ngồi lại !

Thiệp bàn giải đôi lời !

Hơn sáu bảy mươi năm trời,

Đem thân làm nô lệ,

Cúi đầu làm nô lệ.

Nỗi đắng cay xiết kẽ,

Nói ra những thêm sầu.

Chữ nhẫn sỉ sự thù, (1)

Sao mà anh chịu được ?

Nước vội nòi tan tác,

Nhà cũng chẳng còn đâu.

Sao không liệu mau mau;

Để tìm phương cứu lại,

Để tìm đường cứu lại.

Thiệp tôi tuy rằng gái,

Thấy vậy cũng sầu bi.

Chàng nam tử tu mi,

Tại làm sao không biết ?

Tại thế nào không biết ?

(1) Nhẫn sỉ sự thù là đi thò kè thù mà không biết xấu hổ.

Chỉ ham điều hoa nguyệt,

Chỉ rượu chè bạc cờ.

Chỉ hờ hững ngần ngơ,

Chịu làm dân mất nước,

Chịu làm người mất nước.

Thử xem kia ! Sau trước !

Nó các nước lân bang.

Bọn nam tử đường đường,

Làm cho nước thịnh cường.

Sứ xanh còn chép đẽ,

Bia vàng còn tạc đẽ.

Chàng con nhà thi lê,

Vốn nòi giống Lạc Hồng.

Sao ngồi chịu trong vòng,

Cho quân Tây dày dọa.

Xin từ nay tặc dạ,

Lấy cách mạng cơ quan.

Cốt tột chức kết đoàn,

Làm sao cho nghiêm nhặt,

Làm thế nào cho nghiêm nhặt.

Còn như việc gia thất,

Đã có thiếp lo rồi.

Đường đi ngược về xuôi,

Mặc sức chàng vùng vẫy.

Mặc sức anh vùng vẫy.

Chàng làm sao cho dân được caye,  
 Cho non nước được thái bình,  
 Dù thác cũng cam tình,  
 Thiếp không phàn nàn chi nữa,  
 Thiếp không dám phàn nàn chi nữa...  
  
 Những lời vàng đá !  
 Thiếp ngô lại ân cần,  
 Chàng ơi ! « Vị quốc vong thân » !...



## Kỷ niệm trận thế chiến thứ nhất

Trận thế chiến thứ nhất là trận chiến tranh giữa hai nước Pháp  
Đức 1914 — 1918. Trận chiến này chỉ vì sự dèm nhau thị trường  
thuộc địa giữa bọn đế quốc với nhau mà chúng đã đưa nhân loại vào  
lò sát sinh trên 8 triệu sinh mạng.

Việt-Nam ta lúc ấy là thuộc địa của Pháp nên nhân dân đã bị chúng  
bắt qua Tây đê làm bia đỡ đạn cho chúng. Chúng tuyên bố với lý do  
để bảo vệ quyền lợi cho hai nước Pháp, Nam. Nhưng sự thật thế nào ?  
Xin các bạn hãy xem bài « Kỷ niệm trận thế chiến thứ nhất » này là  
một bài tả thực của cụ giải nguyên Lê-văn-Huân viết năm 1919, tự  
khắc sẽ được giải đáp vậy).

**Ô**i trời ôi ! ôi đất ôi !  
 Hành chi con trẻ bồ côi thế này.  
 Cha thi đi lính cho Tây,  
 Hắn bắt đi đánh bỏ thây nước người.  
 Bây giờ mẹ hóa con côi,  
 Kẽ sao cho xiết khúc nỗi đoạn trường.  
 Nghèo nàn vất vả trăm đường,  
 Cửa nhà rách nát ruộng vườn tả tơi.  
 Đem con gán nợ cho người,  
 Bị người hành hạ đủ mùi đắng cay.

Chưởi liền miệng, roi liền tay,  
 Làm lung vất và suốt ngày chưa tha.  
 Ăn thì cơm hầm canh thừa,  
 Một manh áo rách chẳng vừa che thân.  
 Nhà giàu ăn ở bất nhân,  
 Đến ngần này nứa biết ngần nào thôi.  
 Ôi trời ôi ! Ôi đất ơi !  
 Hành chí con trẻ bồ cõi thế này.  
 Thế này cũng tại thắng Tây,  
 Nó bắt đi đánh bỏ thây nước người.  
 Năm mốt nghìn chín trăm mười bốn,  
 Cõi Âu Châu thành chốn chiến tranh.  
 Bốn năm trời đất tan tành,  
 Máu nhân loại chảy còn tanh khiếp hoài.  
 Cơ sự ấy vì ai nên nỗi ?  
 Nhân loại mình có tội tình chi ?  
 Chốn sa trường bỏ xác đi,  
 Thua thì ta chịu, được thì ai ăn.  
 Bọn đế quốc bắt nhân lầm tá,  
 Đem ta làm thịt cá mà chơi.  
 Chốc đà hơn bốn năm trời,  
 Non cao xương trắng bèle với máu hồng.  
 Thảm nỗi vợ mất chồng, góa bụa,  
 Tủi bày con mất bố bồ cõi.  
 Khóc ai ai chết đã rồi,  
 Những người sống sót sụt sùi đau thương.  
 Vụ chiến tranh muôn đường bi thảm,  
 Nói càng bao, tâm khảm càng đau.

Cùng nhau ta phải cùng nhau,  
 Đứng lên tất cả trước sau một lòng.  
 Phá cho nát xiềng gông đế quốc,  
 Gỡ nguy vong cho nước non này.  
 Bằng không cứ đẽ nhường nay,  
 Là mình tự đẽ thắng Tây giết mình.



## Sum vầy bồ lúc lưu ly

Muốn cứu quốc diệt thù thì bắt cứ là người ở trong nước hay là ở ngoài nước cũng đều phải đồng tâm nhất trí. Còn như mỗi người một ý, một ngả đường thì làm sao thoát được cảnh gông cùm nhục nhã.

Đoàn kết là sống, mà chia rẽ là chết.

Bài này của một nhà cách-mạng Việt-Nam viết đăng trên báo Đồng Thanh xuất bản ở Thái-Lan năm 1927, nội dung không ngoài mục đích trên, vừa đề kêu gọi tất cả các kiều bào ở hải ngoại phải cùng nhau muôn người như một, luôn luôn lúc nào cũng phải ngoảnh mặt, ngoảnh lòng về với non sông, nước Tồ, và cũng vừa là đề kêu gọi những người trong nước nữa.

Tinh thần đoàn kết này, chẳng những chỉ người trong nước với những người trong nước, chẳng những chỉ những người ở hải ngoại với những người hải ngoại, mà còn phải là tinh thần đoàn kết ở giữa những người trong nước và những người hải ngoại.

Không thể Sâm, Thương chia rẽ được, và càng không thể được trong lúc mối thù chung của dân tộc chưa làm sao rửa được.

Đoàn kết! Đoàn kết!

Chỉ có đoàn kết mới có thể làm cho nước nhà không còn gấp vận biển cõi tang thương nữa.

Bài tuy ngắn, nhưng thật là những lời thiết tha kêu gọi đồng bào thốt tự đáy lòng yêu nước mà ra vậy.

**N**gười một nước vốn cùng chung một giống, Nỗi nhục vinh sống thác phải cùng nhau, Bốn ngàn năm chung giọt máu đào, Phải nước lâ chi đâu má đèn đoảng. Sao ta lại lia tan chèn mảng, Nghĩ nguồn cơn thèm cay đắng can trường. Vận nước nhà biến cố tang thương, Sao minh lại Sâm, Thương người một ngả...

Thơ rằng :

Trường thử bách niên cam thỏa mạ  
Bát tri hả nhật xuất lao lung. (1)  
« Hỡi ai ơi con Lạc cháu Hồng !  
Rời rạc mãi thù chung sao trả được. »  
Thôi thôi ! Thôi kè chi mấy mươi năm về trước,  
Giải đồng tâm ta liền lạc từ đây !  
Sum vầy bồ lúc bấy nay !



(1) Hai câu này ở trong bài thơ « Chí thành thông thánh » của cụ Phan-chu-Trinh, có nghĩa là :

Dắng đặc trăm năm cam nhục nhã,  
Biết đến ngày nào thoát ngục gòng.

## Hoán tinh quốc dân

Bọn thực dân Pháp sang cai trị nước Việt-Nam có phải là đem văn minh khai hóa dân tộc ta không?

Không!

Tuy có một vài kẻ vì ăn phải thuốc bả của họ mà lầm tưởng như trên. Nhưng cả nước thì họ không thể nào lừa được.

Dân tộc ta vốn dĩ là dân tộc thông minh, quật cường nên đã hiểu rõ lắm. Hiểu là họ sang đây chỉ cốt đe vơ vét, đe bóc vào túi tham không đáy của những bọn quân tài phiệt. Nên ngoài việc đàn áp bóc lột dân tộc ta bằng sự cao thuế nặng, bằng phu phen phục dịch, họ còn sát hại dân tộc ta bằng súng đạn gươm đao, và trại giam nhà ngục.

Chưa hết, họ còn đầu độc dân tộc ta bằng rượu cồn, thuốc phiện và bao nhiêu những thứ ăn chơi trụy lạc khác. Những cái này mới thật là nguy hiểm vì nó mỗi ngày một làm tiêu hao tinh thần và khí lực con người, nhất là đối với thanh niên, những người đang đầy hứa hẹn rực rỡ với tương lai dân tộc, cho dân tộc đi đến chỗ ngày một yếu hèn, đe cam tâm mãi mãi cúi đầu làm nô lệ cho họ.

Ấy đại đe cái chính sách của họ đối với dân tộc ta là thế.

Ngày nay, muốn rõ hơn, chúng ta hãy đọc bài « Hoán tinh quốc dân » này của một nhà cách mạng tiền bối Việt-Nam viết đăng trong báo Thanh Niên xuất bản ở Trung-Quốc vào khoảng

năm 1927, do một ông bạn ở hải ngoại lâu năm mới về, đọc cho chúng tôi sao chép lại.

Nước Nam ta từ ngày Pháp lấy,  
Kè năm đà sáu bảy mươi rồi.  
Thương ôi, dâu bể biển dời,  
Non sông nước vực chóng gai đầy đường.  
Nay xin kè rõ ràng sau trước,  
Đề cho người trong nước đều coi.  
Pháp kia hiềm độc thì thôi,  
Bày mưu thiết kế giết nòi giống ta.  
Thuốc a phiến ấy là rất độc,  
Mắc nghiện vào thì thịt róc xương.  
Vậy nên các nước dinh hoàn,  
Nước nào cũng căm ai còn dùng đâu!  
Thế mà Pháp hiềm sâu khôn xiết,  
Cho dân ta hút biết bao nhiêu.  
Thương ôi hút thuốc càng nhiều,  
Dân ta tài lực tiêu hao lại càng.  
Nó lại chế rượu cồn rất độc,  
Lập công ty nấu đúc làm ra.  
Men pha pha chế cho già,  
Kê trong độc chất, cũng là lắm thay.  
Thế mà nó ngày ngày bắt uống,  
Cứ mỗi làng đóng xuống bao nhiêu.  
Thương ôi rượu uống càng nhiều,  
Giống nòi sinh dục tiêu hao trăm đường.  
Nó đánh đủ trăm đường thuế má,

Rút dân ta bát mẻ không còn.  
 Dân ta tiền mất của mòn,  
 Mồ hôi nước mắt chẳng còn chút chi.  
 Lai bắt phu chở đi ngoại quốc,  
 Mấy ai đi mà đã được về.  
 Chân trời góc bờ lưu ly,  
 Nỗi trót sống sót biết gì được đâu.  
 Thế là Pháp, hiều sâu bắc ác,  
 Mà người mình ngơ ngác chưa khôn,  
 Tưởng rằng Pháp hẳn làm ơn.  
 Biết đâu là hẳn đã tham lẩn tàn.  
 Có kẻ nói nước mình từ trước.  
 Trái bao phen mưu chước đánh Tây,  
 Duy-Tân, Đề-Thám mấy tay,  
 Hà-Thành đầu độc, Trung-kỳ kháng sưu.  
 Rút dùng lại chỉ điều thất bại,  
 Một mình tôi chống lại được sao,  
 Nói ra sao chẳng nghĩ vào?  
 Vì sao thất bại vì sao chưa thành.  
 Vì chưa biết họp thành tồ chúc,  
 Vì không ai gắng sức tuyên truyền.  
 Vì chưa đoàn kết hoàn toàn,  
 Vì chưa lấy chữ dân quyền dựng nên,  
 Chỉ nghĩ rằng bợ bèn thân ốc,  
 Mang được đầu cái gộc rêu kia,  
 Âu là nhảm mắt ngoảnh đi,  
 Giang san chìm nỗi mặc gì đến ta.

Áy là chẳng bằng loài chim cá,  
 Trách gi đâu người đọa người khinh.  
 Nên hư thì cũng tại mình,  
 Muốn hèn thì chờ, muốn vinh thì làm.  
 Minh cũng là Việt-Nam phần tử,  
 Phải ra tay gìn giữ giống nòi,  
 Phải làm cho thế gian coi,  
 Phải cho thiên hạ biết nòi Lạc Long.  
 Phải ra sức gắng lòng yêu nước,  
 Phải đem mình đi trước anh em,  
 Phải làm cho quốc dân xem,  
 Phải ra tranh đấu, phải kiên tập rèn.  
 Phải biết lẽ người hèn vì độc,  
 Phải cùng nhau kết sức hội hè,  
 Đến khi mạnh cánh lớn bè,  
 Tây kia bạo ngược cũng e người mình.  
 Minh mà biết hy sinh bảo quốc,  
 Giống nòi mình sẽ được vê vang,  
 Minh mà nhút nhát trăm đường,  
 Giống nòi mình chắc tan hoang có ngày.  
 Minh có dại thi Tây mới lấy,  
 Khi mình khôn hẳn phải trả mình.  
 Ai ơi nghĩ lại cho rành,  
 Nước mà đã mất thì mình còn đâu.  
 Nôm na chấp vá vài câu,  
 Khuyên người trong nước mau mau kết đoàn.

## Chiêu hồn nước

Tác giả bài này là ông Phạm-tất-Đắc sinh ngày 15 tháng 5 năm 1909 tại làng Rũng-Kim, tổng Công-Xá, phủ Lý-Nhân (Hà-nam, Bắc-Việt). Ông là con trai trưởng cụ Phạm-văn-Hạnh và bà Lê-thị-Giáo. Đỗ tốt nghiệp năm 14 tuổi, ông được vào học trường trung-học bảo hộ Hà-nội (trường Bưởi) năm 1923.

Năm 1926, ở Hà-nội có cuộc lễ truy-diệu cụ Phan-chu-Trinh (mất ở Saigon). Ông Đắc đang theo học năm thứ tư để chờ kỳ thi Thành chung thì vì kích thích bởi phong trào bãi khóa, vì tiếng gọi của non sông, và vì không muốn cúi đầu theo lệnh của tên giám thị trường, ông quyết giữ cái bǎng đen để tang cụ Tây-Hồ ở tay áo, và chờ cơ hội vượt ra khỏi nước, đồng thời đọc các thi ca ái quốc để hun đúc tinh thần.

Ý nguyện chưa đạt, lại dự thêm cuộc truy diệu cụ cử Lương-văn-Can (nguyên hiệu trưởng trường Đông-kinh Nghĩa-thục) mất năm 1927. Sau đó vì cảm súc quá mạnh, với tinh thần non nước, ông Đắc viết ra bài « Chiêu hồn nước » này, đưa nhà in Thanh-niên xuất bản.

Sách ra được vài hôm, ông Đắc và viên quản lý nhà in bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam. Khi ra trước tòa án, viên chánh án người Pháp hỏi ông ai xúi viết bài này hoặc nhờ ai viết hộ, ông trả lời: « Đầu tôi nghĩ, tay tôi viết, công việc này hoàn toàn do tôi. »

Kế đó, người Pháp lại gọi cụ thân sinh ra trước vành móng ngựa để cật vấn về tội trạng con làm. Cụ khẳng khái trả lời: « Con tôi lúc ở nhà, quyền dạy dỗ thuộc về tôi. Nay đi học trường chánh-phủ thì việc nó làm chính phủ phải chịu. Chánh phủ đã nhận công việc giáo dục nó, sao lại hỏi đến tôi ? »

Tòa án thực dân không biết quy tội về ai được. Còn ông Đắc khi ấy mới 18 tuổi, nghĩa là chưa đến tuổi trưởng thành. Mặc dù thế, nhưng cường quyền áp đảo công lý, chúng vẫn buộc tội ông, trừng trị tội yêu nước của ông bằng cách giam trong nhà « Trừng giới » để đợi khi trưởng thành xét nữa. Chúng giải ông lên Bắc-giang giam lại. Ở đó thực dân Pháp sợ ông tuyên truyền lòng yêu nước cho các phạm nhân khác, nên được 3 tháng lại đem về Hà-nội giam vào nhà pha Hòa lò như người lớn, bắt kẽ là trái với luật mà chúng đã đặt ra.

Ngày 16 tháng 5 năm 1930, ông được thả ra với điều kiện: cha mẹ phải lãnh về trông nom. Năm ấy, ông Đắc 21 tuổi. Nhưng vì cảnh tra tấn tù tội ách hờn quá nhiều đến sức khỏe, ông bị bệnh hoài và đến ngày 24 tháng 4 năm 1935 thì mất tại phố Luro (Hà-nội). Lúc ấy mới 26 tuổi. Như thế là thực dân Pháp đã giết ông bằng một cách không gươm không súng, và đã sát hại một người con yêu quý trẻ trung của nước Việt-Nam vậy.

**H**ãm lăm triệu trẻ già trai gái,  
Bốn nghìn năm con cái Hồng Bàng.  
Cũng nhà cửa, cũng giang san,  
Thế mà nước mất nhà tan hối trời !  
Nghĩ lăm lúc đương cười hóa khóc,  
Muốn ra tay ngang dọc dọc ngang.

Vạch trời thét một tiếng vang,  
 Cho thân tan với giang san nước nhà.  
 Đồng bào hỡi ! — Con nhà Hồng-Việt,||  
 Có thân mà chẳng biết liệu đời.  
 Tháng ngày lần lữa đợi thời,  
 Ngần ngơ ý lai ở người ai thương !  
 Nay sóng gió bốn phương dữ dội,  
 Có lẽ nào ngồi đợi mãi sao ?  
 Đồng bào chút giọt máu đào,  
 Thương ơi tội nghiệp đời nào xót đây !  
 Nên mau mau dậy ngay kéo muộn !  
 Mà xót thương đến chốn Nhị, Nùng.  
 Xưa kia cũng lắm anh hùng,  
 Đọc ngang trời đất vây vùng bồ khơi.  
 Xưa cũng có lắm người hào kiệt,  
 Trong một tay nắm hết sơn hà.  
 Nghìn thu gương cũ không nhòa,  
 Mở mày mở mặt con nhà Lạc-Long.  
 Non sông vẫn non sông gấm vóc,  
 Cỏ cây xưa vẫn mọc tốt tươi.  
 Người xem cũng đáng con người,  
 Cũng tai cũng mắt ở đời khác chi.  
 Cảnh như thế tinh thi như thế,  
 Sống làm chi, sống để làm chi ?  
 Đời người đến thế còn gì,  
 Nước non đến thế, còn gì nước non.  
 Nghĩ thân thế héo hon tắc da,

## CHIỀU HỒN NƯỚC

Trông non sông lạ chạ dòng châu.  
 Một mình cảnh vắng đêm thâu,  
 Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san.  
 Ngọn gió lợt đèn tàn hiu hắt,  
 Tiếng cuốc kêu giậy mặt anh hùng.  
 Nghiến răng nuốt cái thận thùng,  
 Mà chiêu hồn cũ lại cùng non sông !

Hồn hỡi hồn con Hồng cháu Lạc !  
 Bấy nhiêu lâu đời khát làm than.  
 Bấy lâu thịt nát xương tan,  
 Bấy lâu tim ruột thâm gan vì hồn.  
 Hồn hồn hồn kia non nước cũ,  
 Bấy nhiêu lâu mặt ủ mày châu.  
 Bấy lâu ngậm tủi nuốt sầu,  
 Bấy lâu hèn kém vi đâu hối hồn.  
 Trông bốn bề bồn chồn dạ ngọc,  
 Ngãm năm châu khôn khóc nên lời.  
 Đêm khuya cảnh vắng èm trời,  
 Khôn thiêng chẳng hối hồn oi hồn về.  
 Hồn trở về đùng mê mẫn nữa,  
 Tinh nết xưa phải sửa từ giờ.  
 Hồn về hồn cố cho nhờ,  
 Anh em Hồng-Lạc, cõi bờ Việt-Nam.  
 Hồn trở về chờ tham rượu thịt,  
 Chờ tham nhả cao tit mấy tưng.  
 Kia con chim ở trong rừng,

Kiếm mồi đâu có lạc chừng quên cây.  
 Hồn trở về đừng say gái đẹp,  
 Mà nặng tình kẻ khép phòng thu.  
 Đường đường một dũng trượng phu,  
 Lẽ đâu hồn chẳng đèn bù non sông.  
 Hồn trở về chờ mong giàu có,  
 Mà ước ao xe nọ ngựa kia.  
 Nghèn ngang mũ áo râu ria ;  
 Trăm nghìn năm vẫn còn bia miệng cười.  
 Hồn cố về cõi đời chờ chán,  
 Mà vội đem lòng nản việc trần.  
 Bát cơm tấm áo manh quần,  
 Hồn ăn hồn mặc nợ nần thế gian.  
 Hồn trở về bẩm gan mà chịu,  
 Cảnh biệt ly tinh hiếu đôi đường.  
 Trượng phu trí ở bốn phương,  
 Lẽ đâu hồn chịu vẫn vương xó nhà.  
 Hồn trở về nguyệt hoa chi nữa,  
 Mà thoi đưa lần lữa tháng ngày.  
 Xưa nay những kẻ tỉnh say,  
 Lòng mê có nghĩ việc hay bao giờ !  
 Hồn trở về chờ chờ sức yếu,  
 Mà hồn không định liệu dọc ngang.  
 Hoặc hồn bảo chẳng biết dàng,  
 Hoặc hồn không muốn vội vàng làm ngay.  
 Hoặc hồn sợ tai bay vạ gió,  
 Mà hồn đành phải bỏ non sông.

Hoặc hồn quen thói phục tòng,  
 Mà hồn cam chịu cùng giòng ngựa trâu.  
 Hoặc hồn thường cháo rau no đói,  
 Mà hồn riêng mong khỏi cơ hàn.  
 Hoặc hồn đã trải lầm than,  
 Mà hồn bỏ mất cái gan tung hoành ?  
 Hoặc hồn ở thị thành phố xá,  
 Hoặc hồn trong túp lá lều tranh ?  
 Hoặc hồn trong chốn rừng xanh,  
 Hoặc hồn lẩn quất ở quanh sơn hà ?  
 Hoặc hồn ở nước nhà chật hẹp,  
 Hoặc hồn đi ăn nép nước người ?  
 Đêm khuya cảnh vắng im trời,  
 Khôn thiêng chẳng hối, hồn ơi hồn về !..  
 Hồn trở về đừng mê mẫn nữa,  
 Tính nết xưa phải sửa từ giờ.  
 Hồn về, hồn cố cho nhở,  
 Anh em Hồng lạc, cõi bờ Việt-Nam.  
 Còn chi sung sướng vẻ vang,  
 Bằng đem da ngựa chiến trường bọc thây.  
 Hồn trở về làm ngay ý muốn,  
 Chờ rut rè sớm muộn nào nén.  
 Lẽ thường thành bại đôi bên,  
 Chờ đo đắn quá mà quên việc mình.  
 Hồn trở về hy sinh quyền lợi,  
 Mà tận tâm đối với nước non.

Dù cho thịt nát xương mòn,  
 Cái bầu nhiệt huyết vẫn còn như xưa.  
 Hồn trở về hồn mơ hồn mộng,  
 Nên hồn thành ra giống ngựa trâu.  
 Hồn về hồn kíp đòi mau,  
 Tự do hành động mặc dầu dọc ngang.  
 Hồn trở về bền gan dốc tri,  
 Chờ có thèm cái vị cao lương.  
 Tháng ngày dưa muối rau tương,  
 Còn hơn rượu thịt mà nương nhờ người.  
 Hồn trở về xoay trời đất lại,  
 Hồn trở về tất hải đạp sơn.  
 Chờ nè gió kép mưa đơn,  
 Mà đêm gan trọi với cơn phong trần.  
 Hồn hối hồn xa gần nghe thấy,  
 Thị vùng lên kíp dậy mà về !  
 Hoặc hồn ở chốn thôn quê,  
 Hoặc là hồn ở phủ kia lầu này ?  
 Nước non cũ bấy nay khao khát,  
 Ngày ấy qua ngày khác lại qua.  
 Mẩy phen lệ nhỏ máu sa,  
 Mẩy phen xót xót xa xa lòng vàng.  
 Mong hồn tĩnh hồn càng không tĩnh ;  
 Mong hồn về hồn định không về.  
 Non sông hồn bỏ lời thề,  
 Cho non sông chịu trăm bề lầm than.

Hồn hối hồn ! — Giang san là thế,  
 Giống Lạc-Hồng tôi kề hồn hay :  
 Kề từ hồn lạc đến nay,  
 Đêm đêm khóc khóc, ngày ngày than than.  
 Cũng có kẻ trên ngàn đồ máu,  
 Cũng có người nương nau phương xa.  
 Cũng người bỏ cửa bỏ nhà,  
 Cũng người lo nghĩ tuyết pha mái đầu.  
 Cũng có kẻ làm trâu làm ngựa,  
 Cũng có người đầy tờ con đòi.  
 Cũng thăng buôn giống bán nòi,  
 Khôn thiêng chăng hối hồn coi cho tường ! ...  
 Có mồm nói khôn đường mà nói,  
 Có chân tay người trói chân tay.  
 Mập mờ không biết dở hay,  
 Ủ ù các các công này việc kia.

Hồn hối hồn ! — Đêm khuya canh vắng,  
 Hồn nghe hồn có đắng hay không ?  
 Tôi đây cũng giọt máu hồng,  
 Cũng xương cũng thịt con Rồng cháu Tiên.  
 Trông thấy cảnh mà điên mà dại,  
 Trông thấy tình mà dại mà điên.  
 Mà sao không thể ngồi yên ?  
 Sa câu gan ruột tôi biên mời hồn.  
 Hồn nghe thấy nên chồn tắc dạ,  
 Hồn nghe xong nên khà mà về.

Chờ đứng tinh tinh mè mè,  
 Chờ đứng đo đắn trăm bể sâu nồng.  
 Hồn trở về non sông nước cũ,  
 Mà mau mau giết lũ tham tàn.  
 Mau mau giết lũ hại dân,  
 Túi tham dám chĩa bạc vàng của dân.  
 Hồn trở về cho dân tinh lai,  
 Không ngu ngu dai dai như xưa.  
 Không còn khó nhọc sớm trưa,  
 Không còn nắng nắng mưa mưa rải rầu.  
 Hồn trở về mau mau hồn hối !  
 Hồn trở về tôi đợi tôi mong.  
 Hồn về tô điểm non sông,  
 Hồn về dạy dỗ con Rồng cháu Tiên.  
 Ngọn gió lọt đèn tàn hiu hắt,  
 Dân không còn nước mắt sao còn ?  
 Hối hồn nước nước non non !  
 Hồn về tôi săn lòng son giúp hồn.  
 Tôi đây cũng không khôn cho lắm,  
 Nhưng cũng không dai lắm cho nhiều.  
 Tôi nay chỉ một lòng yêu,  
 Nên mong nên mỗi nên chiêu hồn về.  
 Hồn hối hồn ! — Hồn về hồn hối !  
 Hồn hối hồn ! — Hồn hối hồn ơi !  
 Đêm khuya cảnh vắng êm trời.  
 Khôn thiêng chẳng hối hồn ơi hồn về !

Bút viết xong tai nghe miệng đọc.  
 Miệng đọc xong giọt ngọc nhỏ sa.  
 Nhỏ sa nên chữ hóa nhòa,  
 Hóa nhòa nên mới in ra nghìn tờ.  
 In nghìn tờ mà đưa công chúng,  
 Công chúng xem mong bụng đòi dần.  
 Đồi rồi thúc kẻ xa gần,  
 Rằng mau nên trả nợ nần non sông !..



## Nhịp kèn thân ái

Trong những ngày đen tối vừa qua của dân tộc Việt-Nam ta, có một số nhà cách-mạng phải bôn đào ở bên Thái-Lan như các cụ Đặng-thái-Đậu, Đặng-tử-Kinh, Mai-lão-Bạng, Lưu-khai-Hồng, Bùi-chính - Lộ, Đặng-thúc-Hứa v.v... Do đó, tinh thần yêu nước của các cụ đã ảnh hưởng rất sâu rộng trong khắp các từng lớp kiều bào bên nước láng giềng này.

Theo lời các nhà ái quốc ở hải ngoại về, thì Việt-kiều ở Thái-Lan hầu hết đều hoạt động cách-mạng nên không muốn cho lãnh sự Pháp và nhà cầm quyền Thái biết được hoàn toàn con số cũng như về lý lịch từng người. Vì thế, đối với vấn đề số lượng Việt-kiều ở Thái-Lan, chính quyền thực dân Pháp ở Đông-Dương trước đây không thể làm sao biết đúng được.

Vậy, các nhà cách mạng tiền bối của dân tộc ta ở bên ấy đã hoạt động ra sao, và làm thế nào để kêu gọi tinh thần ái quốc diệt thù của những anh chị em đồng bào ở nơi xa đất Tồ.

Để thay vào việc trả lời câu hỏi trên đây, chúng tôi xin hiến quý bạn bài « Nhịp kèn thân ái » này là tác phẩm của một nhà cách mạng tiền bối đã đăng trên báo « Thân ái » một tờ báo bí mật xuất bản ở Ban Noong-Bùa tỉnh Oudonan bên Thái-Lan năm 1928.

**D**ã là người đứng trong trời đất,  
Ai là người không tai mắt thông minh.  
Có đầu óc hiết nhục vinh,  
Cuộc đời há dẽ làm thịnh sao đành.

Việc thế giới bất bình lầm nỗi,  
Vận nước nhà chìm nổi đòi phen.  
Người sang sao chịu ta hèn,  
Người đưa ta phải đưa chen với đời.  
Bước tiến thủ lấy ai chỉ đạo,  
Cờ tiền phong có báo đưa đường.  
« Nhịp kèn thân ái » kêu vang.  
Gọi người đang lúc canh trường chiêm bao.  
Hồi gần xa kiều bào năm vạn,  
Cánh bèo trôi, chiếc nhạn lạc đà.  
Lòng mình tự hỏi mình xem,  
Đêm khuya tờ báo ngọn đèn với ta.  
Đồng bào hỏi tinh chưa ? chưa tinh ?  
Thù non sông ta tinh sao đây.  
Đoàn là bạn, báo là thầy, (1)  
Được thua hơn thiệt tinh bày dạy nhau.  
Khuyên ai nấy mau mau tinh dậy,  
Nhớ lấy câu máu chảy ruột mềm.  
Lòng mình tự hỏi mình xem,  
Lắng tai nghe lấy nhịp kèn gọi ta !..



(1) Đoàn là đoàn thè. Báo là báo chí

## **Khóc Phạm-Hồng-Thái**

Phạm-hồng-Thái chính tên Phạm-cao-Dài (lại có tên nữa là Phạm-thành-Tích). Ông sinh năm 1901 là con trai cụ Huấn-đạo Phạm-cao-Điền ở làng Xuân-Nha, tổng Văn-viên, phủ Hưng-nghiên, tỉnh Nghệ-an (Trung Việt).

Ông là người có chí khí cách mạng, nên đang học ở trường quốc học Vinh, bỏ ra Bắc vào làm trong nhà máy xi-măng của Pháp ở thành phố Hải-phòng để hoạt động. Năm 1922, ông cùng một số đồng chí xuất dương qua Xiêm rồi qua Tàu. Tại Quảng-đông, ông được các nhà cách mạng kết nạp vào Việt-Nam Nghĩa hiệp đoàn, một tờ chức cách mạng sơ khai vào giai đoạn bấy giờ.

Khi tên Merlin, toàn quyền Đông-dương sang Nhật trở về ghé Quảng-đông, Nghĩa hiệp đoàn quyết định tiêu diệt kẻ thù của dân tộc.

Trong cuộc hội nghị, ông Thái xung phong lãnh trách nhiệm, và được toàn thể anh em tán thành, giao phó cho công việc.

Giả làm phóng viên nhiếp ảnh của một tờ báo Tàu, ông vào được tò giới Pháp ở Sa-diện và đem bom theo trong người được tới tận khách-sạn Vực-đa-duy-Á, nơi đãi tiệc Merlin.

Bom nổ, tên trùm thực dân này không chết. Nhưng ảnh hưởng làm chấn động cả dư luận hoàn cầu.

Còn về phần ông thì bị lính tò giới đuổi bắt rất ngặt, khi chạy đến sông Châu-giang, ông mượn dòng nước xanh để kết liễu cuộc

đời. Lúc ấy vào khoảng độ 9, 10 giờ đêm ngày 19 tháng 6 năm 1924. Ông Phạm-hồng-Thái mới 23 tuổi.

Thi hài ông sau đó được các nhà cách mạng Trung-hoa táng chung vào nghĩa địa Hoàng-hoa-Cương với 72 vị liệt sĩ tiền-phong cách mạng của Trung-hoa dân quốc. Trước mộ, có tấm bia đá khắc: « Việt-Nam Phạm liệt sĩ Hồng-Thái chi mộ. »

Bài « Khóc Phạm-hồng-Thái » này là của cụ Đặng-tử-Kính một bức cách mạng tiền bối cùng thời với các cụ Phan-tây-Hồ, Phan-sào-Nam. Cụ xuất dương qua Tàu, qua Xiêm hoạt động, sau mất tại đây. Theo các nhà cách mạng, cụ viết bài này ở Phi-Chịt (Xiêm) vào dịp các Việt-kiều ở đây làm lễ kỷ-niệm Đệ-tam chu-niên liệt sĩ Phạm-hồng-Thái, tức năm 1928.

Nước Việt-Nam bốn ngàn năm lě,  
Bảy mươi năm đào đẽ làm than,  
Mít mù một áng khí oan,  
Sông sôi máu chảy non chan lè sầu.  
Hồn liệt sĩ ù ù gió quạt,  
Dạ anh hùng tim ngắt lá gan.  
Nhớ xưa người ở Nghệ-An,  
Là Phạm-hồng-Thái cả gan anh hùng.  
Thẹn vì nước mắc vòng tội tớ,  
Giận Mặc-lanh (Merlin) là đứa gian hùng,  
Ra tay một tiếng sấm vang,  
Năm châu dậy đất Mặc-lanh đi đời.  
Tám giờ tối tàu binh ghé lại,  
Hắn lẩn lên Sa-Diện rong chơi.

Bấy giờ cơ đã tới nơi,  
 Lòng người có chi thì thời cũng bênh.  
 Ông khi ấy một mình len lỏi,  
 Một chiếc thuyền theo dõi bờ sông.  
 Toàn quyền Đông-Pháp Mặc-lanh,  
 Hắn lên xe điện thẳng dong cửa hàng.  
 Thành Sa-diện phố phường đón rước,  
 Mời vào nhà thết tiệc hoan nghênh.  
 Ông vào thám thính phân minh,  
 Lại gần chủ linh đang canh nạt dồn.  
 Tám giờ tối bàn hoàn chưa định,  
 Việc gấp rồi phải tính mau mau.  
 Khen người kế hoạt mưu cao,  
 Tốc ngay cửa sổ ném vào một khi.  
 Người trong tiệc còn chi đâu nữa,  
 Chúng kinh hoàng hồn rữa phách tan.  
 Tây kia mới hết khoe khoang,  
 Xương tan xác pháo thịt tan bụi hồng.  
 Chốn Sa-diện một vùng tối mịt,  
 Thuyền Châu-Giang trăm chiếc đón đưa.  
 Hy sinh cứu nước bây giờ,  
 Hồn thiêng cao phất ngọn cờ tự do.  
 « Anh hùng vị quốc quyên khu » (1),  
 Sông Châu-Giang ấy nghìn thu lưu truyền !

(1) Vì nước quên mình.

## **Phải tự cường**

Bài này của Phạm-tuấn-Tài, một lãnh tụ của Việt-Nam Quốc-dân Đảng viết khoảng năm 1929. Ông người tỉnh Nam-định, làm giáo sư tại trường Đỗ-hữu-Vị Hà-nội.

Năm 1925, ông cùng Nhượng-Tổng Hoàng-phạm-Trần (người làng Phú-khê, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-định) lập Nam-đồng thư-xã, rồi năm 1927 cùng các đồng chí thành lập Việt-Nam Quốc-dân Đảng.

Năm sau, vì bị tình nghi, ông phải đổi tên Tuyên-quang dạy học. Ở đây, ông thành lập một chi bộ. Năm 1929, ông bị bắt. Thực dân Pháp kết án 15 năm cầm cố rồi đày đi Côn-đảo.

Năm 1936, ông được ân xá về, nhưng được vài tháng thì từ trần vì bị bệnh lao phổi do chế độ « văn minh » của nhà tù thực dân gây nên.

Tróng người lại ngâm đến ta,  
 Nín đi đứt ruột, nói ra nghẹn lời !  
 Than ôi ! Cũng một kiếp người,  
 Tủi thân trâu ngựa, thiệt đời thông minh !  
 Trâu cày ngựa cưỡi !  
 Nghĩ thân mình thêm tủi lại thêm thương !  
 Cũng thông-minh tai mắt một phường,  
 Người mắc ách, kẻ gióng cương, kỳ quái chửa ?

Thà rằng thê-phách như trâu, ngựa,  
 Khô nỗi tâm-hồn khác cỏ cây.  
 Nhìn giang sơn khi quắc mắt lúc cau mày,  
 Tưởng nồng nỗi đắng cay lòng tráng sĩ.  
 Nước đời cay đắng bao nhiêu vị?  
 Giống ươn hèn càng nghĩ lại càng thương !  
 Bảo nhau ta phải tự cường !



## **Chiêu hòn dân ruộng**

Người Pháp sang cai trị Việt-Nam, họ nói là đem văn minh đi truyền bá cho dân tộc ta, và dè mờ mang nông nghiệp cho xứ này. Vậy họ đã hành động ra sao ? Thực như thế không ?

Để trả lời một cách xác đáng, chúng ta hãy đọc bài « Chiêu hòn dân ruộng » này của một nhà cách mạng tiền bối ở miền Nam nước Việt.

Nhà cách mạng này là cụ Nguyễn-quang-Diêu hiệu Tử-Ngọc, bí danh Trần-cánh-Sơn, sinh năm 1880 tại quận Cao-Lãnh tỉnh Sa-dec. Năm 1910, cụ tham gia phong trào Đông-kinh Nghĩa-thục. Cụ xuất dương qua Tàu, nhưng đến năm 1913 thì bị thực dân Pháp bắt giải về Hà-nội, cụ bị chúng đem đầy đi Guane (Nam-Mỹ). Ở đó hai năm, cụ vượt ngục sang Anh. Sau, cụ qua Tàu và bí mật về nước hoạt động lại. Cụ mất tại Tân-Châu (Châu-đốc) năm 1936.

Bài này cụ viết vào khoảng năm 1928, 1929 và rất ảnh hưởng đến tinh thần cách-mạng của nông dân lúc ấy nên thực dân Pháp đã ra lệnh tịch thâu bài « Chiêu hòn » này và trừng trị những người nào tích trữ.

**N**gười Nam ta là là rất là,  
 Nông nỗi này nghĩ đã biết không ?  
 Mà còn mê mẫn tâm hồn,  
 Mà còn hờ hở như phòn trẻ con.

Hồi đến nước mắt còn chẳng biết,  
Kêu đến dân Nam-Việt chẳng thưa.  
Miễn no bữa sớm bữa trưa,  
Ngoài ra ai hiếp ai lừa mặc ai.  
Thấy nghèo đói than dài thở vắn,  
Có hỏi thời đồ hắn cho trời.  
Biết đâu muôn sự trên đời,  
Kiết hung họa phuớc tự người làm ra.  
Thôi chẳng nói đâu xa lắc lắm,  
Nói việc nhà chủ gâm mà ghê.  
Suốt năm cấy mướn cày thuê,  
Lúa đi đâu mất, tiền về tay ai ?  
Còn bè chủ cả nhà đói rách,  
Chủ chủ đành ngãnh mặt ngơ tai.  
Lúa tiền vay một trả hai,  
Cong lung làm mọi cá đời không cơm.  
Đến đói chủ đập rơm tẩy mót,  
Chủ chủ quơ sạch bót chẳng chừa.  
Đó là tang tích sờ sờ,  
Thế mà chủ lại đồ thura trời sao ?  
Chú nghèo đói thế nào mặc kệ,  
Phép « quan trên » cứ lệ nỏ đầu.  
Thường năm nạp thuế đi xâu,  
Chú bằng trẽ nải ở tù chai lung.  
Một thân chú muôn phần hắt hủi,  
Chú tài gì chịu nỗi được ai.  
Thế mà chủ lại kêu trời,

Trời nghe trời cũng buồn cười thế thôi !  
Cười vì chủ không suy xét kỹ,  
Cứ đeo theo năn nỉ trời hoài.  
Xem tình trời cũng đeo đai,  
Trời liền chua xót phán sai mấy lời.  
Phán rằng : « Hồi dân cày Nam-Việt !  
Khéo bơ thờ chẳng biết lo xa.  
Vi ai nên nỗi sút sa,  
Cứ theo trách lẩn trời già chẳng công.  
Cơ tạo hóa bay không thấu rõ,  
Ngõ rằng ta xui khồ khiến cùng.  
Đề ta bày hết thủy chung,  
Ngõ bay thấu rõ tấm lòng cao xanh.  
Lúc ta mới giáng sanh nhân loại,  
Định làm cho khỏi hại đói nghèo.  
Vun bồi ruộng đất phì nhiêu,  
Hoa sanh năm thóc mỹ miều xiết bao.  
Cả thế giới xứ nào xứ nấy,  
Ruộng đất trời cày cấy làm ăn.  
Cầm cân rất mực công bằng,  
Lo cho bay được đồng phần ấm no.  
Khốn vì phải những đồ gian ác,  
Từ Tây dương chiếm đoạt bao la.  
Của chung thu gọn của nhà,  
Nở lòng khắc bạc hành hà chúng bay.  
Ta thấy thế chau mày xót ruột,  
Định ra tay thay cuộc đói dời.

Làm cho khắp cả nơi nơi,  
Đất chung của săn như đời cồ sơ.  
Hièm vì nỗi bay khờ khạo quá,  
Cứ cam tâm chịu ngã một bè.  
Tha hồ kẻ ép người đè,  
Đành thân trâu ngựa cam bè đắng cay.  
Vì bay chẳng đứa này đứa khác,  
Hiệp một đoàn liên lạc với nhau.  
Ra tay đánh đuổi quân thù,  
Còn chi lũ nó thị hào hiếp cô ! (1)  
Bởi trên có tham ô chính phủ,  
Bệnh vực nhà điền chủ hiếp bay.  
Khoa trương gươm bén súng hay,  
nào là tàu lặn máy bay thị cường.  
Chúng bay muốn trừ phường áp chế,  
Ta bay cho một kế rất mầu.  
Những là các hạng thuế suru,  
Nó đòi bảy cử yêu cầu xin thương.  
Nếu mà nó thị cường ép bức,  
Chúng bay đồng kéo rốc nhau ra.  
Vợ chồng, con cái, mẹ cha,  
Đồng lòng kéo hết đến nha chịu tù.  
Chúng bay cứ đâu đâu cũng thế,  
Dẫu việc gì cũng dễ như ăn.  
Dại gi nắm bếp chịu lắn,

(1) Thị hào hiếp cô là cây mạnh hiếp yếu.

Mà không cưa quây nói nặng điều gì.  
Kia chẳng thấy dân cày Ấn-Độ,  
Cũng cường quyền khắc khồ thề bay.  
Gǎng-Đi nóng ruột ra tay,  
Mở đường giải phóng tầy chạy bọn này.  
Kêu dân chúng hiệp bầy kết đảng,  
Đồng một lòng phản kháng Hồng-Mao.  
Xiết bao sỏi nồi phong trào,  
Cường quyền hăm dọa chẳng nao núng gì.  
Các hạng thuế, thuế chi cũng mặc,  
Định làm cho bỏ bắt mới thôi.  
Tầy chạy vừa mấy năm trời,  
Hồng-Mao giờ phải nín hơi chịu mềm.  
Sao bay cứ êm đềm thế mãi,  
Muôn việc đều đồ vãi cho ta !  
Nhưng ta đã đạo làm cha,  
Nő nào thấy thế ngồi mà làm thinh !  
Đã lắm lúc hiện hình biến tướng,  
Đề dẫn đường chỉ hướng cho bay.  
Hô hào suốt mấy năm nay,  
Vẫn trơ như loại cỏ cây vô tình.  
Bao nhiêu nỗi bất bình bay đó,  
Muốn phá mà nào có khó chi.  
Mưu ta cứ thế làm đi,  
Đồng lòng hiệp sức tức thì được ngay !  
Tôi gi chịu đắng cay mãi mãi,  
Chẳng cất đầu ngó lại người ta.

Kia như dân ruộng Trung-hoa,  
Trước khi nó cũng sút sa khốn cùng.  
Cũng điền chủ lường công cướp việc,  
Cũng triều đình thuế nghiệt suru cao.  
Tôn-Văn đứng trước hô hào,  
Bao nhiêu dân ruộng ồn ào nỗi lên.  
Bèn vùng vẫy bao phen kịch liệt,  
Đuối Mân-Thanh trừ tuyệt cường quyền.  
Tóm thu ruộng đất chủ điền,  
Chia cho công chúng ở yên cấy trồng.  
Bởi vì nó đồng lòng hiệp sức,  
Mới thành ra khỏi cực khổ nghèo.  
Bay đâu kẽ réo người kêu,  
Thế sao vẫn cứ nắm queo vậy hoài?  
Mau đứng dậy làm liều một chuyến,  
Trên có ta điều khiển sơ gì.  
Tôn-Văn kia với Găng-Đi,  
Cũng ta biến hóa hộ trì chờ ai.  
Bay vốn cũng chân tay, đầu mắt,  
Cũng ruột gan, cũng mặt con người.  
Thế mà chẳng biết hồ ngươi,  
Khum lưng cui óc cho người trèo lên.  
Làm đến nỗi nhơ tên dân Việt,  
Để nước ngoài kẻ nhiễc người khinh.  
Chúng bay muốn cứu lấy mình,  
Biết câu trọng nghĩa khinh sinh (1) mới là.

(1) Trọng điều nghĩa, coi thường sự sống.

Việc đời lẽ gần xa chỉ rõ,  
Chữ đồng tâm chờ có phôi pha.  
Thi hành cho đúng mưu ta,  
So cùng dân ruộng Án, Hoa kém gì.  
Đứng dùn thẳng bàn đì tính lại,  
Mà nghi nan rắng bại rắng thành.  
Ra tay liệt liệt oanh oanh,  
Phá tan gai cấp bất bình ngay đi.  
Huống nay đã gặp thì gặp thế,  
Dại gì ngồi mà đê thất kỳ. (1)  
Mấy lời phán trước đơn trì,  
Chúng bay áu phải chép ghi vào lòng. »  
Lời Thượng-Đế vô cùng thâm thiết,  
Diễn ra đây cống hiến chư tôn.  
Nhờ tay truyền bá hương thôn,  
Gọi là ba bảy chiêu hồn nông dân.  
Cứu sống lại tinh thần thương ái,  
Tô chức thành một dải đồng tâm.  
Ra tay rửa trắng thù thâm,  
Sao cho khỏi phụ thiên tâm mới là,  
Có trời mà cũng có ta...



(1) Tức thất cơ (bỏ mất cơ hội)

## Vợ chồng nhà nông khuyên nhủ nhau

Bài này cũng của cụ Nguyễn-quang-Diêu, tác-giả bài « Chiêu hồn dân ruộng » viết ra để tác động tinh thần tranh đấu của nông dân miền Nam, và cũng bị nhà cầm quyền Pháp nghiêm cấm mặc dù lời lẽ chỉ bóng gió mà thôi, chứ không có gì là xúc phạm nặng nề đến uy quyền của chúng.

### VỢ KHUYÊN CHỒNG

Ngồi suy nghĩ kim lai cỏ vắng,  
Nghè nông là căn bản nước ta.  
Kia như Mỹ-lợi, Âu-la,  
Công thương phát đạt quốc gia phú cường.  
Đường kinh tế ngày càng mở rộng.  
Xưa cũng phường lao động nônggia.  
Khuyên anh liệu liệu trước lo xa,  
Tư cơ sắp sẵn phòng ra cấy cày.  
Cũng chờ quản ngàn cay muôn đắng.  
Cũng chờ nài dài nắng đầm mưa.  
Rán mà thức sớm ăn trưa,  
Vải bô ấm cật, muối dưa đỡ lòng.

Muốn năm giống gieo trồng tươi tốt,  
Dùng công dày sức tột mới xong.  
Lẽ nào làm có, ăn không,  
Cuối xuân cày sạ, sang đông thâu thành.  
Đừng có tinh loanh quanh gi nữa,  
Rồi thành ra lầm lỡ thời kỳ.  
Vận nhà rủi gặp lúc nguy,  
Ra tay lao động duy trì cho nhanh.  
Phần gạo nước đã dành có thiếp,  
Lúc rảnh rang sẽ tiếp tay cho.  
Giờ tuy bữa đói bữa no,  
May ra bạc đồng lúa kho khô gi.  
Đừng rut rè thể suy lực nhược,  
Mà hỏng ngay phủ-nguồng đạo nhà.  
Than ôi! con dại cha già,  
Đói cơm lạnh áo ai mà biết cho?  
Hoàn cảnh lắm gay go đến thế,  
Cơ hội này nỗi để ngồi xem?  
Đồng lòng hiệp sức cùng em,  
Đừng lo gánh nặng chờ hiềm đường xa.  
Vóc bồ liêu tuy là yếu đuối,  
Nguyên một lòng dong ruồi cùng anh.  
Sạch trừ sâu bộ cỏ tranh,  
Sao cho giống tốt kết thành quả ngon.  
Hãy có chí dời non cũng dễ,  
Khuyên anh đừng bỏ trễ thời gian.  
Vi dầu trời hạn nước tràn,

Đắp bờ khai cống ta toan dự phòng.  
 Đôi ta quả một lòng như thế,  
 Tất sau này kinh tế mỏ mang.  
 Thân già con dại an nhàn,  
 Bấy giờ mặc sức thịnh thang với đời.  
 Trải gan mật mấy lời gắt bó,  
 Ô anh ơi ! Nghĩ đó mà coi.  
 Đã chen đứng giữa đất trời,  
 Làm trai âu phải đền bồi nợ trai.  
 Phận trách nhậm ai ai cũng thế,  
 Phận gái này ghé giữ một vai.  
 Ôi thôi ! Chớ nghĩ đông dài,  
 Con người phải chóng ở đời mới ru !  
 Cày tròng tất phải có thu...

## CHỒNG KHUYÊN VỢ

Buồn tha thiết nghe nàng khuyên nhủ,  
 Bực nỗi nhà ủ rũ mặt mày,  
 Nghĩ minh gặp lúc chẳng may,  
 Não nè ném đủ đắng cay mùi đời.  
 Căm giận muốn vạch trời thử hỏi,  
 Tội tình chi nghèo đói thế hoài.  
 Ngày càng quẫn bách sinh nhai,  
 Bát cơm manh áo biết ai trông vào.  
 Nỗi cày ruộng không sao xiết kẽ,  
 Mai phải phường cây thế cướp công.

Suốt năm tay lấm chân bùn,  
 Rồi ra chẳng có một đồng dinh tay.  
 Kìa chẳng thấy dân cày đâu đó,  
 Pháp luật bày đãi họ rất khoan.  
 Chia cho khắp cả dân gian,  
 Mỗi người mỗi có ruộng nương cày tròng.  
 Dân lao động vầy vùng cá nước,  
 Làm cho phường bán trước co tay.  
 Người sao vận hội quá may,  
 Ta sao cảnh ngộ chua cay thế này.  
 Ý anh muốn sang ngay nghè khác,  
 Ngõ tránh phường khắc bạc thành gia.  
 Nhưng xem công nghệ mỗi nhà,  
 Rõ ra càng lại sút sa lụa dường.  
 Oán cho kẻ ngồi không ăn sướng,  
 Biết có mình chẳng tưởng có ai,  
 Phận đành đành vậy dám nài,  
 Oán này có một kêu trời nhưng xa ..  
 Nay em đã quyết ra tài gái,  
 Tiếp tay anh kéo lại nghiệp nhà.  
 Cùng nhau chia gánh đường xa,  
 Tuyết sương chẳng quản phong-ba cũng liều.  
 Vì ta muốn cứu nghèo đỡ ngọt,  
 Phải đánh liều dùi dắt nhau đi.  
 Đồng lòng bi hiềm nhi vi,  
 Tìm nơi vùng vây may khi gặp chiều.  
 Thời thì có trèo đèo lặn suối,

Phá rừng hoang khai lối sanh nhai.  
 Ra tay bời gốc ruồng gai,  
 Trừ cho tiệt giống thảo-lai sạch sành.  
 Quyền sanh hoạt tự mình chủ lấy,  
 Ruộng đất ta ta cấy ta cày.  
 Vì dầu muôn đắng ngàn cay,  
 Khỏi điều ruộng mướn lúa vay thiệt thòi.  
 Thế mới gọi vẫn-hồi sanh hoạt,  
 Thế mới rằng giải thoát lao-nông.  
 Trong khi nước túng đùng cùng,  
 Nếu rụt rè mãi còn mong nỗi gì.  
 Kia chẳng nhờ đương khi Âu-chiến,  
 Gái trai đồng gánh việc quản doanh.  
 Sau khi chiến cuộc kết thành,  
 Nữ quyền phát đạt nỗi danh toàn cầu.  
 Nước đã thế nhà áu cũng thế,  
 Nhà chẳng tè nước dễ gì an.  
 Cho hay những khách hồng-nhan,  
 Truân chuyên là quán, giang sang là nhà.  
 Thôi chờ nghĩ gần xa gì mãi,  
 Mau đứng lên chuyền bại làm thành.  
 Muốn cho giải thoát nhân dân,  
 Liều đem son phấn hy sinh mới là.  
 Kém gì phu nữ người ta !



## Sà-lim oán

Trong thời kỳ thực dân và phong kiến cấu kết với nhau trên đất Việt-Nam này, đối với dân ta thật không có tội gì nặng hơn là tội dám yêu nước.

Cho nên, những ai yêu nước mà bị lọt vào tay chúng thì không khác chi là lọt vào tử địa, là sa vào nanh vuốt cọp beo, khó lòng mà thoát khỏi, vì không lên đoạn đầu dài thì cũng bị rừng thiêng nước độc hay Côn-Lôn, Lao-Bảo, mà tới đâu cũng là « một đi không trở lại » như cảnh tráng sĩ Kinh-Kha khi qua sông Dịch-Thủy.

Nhưng thế thì thế, những con người cách mạng vẫn xem thế là thường, và kết quả bạo lực của chúng vẫn không bao giờ, cũng không thế tài nào làm tắt được lòng yêu nước của người dân Việt-Nam, mặc dù người dân Việt-Nam trong suốt 80 năm qua đã bị chúng giam cầm, giết chóc không biết đến bao nhiêu mà kề cũng chỉ vì cái tội đã làm người yêu nước.

Nay nhắc lại, hẳn chúng ta cũng muốn biết họ đã giam cầm những người vì « tội yêu nước » như thế nào, và tâm sự của những người này ra sao ở trong cảnh nhà lao « vẫn-minh » của người Pháp cai trị.

Vậy, chúng ta hãy đọc bài « Sà-lim oán » này của một nhà cách mệnh viết ở ngục thất Hỏa-lò Hà-nội vào khoảng năm 1930, tức Vũ-văn-Cảo, người làng Đồng-tại, huyện Yên-lão, tỉnh Kiến-an, Bắc-Việt.

Ngoài ngục thất mura dồn gió dập,  
Trong sà-lim ruột đứt lòng đau.  
Ai ơi có thấu cơ mầu,  
Thân này hỏi với ngục sâu tội gì ?  
Xót nòi giống cớ chi đeo vạ ?  
Tức non sông ai chả một lòng,  
Sao mà bời vết tim lòng ?  
Làm cho rẽ Lạc, chia Hồng chưa thôi !  
Thần công lý bên trời lắn mất,  
Quỷ văn-minh chật đất làm càn !  
Biết đâu mà giải nổi oan ?  
Đã dày đọa nước lại tan nát nhà !  
Nơi cổ lý mẹ già thêm ngại.  
Chốn tha hương vợ dại càng lo !  
Con thì trúng nước ngày thơ,  
Nhà không có nóc bây giờ ở đâu ?  
Trên chín chữ cao sâu lở nghĩa,  
Nghĩa trăm năm hương lửa chưa tròn.  
Đạo thường lỗi cả với con,  
Cái thân đến thế thân còn ra chi ?  
Bịt đôi mắt tường vi bốn mặt,  
Bó hai chân cùm chặt bốn phương.  
Tháng ngày chết một gian buồng,  
Nước non thu lại một chuồng ngựa trâu.  
Miệng chưa trải cá rau oan trái,  
Mũi không quen cứt đái phong trần.

Sói hùm kè gởi chiếc thân,  
Biết bao thảm, nhục với quân bạo tàn !  
Thảm nhất lúc dao hàn cắt ruột,  
Nhục nhất khi lửa nhiệt đốt da.  
Trông người đã đỏ mắt hoa,  
Mặt mình còn có một ma nào nhìn ?  
Thảm nhất lúc mong tin chẳng có,  
Nhục nhất khi ngựa cồ trông trời.  
Trông trời nào thấy đâu trời ?  
Ngoài hàng dây điện một vài lá rung.  
Thảm nhất lúc soi khung cửa chớp,  
Nhục nhất khi thấy nước da chi.  
Râu ria như đuôi xuân đi,  
Tiếc xuân ta những nặng vì nước non !  
Còn nổi nhục, nhục khôn xiết tả.  
Nhục bao nhiêu người hả hấy nhiêu !  
Tội gì mà lại đặt điều,  
Thân sao đã đủ trăm chiều nhục chưa ?  
Thảm nhất lúc nắng mưa thui thủi.  
Nhục nhất khi chịu chửi xời xoi.  
Tận từ người chẳng tiếc lời,  
Nghĩ thân vô tội giận đời bất lương.  
Thảm nhất lúc thân trường như nhộng,  
Nhục nhất khi kiếp sống ngựa trâu.  
Ra vào căm mặt căm đầu,  
Cúi luồn cả bọn quân hầu, quân sai,  
Nhục nhất lúc thầy cai, quan quản.

Xịch cửa vào lục khám trước sau.  
 Giang san nào có gì đâu !  
 Cái thia cái bát cũng thâu đem trình.  
 Thảm nhất lúc có mình với bóng,  
 Nhục nhất khi có bóng theo mình.  
 Sớm khuya ôm khối u tình,  
 Tháng ngày thêm mối bất bình càng lo !  
 Lệ hưng phế chưa khô mặt đất,  
 Sóng tang thương còn ngắt ngang trời.  
 Sống còn khổ lầm ai ơi,  
 Mà thân hèn yếu là đời lao lung.  
 Ngẫm thế sự càng nung thân thế,  
 Ngẫm cơ đồ như xé tâm can.  
 Giết người là lũ gian ngoan,  
 Làm cho xẻ nghé, tan đàn như chơi !  
 Đập song sắt hỏi người ngô nan,  
 Giận sà-lim nhẫn bạn hàm oan.  
 Giang san này vẫn giang san.  
 Mà nay còn giữ hương tàn còn thơm ?



## **Ngoảnh mặt về Nam**

Đã gọi là con người yêu nước thì dù xa quê hương đến đâu và có làm gì được phong lưu về vật chất đến đâu, cũng không có giây phút nào khuây đi được nỗi lòng cố quốc.

Cáo chết ba năm quay đầu về núi. Con ngựa Tiêu-sương khi sang đất Tống cũng còn đậm vó nhớ đất Lương. Loài vật còn thế, huống chi con người là giống khôn ngoan hơn tất cả.

Nhắc đến đây, chúng tôi lại nhớ đến một tiệm ăn của người Hoa-kieu ở Chợ Cũ (Saigon) trước đây có treo một bức đại tự đề sáu chữ : « mỗi phạt vật vong Tồ quốc » nghĩa là « mỗi bữa cơm ăn, đừng quên nước Tồ. »

Nhưng đó là truyện của người Trung-hoa, người Trung-hoa đi làm ăn buôn bán ở hải ngoại.

Còn người Việt-Nam ta, và người Việt-Nam vì lòng yêu nước phải xa nơi đất Tồ. Những người này có bao giờ quên nghĩ đến tình cảnh cực khổ của giống nòi không ?

Chúng tôi xin đáp : Không bao giờ quên cả. Những người đi tha phương cầu thực còn không thể quên được huống chi là những người đã nguyện đem cả thân mình dâng cho đất nước.

Muốn biết rõ tinh thần ấy của những bức người đáng tôn kính ấy, chúng ta hãy đọc bài « Ngoảnh mặt về Nam » này của cụ Hồ-ngọc-Lâm viết ở Trung-Quốc năm 1931. Cụ là một nhà cách mạng của dân tộc ta. Trước cụ có ở Nhật (hình như có tốt nghiệp trường

quân sự đại-học Chấn-Vũ). Sau về Tàu, cụ giúp cách-mạng Tàu và làm đến chức Dinh-trưởng (Thiếu tá) trong bộ Tham-Mưu của Trung-hoa Dân-quốc ở Bắc-Kinh.

Tuy xa thế, làm việc như thế, nhưng đối với thời cuộc nước nhà cụ vẫn luôn luôn lóng tai đê mắt về. Và bài này cũng là những cảm xúc của cụ, của một nhà cách mạng bôn ba nơi hải ngoại ở trước những biến cố, những tai họa máu xương đang liên tiếp xảy ra trên cảnh đất nước nhà.

Thường khi ngoảnh mặt về Nam,  
Trông về cổ quốc chạnh niềm giang sơn.  
Tưởng trong nước đang cơn khủng bố,  
Đồng bào mình thân có ra chi.  
Thịt dao cá thớt thôi thì,  
Phen này mặc sức quân Tây chặt vầm.  
Chốn ngực thất ngàn trăm oan khuất,  
Thịt theo kèm da đứt với roi.  
Côn-lôn, Lao-bảo mấy người,  
Chân rùng/góc bẽ là nơi chết già.  
Lại đến kẻ đem ra hành tội,  
Giữa pháp trường một lưỡi gươm theo.  
Thân bảy thước nhẹ bao nhiêu,  
Hồn chiến sĩ, đạn bay vèo cái xong !  
Nghĩ mình cũng đồng trong thanh khí,  
Cũng đồng tâm, đồng chí với ai.  
Cũng yêu giỗng, cũng thương nòi,  
Cũng chèo non nước, cũng vai sơn hà.

Sao ai chịu vô vàn cực khổ,  
Mà thân ta lại được an toàn.  
Thân này tạm được bình an,  
Dám đâu yên hưởng mà sờn chi xưa.  
Làm sao có một lúc nào,  
Thúc ran nhịp trống dương cao ngọn cờ.  
Về đánh đồ Lang-sa để quốc,  
Để trả thù rửa nhuốm anh cha.  
Lưỡi gươm Tây đã giết ta,  
Bây giờ ta lại quay mà giết Tây.  
Lại giết luôn cả bầy tầu cầu,  
Chịu cam tâm chờ lũ quốc cừu.  
Phá cách mạng, giết đồng bào,  
Gây nên khủng bố phong trào ngày nay.  
Mời hả dạ người nơi lũy tiết,  
Mời thỏa hòn ai chết trước mình.  
Mời không phụ chí bình sinh,  
Mời không uồng cái công trình xuất dương.  
Nôm na chấp vá mấy hàng,  
Xin người trong hội đoàn trường biết cho.



## Tổng ôn thần

Nói đến Vi-văn-Định, Tông-đốc Thái-Binh trước, hẳn đồng bào ta không mấy ai không biết y ta là một con quỷ khát máu, một tên tay sai rất đắc lực của chính quyền Pháp ở Bắc-Việt.

Kè cái tội tàn dân hại nước, phản nhân đạo của y thì thật khó có bút nào mà tả ra cho siếc.

Vì thế người Pháp mới tặng y « đệ tam đẳng Bắc-dầu bội tinh » và chính-phủ Nam triều của Bảo Đại mới gia cho y hàm « Thái tử thiếu bảo, hiệp tá đại học sĩ » để đáp lại « công lao ».

Còn đồng bào, nhất là đồng bào tỉnh Thái-Binh, nơi y ngồi trấn nhậm, thì tặng cho y chức « ôn thần », nên khi rời khỏi Thái-Binh để đi thay Hoàng-Trọng-Phu làm Tông-đốc Hà-Đông, một chí sĩ vô danh mới có bài « Tổng ôn thần » này phô biến trong đồng bào và dán ở trước dinh Tông-đốc Thái-Binh để tiễn chân y đi.

Các bạn đọc bài này sẽ thấy trong những năm làm Tông-đốc Thái-Binh, y đã đem lại những gì cho đồng bào tỉnh này để xứng đáng làm « quốc gia lương đồng » cùng « dân chi phụ mẫu »...  
Và khi tiễn chân y đi, những người trong harem đã phải « bùi ngùi nhói tiếc » đến bực nào !...

**V**i-trùng dịch tả đại-nhân,  
Ngài nên hiểu thấu tình dân Thái-bình.

Thái-binh lăm nỗi bất bình,  
Vì đói khை phải biều tình năm xưa.  
Trả lời súng bắn như mưa,  
Chín, mười mạng chết còn chưa hả lòng.  
Lại còn đốt phá lung tung,  
Đồng-nho, Thanh-giám (1) chỉ trong mấy giờ.  
Trâu bò gach ngói trống trơ,  
Đống tro vò đạo bảy giờ còn nguyên.  
Lời căm tức, tiếng rủa nguyền,  
Mấy năm nay vẫn còn truyền tụng nhau.  
Mùa này lúa lại bị sâu,  
Lấy gì nộp thuế nuôi nhau lúc này.  
Quan ông ngài tinh hay say ?  
Mà không hiểu thấu tình này cảnh kia.  
Lại còn vênh vào mũ hia,  
Lại còn báo hại dân quê Thái-bình.  
Lại còn kiểm xác từng trinh,  
Còn muốn bữa tiệc linh đình tiễn đưa.  
Vi-trùng dịch tả hiểu chưa ?  
Mấy nghìn phù thủy (2) phải đưa tiễn ngài.  
Số tiền góp một gấp hai ; (3)

(1) Hai làng ở Thái-Binh bị họ Vi triệt hạ.

(2) Những tay sai của Vi và những quan lại hương chức dưới quyền Vi.

(3) Mỗi người đi tiễn chân Vi phải góp 4 đồng và phải vào cửa 4 đồng nữa là tám.

Mấy nghìn bạc ấy của ai hối ngài ?  
 Chúng tôi đoán nếu không sai,  
 Sẽ rút ruột ngắn ruột dài của dân.  
 Ôi ôn-thần, hối ôn-thần !  
 Sao không biết nhục tẩm thân râu mày ?  
 Liệu mà xa chạy cao bay,  
 Đừng quen kiểm xác vùng này nữa đâu !  
 Gánh gồng vội cút cho mau !



### VĨNH BIỆT CÁC BẠN Ở TRONG TÙ

của Nguyễn-hữu-Tiến một nhà cách mạng  
 ở Nam-Việt bị bắt trong cuộc bạo-động  
 năm 1940, làm trước giờ từ biệt các  
 bạn ở trong tù để lên đoạn đầu dài.

Tứ biệt hôm nay có mấy lời,  
 Giã từ các bạn khắp nơi nơi.  
 Tình thần gởi lại cùng non nước ;  
 Thủ hận tung ra ngập đất trời.  
 Nợ mới đờ thành thôi phủ sạch ;  
 Duyên xưa hải đảo hết mong rồi.  
 Thăm nhau xin mượn con đường mới,  
 Trong giấc mộng vàng sẽ gặp nhau.



## ***Khuyến cáo quốc dân ca***

Bài này của một nhà cách mạng Việt-Nam ở Đông-Kinh (Nhật Bản) viết gửi cho Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề gửi về khuyên đồng-bào nên thừa cơ hội trận Thế-giới đại chiến thứ hai, đứng dậy đánh đuổi thực dân Pháp để giành lại chủ quyền và đất đai, nhất là các anh em ở trong quân-đội Pháp nên quay mũi súng lại để diệt thù cứu nước.

Kỳ-ngoại-hầu là cháu 5 đời Đông-cung Hoàng-tử Cảnh, con ông Hàm hóa hương công. Năm 1888, sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt đày đi Phi-Châu, cụ Phan-định-Phùng sai ông Hồ-quý-Châu bí mật về Huế đem ông ra thay làm Thủ-linh để hiệu triệu quốc-dân. Nhưng đi đến nửa đường, ông Hồ mắc bệnh chết, ông phải trở lại. Khi ấy Kỳ-ngoại-hầu mới có 13 tuổi.

Năm 1903, ông được cụ Phan-bội-Châu và các đồng chí cách mạng cử làm hội-trưởng Việt-Nam Quang-phục Hội. Năm 1905, cụ Đặng-tử-Kính bí mật đưa ông sang Nhật học trường Chấn-võ lục quân. Năm 1908, các nhà cách mạng Việt-Nam bị chánh phủ Nhật trục xuất, ông phải qua Tàu, qua Xiêm, trở về Nam-Việt, và đi sang Âu-Châu. Sau một thời gian bôn ba, ông lại trở qua Nhật. Lần này ông được một yếu nhân Nhật là Thủ-tướng Khuyển-dưỡng-Nghị bao bọc và giúp đỡ. Khi Nhật đảo chánh Pháp ở Đông-dương, người ta tưởng ông sẽ được Nhật cho về để thay ông Bảo-Đại. Nhưng mong ấy bất thành. Rồi sau trận thế chiến thứ hai mấy năm ông mất tại Nhật, di cốt được đem về nước vào khoảng năm 1956.

Bài « Khuyến cáo quốc-dân ca » này viết vào khoảng năm 1944, và theo các nhà cách-mạng thì cũng là một bức tâm thư cuối cùng được ký tên ông để gửi về nước vậy.

**N**ước mất 80 năm rồi đó  
Quốc dân ta có nhớ hay không ?  
Kia xem các nước Á-Đông,  
Diển, Phi đều đã thoát vòng Mỹ-Anh !  
Chỉ còn có một mình ta đó  
Vẫn đề cho Pháp nó đè đầu.  
Pháp kia còn có chi đâu,  
Từ ngày thua Đức đã hầu diệt vong.  
Gọi là nước thật không thành nước,  
Ấy thế mà vẫn được trị minh,  
Vẫn còn bạo ngược hoành hành,  
Mà ta lại vẫn trung thành lạ thay.  
Làm nô lệ đến ngày nào nữa ?  
Đến ngày nay chưa biết chán sao ?  
Hồi hăm lăm triệu đồng bào !  
Chuyện ta ta phải tinh sao bây giờ !  
Chẳng lẽ cứ ngồi chờ đến chết  
Giương mắt trông của hết dân cùng.  
Bảo nhau phải hết một lòng  
Phen này ta quyết chẳng dong quân thù.  
Ông cha trước bình Ngô, sát Thát  
Nói giống mình hèn nhát chi đâu !  
Sao ta lại chịu cúi đầu,

Làm tội tớ Pháp như trâu như bò !  
 Minh khổn khổ ấm no chẳng đủ,  
 Riêng sướng cho một lũ Tây đầm.  
 Ai người có chút lương tâm,  
 Nghĩ nồng nỗi ấy cũng bầm tim gan.  
 Nhiều kẻ vì thăng quan tiến chức  
 Mà nỡ tâm bán nước hại nòi.  
 Vị tiền cũng lại lăm người,  
 Cơ hồ khắp nước chim mồi chó săn.  
 Ai có chí cứu dân cứu nước,  
 Thị lũ này sửa trước chẳng tha !  
 Hồi anh em chị em ta,  
 Hiến thân cho nước mới là quốc dân.  
 Pháp nó cay có quân có súng,  
 Động ti chi giết sống người mình.  
 Thực thi khổ đỏ khổ xanh,  
 Trừ bọn quan Pháp, toàn anh em nhà.  
 Sao không biết đảo qua đánh nó,  
 Nếu đồng tâm có khó chi đâu.  
 Người mình mình chớ hại nhau,  
 Xin quay ngược súng trả đầu thằng Tây.  
 Nay mai sẽ có ngày khởi sự,  
 Các anh em xin chờ ngại ngần.  
 Dốc lòng vì nước vì dân,  
 Giúp ta ngoài sẽ có quân hùng cường.  
 Nay dân tộc da vàng hợp sức,  
 Đánh đuổi người áp bức bấy lâu.

Đồng tâm ta phải bảo nhau,  
 Có ra sức mới ngóc đầu được lên,  
 Nay ! những kẻ có tiền có cửa,  
 Chớ của mình mình giữ khư khư.  
 Đem tiền giúp nước bây giờ,  
 Có công là sẽ có lời lãi to.  
 Chẳng hơn cứ bo bo từng cuộn,  
 Rồi đến thành giấy lộn vứt đi.  
 Làm giàu cũng phải khéo suy,  
 Trước là vì nước sau là bản thân.  
 Nay cơ hội đã gần tới đó,  
 Quốc dân ta xin cố sức lên.  
 Nhất là nam nữ thanh-niên,  
 Chớ quên cứu nước là thiên chức minh.  
 Đừng say đắm hư vinh vật chất,  
 Sự vui chơi nên vứt hết đi.  
 Kìa trong hai nước Diển Phi,  
 Họ đã độc-lập còn mình thì sao ?  
 Không lẽ chịu thuộc vào Pháp mãi,  
 Xiềng xích này ta phải phá ra.  
 Ta không cứu lấy nước nhà,  
 Khó mong cái sự người ta cứu mình.  
 Phải quyết chí hy sinh phấn-dấu,  
 Vì tự-do rời máu cũng đành.  
 Hãy vào « Phục Quốc Đồng-Minh »,  
 Góp thêm sức mạnh làm thành việc to :  
 Tranh độc lập, tự do cho nước,

Cho nước mình cũng được như ai.  
Đứng trên thế giới vũ đài,  
Từ đây cũng có mặt người Việt-Nam.  
Bốn mươi năm đi làm việc nước,  
Thân già này chưa được truyện chi.  
Tuổi nhiều nhưng sức chưa suy,  
Thủy chung vì những lo vì nước non.  
Cũng chẳng tưởng đến con đến của,  
Cũng không mong làm chúa làm vua.  
Chỉ mưu đánh đuổi quân thù,  
Để gây dựng lại cơ đồ nước ta.  
Bởi vì thế bỏ nhà sang Nhật,  
Mấy mươi năm nếm mật nấm gai.  
Đã hay thành sự tại trời,  
Gắng công cũng phải tại người mới nén.  
Vậy nay có lời khuyên thành thực,  
Xin quốc dân hợp sức đồng lòng.  
Người xuất của, kẻ xuất công,  
Người ngoài vận động, người trong thực hành.  
Sẽ có kẻ giúp mình thêm nữa,  
Việc phen này nếu sợ không xong.  
Cốt sao ta phải hết lòng,  
Thành công sẽ chỉ trong vòng năm nay.



## Lá huyết thư cuối cùng

Nội dung bức thư này là lời của cụ Hoàng-hoa-Thám, người anh hùng dân tộc kháng chiến ở Yên-Thế, gửi cho cha nuôi là Bá-Phúc để dứt tình phụ tử.

Cụ Thám tục gọi là Đề-Thám, quê ở Bắc-Giang, một tỉnh miền Thượng-du Bắc-Việt. Trước sung vào đội Nghĩa quân chống Pháp rồi theo cha nuôi là Bá-Phúc lên Vân-Nam vận động mua khí giò và chiêu mộ binh sĩ. Khi trở về, cụ Thám theo ông Cai-Kinh chống Pháp ở Lạng-sơn. Sau ngày ông Kinh tử trận, cụ thu thập Nghĩa quân đánh phá suốt vùng Vũ-Giang, Quế-Dương, Hiệp-Hòa, Việt-Yên, v. v...

Thanh thế ngày càng rộng. Thấy đẹp mãi không được, thực dân Pháp mới phối-hop việc hành quân với công tác chánh trị. Tòng-đốc Lê-Hoan được cử ra đặc biệt hành-động chia rẽ, ám sát các cán bộ và tuyên truyền khủng bố dân chúng.

Năm 1893, Lê-Hoan dụ hàng được Bá-Phúc. Vì ham tiền của giặc, Bá-Phúc đã phản lại cả tinh nghĩa núi sông và luôn cả tinh nghĩa cha con. Vâng lệnh của giặc và của tên phản quốc Lê-Hoan, Bá-Phúc đem tạc đạn giấu theo trong mình vào chiến khu cụ Thám, lấy nghĩa cha vào thăm con, để thừa cơ hội gài tạc đạn giết con, lấy công dâng « nhà nước bảo hộ ».

Nhưng âm mưu bại lộ, cụ Thám tương kế tựu kế, mai phục đánh úp. Quân Pháp và lính khố xanh bị thiệt hại rất nặng. Thời gian này vào khoảng tháng 5 năm 1894.

Nguyên do câu truyện là thế, và bài « Lá huyết thư cuối cùng » này là của ông Nguyễn-mậu-Chi, một nhà Nho ở Nam-Định (làm cách mạng bị Pháp bắt đày đi Côn-đảo) nhân sự tích viết ra với mục đích để kích thích tinh thần yêu nước diệt thù của các bạn thanh niên.

Trước đây có một số người vẫn lầm cho là của Tố-Hữu. Nhưng hoàn toàn không đúng. Theo anh em chánh trị phạm được giải-phóng năm 1945 thì bài này ông Chi viết tại Côn-đảo vào khoảng năm 1944.

**D**ọc mấy lời trong bức thư cha nhủ,  
Giòng lệ con hoen ố mảnh nhung y.  
Nhờ ngày nào mang chi lớn ra đi,  
Trong dĩ vắng cha ghi nhiều kiêu hãnh.  
Kìa lưỡi kiếm máu kẻ thù còn dính,  
Mà anh hùng tim lạnh bởi hư vinh.  
Trong phong ba vùng vây bóng nghê kinh,  
Ham mồi béo nạp mình cho ngư phủ.  
Nơi rừng xanh tung hoành con mảnh hồ,  
Ham mồi ngon ủ rũ chốn chuồng con.  
Bả vinh hoa làm mất cả tâm hồn,  
Và lay chuyền cả lòng son dạ sắt.  
Mây Hồng-Lĩnh còn mịt mù u uất,  
Sông Nhị-Hà còn chứa chất căm hờn.  
Thì đời con là của cả giang sơn,  
Dù thịt nát xương tan đau đớn kề.  
Rồi những lúc cha vui vầy vị kỷ,  
Là khi con rầu rĩ khóc non sông.

Đêm canh trường cha nệm ấm chăn bông,  
Nơi rừng thẳm con nằm gai nếm mật.  
Cha hit thở hương trầm bát ngát,  
Pha lẫn mùi máu thịt của lè dân.  
Thì mũi con nghẹt thở, cổ khô khan,  
Tai vắng tiếng hồn oan trong thảm cảnh.  
Cha, nơi ngực đầy mè-day kim khánh,  
Con, bên sườn lắp lánh kiếm tiên cùu.  
Cha say mê bên thiếu-nữ yêu kiều,  
Con tận tụy với tình yêu Tổ quốc.  
Nghĩa là cha đem tài năng tri óc,  
Mưu vinh thân là mục đích cuối cùng.  
Thì con thè đem xương trắng máu hồng,  
Ra cùu vớt non sông là chí nguyện.  
Cha với con thế là hai trận tuyến,  
Cha một đường mà con tiến một đường.  
Thôi từ đây hai chữ cang thường,  
Con mở rộng đê dâng thờ Tổ quốc.  
Buồi đoàn viên thôi cha đừng mong ước,  
Cuộc hội đàm là đại bác thần công.  
Bức thơ đây là bức cuối cùng,  
Mà cha chỉ là cha trong dĩ vắng.  
Thôi hạ bút cho thâm tình gián đoạn,  
Để người đời kết án kẻ gian phi.  
Thanh gươm thần ta tuốt săn chờ khi...



## Nhật Hoàng khóc Hitler

Bài này không biết tác-giả là ai mà chỉ biết là một bài thơ trào phúng nhái theo bài cũ tam-nguyên Yên-Đồ khóc cũ nghè Văn-đình Dương-Khuê và làm vào khoảng tháng 6 năm 1945, khi nghe tin quân Đức bại trận, trùm quốc xã Hitler tự tử... để mỉa mai cái tham vọng định chia nhau làm bá chủ hoàn cầu của bè lũ gây chiến.

Nội dung tuy không sâu sắc lắm, nhưng đọc lên, chúng ta vẫn thấy vẫn còn giá trị để rót vào tai cho những kẻ đang bước vào vết xe đổ của bọn Trục: Đức, Ý, Nhật trong thế chiến vừa qua.

**H**ít-Le thôi báctoi rồi!  
 Bom bay đạn nổ tois lòng ta...  
 Nhờ từ thuở xông pha ngày trước,  
 Trục Tam cường tôi bác cùng nhau.  
 Tưởng rằng nuốt chửng năm châu,  
 Ai hay lun bại biết đâu cơ trời.  
 Cũng có lúc hẹn lời liên kết,  
 Cũng có khi gầm thét cùng nhau.  
 Gớm ghê từ trước đến sau,  
 Liệt oanh chẳng biết trên đầu có ai.  
 Vốn đã biết bỏ đói là phải,  
 Vội vàng chi bác phải ra ma.

Chợt nghe tôi những xót xa,  
 Dương thân bách thắng hóa ra thua dồn.  
 Cờ chữ « Vạn » không còn phấp phới,  
 Ai người đem thế giới nhuộm đen?  
 Máu tanh không có bạn hiền,  
 Say sưa không khỏi không phiền không lo.  
 Thơ phát-xít đắn đo muốn viết,  
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa?  
 Trời Âu vừa tạnh gió mưa,  
 Sóng dồn biển Thái, khổ chưa hối trời!  
 Quân đồ bộ khắp nơi tua túa,  
 Thành Đông-Kinh khói lửa mịt mùng.  
 Nào Nga nào Mỹ tấn công,  
 Nào Trung-Hoa cũng quyết không chịu lùi.  
 Bác biết trọng cái đời của bác,  
 Trục, minh tôi gánh vác sao đang.  
 Sóng dâng ngập cả ngai vàng,  
 Khóc tôi khóc bác hai hàng chưa chan...

